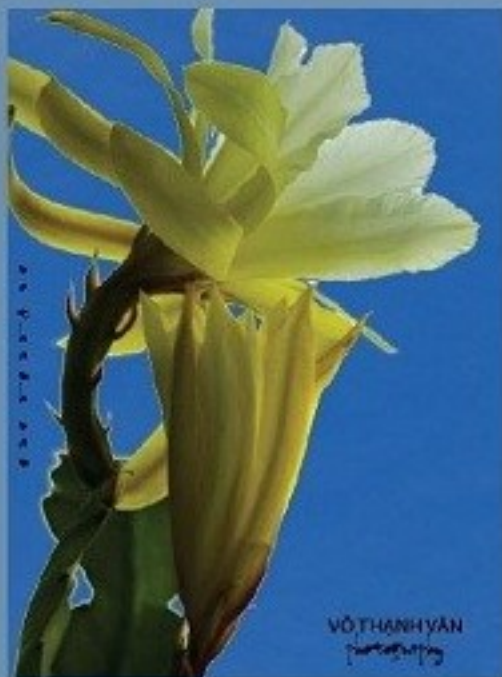


Trầm Hương

tạp chí văn học nghệ thuật



Trầm Hương 3 – Bộ Mới – 2011

Tạp Chí Trần Hương 3

≡ Parent Category:

≡ Category: **Tạp Chí Trần Hương**

🕒 Last Updated: Saturday, 10 October 2015 18:04

🕒 Published: Tuesday, 19 February 2013 13:16

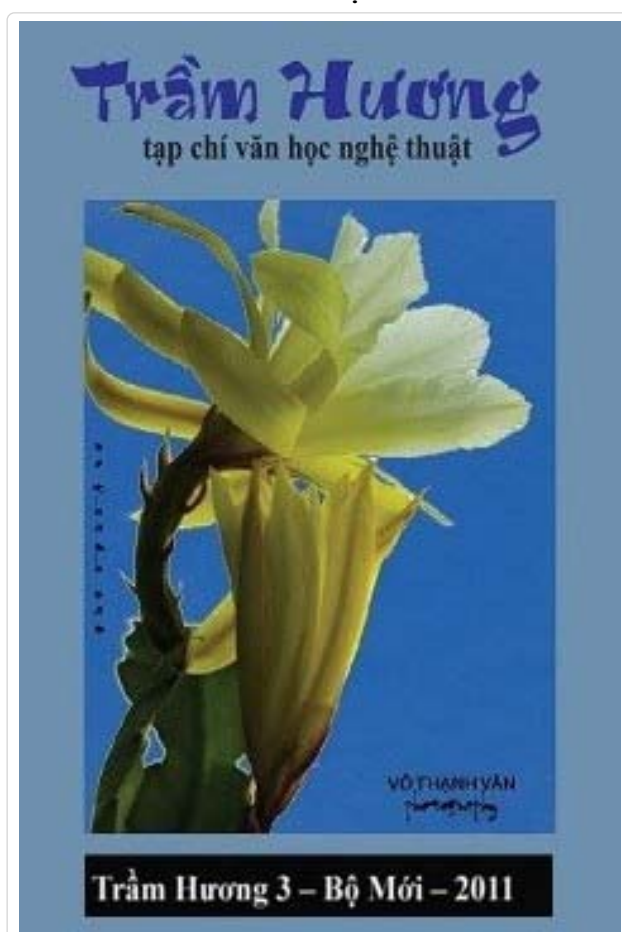
✍ Tác giả



TRẦN HƯƠNG

Tạp chí văn học nghệ thuật

NĂM THỨ 6 . BỘ MỚI . SỐ 3



Chủ nhiệm: Nguyễn Đức Nhơn

Chủ bút: Túy Hà

Thông Tin Liên Lạc

Tuyha81@yahoo.com

doanthachngoc@yahoo.com

Website: <http://hoiquantramhuong.net>

Trình bày và layout: Túy Hà

In tại Mr.Print Ân Quán

THI VĂN ĐÀN TRÀM HƯƠNG THỰC HIỆN

MỤC LỤC

Lời vào (3)

Nguyễn Minh Triết Tản mạn văn học (6) * Hải Phương thơ (12) * Trần văn Lệ thơ (12) * Ngô Nguyên Nghiễm thơ (17) * Đàm Trung Pháp tham luận (19) * Trần Yên Thảo thơ (23) * Cái Trọng Ty thơ (26) * Lưu Nguyễn Từ Thúc thơ (29) * Trần Trung Tá thơ (31) * Trọng Đạt khảo luận (32) * Lan Đàm thơ (53) * Hoàng Xuân Sơn thơ (55) * Phan Bá Thục Dương thơ (58) * Vũ Linh Điểm thơ (59) * Lan Cao thơ (66) * Phan Các Chiêu Hằng thơ (69) * Kiệt Tấn thơ (72) * Trần Bang Thạch truyện ngắn (74) * Xuân Bích thơ (79) * Kim Oanh thơ (82) * Trường Thy tạp ghi (85) * Như Phong thơ (92) * Phạm Văn Nhân điểm sách (94) * Vũ tiến Lập thơ (103) * Ái Ưu Du truyện ngắn (105) * Lãm Thúy thơ (115) * Lê Nhiên Hạo thơ (118) * Phan Xuân Sinh truyện ngắn (119) * Phạm Tương Như thơ (127) * Dương Quân thơ (130) * Nguyễn Tôn Nhan thơ (131) * Yên Sơn truyện ngắn (132) * Dương Thượng Trúc thơ (140) * Nguyễn Thị Thanh Dương thơ - truyện (142) * Thái Bạch Vân thơ (150) * Tuấn Đình thơ (152) * Uyên Sơn ký (155) * Song An Châu thơ - tùy bút (167) * Lê Hữu Minh Toán thơ (171) * Túy Hà thơ (173) * Luân Tâm thơ (175) * Song Quang thơ (178) * Nguyễn Đức Nhơn văn - thơ (180) * Tam Quỳnh thơ (186) * Miên Du Đà Lạt thơ (187) * Trần Văn Lương thơ (189) * Đoàn Thạch Ngọc đốt lò hương cũ (192) * Lã Mộng Thường- Song An Châu thơ nhạc (203).

Lời vào

Nắng lửa gió Hè rất thật da vẫn là sức cản vô hình làm chậm đi những sinh hoạt đời thường.

Ngược lại đây là cơ hội tốt để cho người cầm bút ngồi vào bàn viết. Có thể là trong căn phòng mát dịu với máy điều hòa không khí, cũng có thể viết trên laptop trong những quán cà phê Starbuck vắng người.

Riêng ban biên tập chúng tôi ngồi soạn bài lay out trong một trailer cũ kỹ, chút hơi mát thoát ra từ một máy lạnh window đã có tuổi thọ trên 10 năm với sức chứa 6000UB khiêm tốn. Mồ hôi muối mặn lại có dịp thoát ra nhom nhóp trên da thịt mỗi người. Thời sự chiến tranh vẫn đưa tin máu đỏ, thì trên chiếu vẫn làm sao không có mồ hôi. Chấp nhận cuộc chơi có nghĩa là bằng lòng thua thiệt. Nỗi đam mê nào mà không phải trả giá riêng của nó.

Mở lại Trầm Hương số cũ để tìm khuyết điểm hầu kịp thời điều chỉnh cho số mới, thì vẫn còn nguyên lời mời gọi: Thi văn hữu gần xa sống vui sáng tác mạnh để lui tới với

Trầm Hương và độc giả thân thương góp thêm chút lửa cho lò Trầm tiếp tục tỏa hương. Vui thay lối vào rộng mở, gió lạ hương đời đã văng lai liên tục vực Trầm Hương đứng dậy từ những lo âu. Sáng tác gỏi về càng ngày càng phong phú. Độc giả lại thường xuyên thăm hỏi đến TH. Điều ấy quả là một khích lệ không nhỏ cho những người “Ăn cơm nhà đi vác ngà voi”.

Viết lách là một nghiệp dĩ đã vướng vào thì khó thoát ra, vì thế giới ngôn ngữ là mênh mông không giới hạn. Thậm chí các khoa học gia đang miệt mài truy tìm để giải mã ngôn ngữ ý tình của những nền văn minh ngoài trái đất. Như vậy chữ nghĩa khác nào thảo mộc nó có hơi thở riêng của nó và sức sống tiềm tàng khó lòng hủy diệt. Từ đó văn hóa thế giới tồn tại và ý thức hệ của con người vẫn được tô bồi mỗi ngày mỗi thêm sung mãn, giúp cho nền văn minh càng ngày càng thêm tiên tiến. Người cầm bút với những sáng tác tim óc của mình cũng đã góp phần không nhỏ cho văn hóa nhân loại.

Ban Biên tập Trầm Hương không dám đao to búa lớn vì tự biết sức mình, nhưng chúng tôi vẫn mạnh dạn lên đường tiếp tục cuộc hành trình bất chấp chướng ngại. Ai cũng biết, ai cũng hiểu bây giờ và tương lai là thời đại của internet toàn cầu, với vô số những trang báo điện tử phong phú, sáng tác không giới hạn, hình ảnh tuyệt vời là thế giới tự do cho người thưởng ngoạn.

Thế nhưng chúng tôi tin chắc rằng người cầm bút không thể nào quên màu giấy trắng mực thơm. Và người đọc cũng không thể thiếu một tờ Tạp chí khi cần thư giãn hoặc giết thời gian trên những phương tiện di chuyển công cộng. Nhất là những người đã đi quá nửa đời này, thường dị ứng với những gã máy tính mặt vuông. Đọc không phải xướng lên mà còn đọc bằng đôi mắt của chính mình. Khó ai có thể suốt ngày đối diện với màn hình muôn sắc để đọc hết một trang báo điện tử. Thông thường chỉ lướt qua tìm xem tin tức trong một khoảng thời gian nhất định. Mà thị lực của con người luôn có giới hạn, nếu phung phí quá độ e rằng sẽ không còn thưởng thức trọn vẹn một dáng hoa vừa nở ngát hương, một buổi sáng trong lành bình minh rực rỡ, một ánh trăng ngà trải lụa sông mơ. Nếu thế chắc chắn sinh thú của đời người giảm đi không ít.

Vì một vài lẽ nhỏ nêu trên trong muôn ngàn lý lẽ, chúng tôi vẫn quyết tâm mời gọi Quý Văn Thi hữu trong ngoài, Quý độc giả còn yêu chữ nghĩa tiếp chúng tôi thêm chút lửa đừng để tro tàn. Nghĩa cử này chính là Quý vị đang góp phần tô bồi Văn Hóa Việt Nam Hải Ngoại. Mà văn hóa là điều kiện ắt có và đủ cho dân tộc sinh tồn.

Ngoài kia thời tiết đã dịu lại, những cơn mưa rào rơi rớt đã làm giảm đi cái nóng thiêu người của mùa Hè nghiệt ngã. Những vạt cỏ vàng khô lại vươn mình trở dậy mang theo nguồn diệp lục cho đời thêm xanh mát. Bốn mùa vẫn mãi giao hòa thì mong thay từ những hỗ trợ âm thầm của Quý độc giả giúp Trầm Hương thách đố với thời gian. Và vẫn mong thay Quý văn thi hữu không vì những dị biệt đời thường mà buông tay không góp gió cho Trầm Hương.

Ngoài quyết tâm đẩy mạnh Tạp chí Trầm Hương đi tới và mỗi ngày mỗi cải tiến, chúng

tôi cũng không thể lơ là với sự phát triển kỹ thuật thông tin đại chúng. Vì vậy với một ít kinh nghiệm khiêm tốn Trầm Hương cũng đã cố gắng để thực hiện một trang WEB trên diễn đàn Internet ngõ hầu giới thiệu đầy đủ đến Quý đọc giả những sáng tác phẩm của các tác giả đang cộng tác với Trầm Hương.

Kính mời Quý vị ghé thăm qua địa chỉ:

www.hoiquantramhuong.net

Thân kính chúc Quý vị những ngày tới mát lành, an bình hạnh lợi.

Trân trọng

Ban Biên Tập.



Nguyễn Minh Triết

TẢN MẠN VỀ VĂN HOÁ VÀ VĂN HỌC

Văn học luôn chiếm một địa vị quan trọng trong đời sống của người Việt Nam. Qua bao ngàn năm kể từ bao giờ cũng được trọng vọng và văn chương thi phú được coi là phương tiện để bước lên bậc thang xã hội vì tài năng văn chương được đồng nhất với tài kinh bang tế thế. Tuy ngày nay vai trò của văn học có đổi thay nhưng tình yêu đối với văn chương của quảng đại quần chúng vẫn vậy vì nếp sống này đã in sâu vào văn hóa dân tộc. Nhưng khi đề cập đến văn hóa, văn học, văn chương, ...rồi văn minh, văn hiến, văn vật nhiều người thường hay lẫn lộn ý nghĩa của các cụm từ này.

A. Trước hết, văn minh và văn hoá là gì và khác nhau ra sao? Thông thường nhiều người cho hai cụm từ này đồng nghĩa với nhau, nhưng thực ra là hai khái niệm khác biệt. Có rất nhiều định nghĩa về văn hóa nhưng tựu trung văn hoá được dùng để chỉ trình độ học thức và sinh hoạt chung của một dân tộc, một lối sống hay đẹp của một cộng đồng, một xã hội. Theo Đào Duy Anh văn hoá có một ý nghĩa rộng lớn hơn và chỉ chung tất cả các sinh hoạt của loài người từ những phong tục tập quán tầm thường, đến những sinh hoạt kinh tế, chánh trị, xã hội, tín ngưỡng và ngay cả các học thuật tư tưởng của loài người. Hay nói một cách khác, văn hóa bao gồm ba lãnh vực là văn hóa vật chất được biểu hiện qua khía cạnh kinh tế, khía cạnh vật thể như phương tiện sống, phương tiện sản xuất..., văn hóa tinh thần được biểu hiện qua khía cạnh tôn giáo, khoa học, khía cạnh văn học nghệ thuật... và lối sống là những thói quen, tập tục sống được hình thành theo thời gian. Vì bao gồm rộng lớn như vậy nên có thể nói văn hoá là một

khuôn mẫu toàn vẹn của nhân phẩm và những sản phẩm của nó thể hiện trong tư tưởng, lời nói, và hành động.

Dân tộc nào cũng có văn hoá riêng, chỉ khác nhau ở trình độ cao thấp mà thôi. Trong khi văn hoá luôn hàm chứa bề dày của lịch sử, là một sản phẩm của một quá trình và được tích lũy qua nhiều thế hệ thì cụm từ văn minh chỉ đề cập đến trình độ phát triển của xã hội ở từng giai đoạn. Văn minh là một sản phẩm của văn hóa mà đặc điểm là một tình trạng không còn những hoạt động bán khai, man rợ nữa. Con người đã sử dụng tài tình những phương tiện vật chất, tinh thần để phục vụ đời sống và con người đã thích ứng hóa với khuôn mẫu sinh hoạt xã hội. Nói đến văn minh, người ta thường nghĩ đến những tiện nghi vật chất trong khi văn hoá bao gồm cả những giá trị vật chất lẫn tinh thần. Khi nói đến văn hoá là nói đến tánh cục bộ, văn hoá mang tánh dân tộc như trong cách nói văn hoá Việt Nam, văn hoá Khmer..., trong khi văn minh lại có tánh quốc tế mang đặc trưng cho một vùng rộng lớn vì vật chất dễ phổ biến và dễ lây lan như nói văn minh tây phương, văn minh vùng Lưỡng hà...

Ngoài văn minh, hai từ khác cũng dễ bị lầm lẫn với từ văn hoá là văn hiến và văn vật. Theo định nghĩa văn hiến là truyền thống văn hoá lâu đời, là tổ chức đời sống theo những tiêu chuẩn văn hóa như định, còn văn vật là truyền thống văn hoá biểu hiện ở nhiều nhân tài và di tích lịch sử. Như vậy, văn hiến và văn vật cũng là những khái niệm bộ phận của văn hoá nhưng khác với văn hoá ở độ bao quát của các giá trị. Văn hiến là văn hoá thiên về các giá trị tinh thần (truyền thống lâu đời), còn văn vật thiên về các giá trị vật chất (nhân tài, di tích, hiện vật). Do sự phân biệt này mà ta thường nói nước Việt Nam có 4000 năm văn hiến, nhưng lại nói đất Thăng long ngàn năm văn vật.

Nói chung, văn hoá là cái gốc, cái hồn của một con người, một xã hội, một dân tộc. Trong cuộc sống con người hành động theo những tập quán đạo đức và văn hoá, Những tập quán này chi phối hoạt động của con người bằng vô vàn những hành vi cụ thể, nhỏ nhặt mà chánh con người có hành động cũng không ý thức được. Văn hoá cũng liên quan mật thiết đến tình cảm và tâm hồn của con người là những cái rất khó nhận biết và không thể một lúc mà có được. Văn hoá là một quá trình hình thành bền bỉ và kiên trì. Văn hoá không những thể hiện ở các giá trị vật chất mà còn là những giá trị tinh thần được thể hiện qua những truyền thống tồn tại trong nghệ thuật, trong phong tục, và trong lối sống được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Nói cách khác, văn hoá là chỗ dựa cho một cá nhân hay một dân tộc trụ bám vào mà vượt lên trong những tình huống khủng hoảng, những hoàn cảnh gian nguy để không những tự đánh mất mình, không bị mất gốc mà còn vững vàng phát triển và tồn tại. Chánh nhờ những giá trị tinh thần tốt đẹp từ ngàn xưa thấm nhuần trong truyền thống văn hoá Việt tộc đã giúp cho dân tộc ta vượt qua được vô vàn thử thách của một ngàn năm Bắc thuộc và hơn một trăm năm

Pháp thuộc để tồn tại cho đến ngày nay.

Ngoài ra, văn hoá còn là diện mạo, là bản sắc của một dân tộc. Mỗi nền văn hoá đều có những sức hấp dẫn riêng, những nét đẹp riêng khiến văn hoá của dân tộc này không thể lẫn lộn được với văn hoá của dân tộc khác. Mỗi nền văn hoá đều có những nét hay đẹp độc đáo và do đó không có vấn đề nền văn hoá này cao hơn nền văn hoá khác. Điều quan trọng là mỗi dân tộc phải biết bảo tồn bản sắc văn hoá của mình. Riêng đối với người làm văn hoá, công việc bảo tồn văn hoá dân tộc phải là công tác chánh. Trước hết là phải biết giữ gìn truyền thống dân tộc, vun xới cho cái đã có và đang sinh sôi, đồng thời phải biết ngăn chặn, hạn chế các tác động của các yếu tố ngoại lai, để đảm bảo được cho bản sắc văn hoá của dân tộc không bị nhạt phai hay bị đồng hoá. Khi nói giữ gìn truyền thống dân tộc, người làm văn hoá cũng nên nhìn rộng để không những chấp nhận những cái đã thành truyền thống mà còn phải chấp nhận cả những cái đang và sẽ trở thành truyền thống vì dân tộc không chỉ tồn tại ở quá khứ mà dân tộc cũng tồn tại ở hiện tại và trong tương lai nữa.

Nói đến truyền thống, thiết tưởng cũng nên phân biệt giữa hai thuật ngữ truyền thống văn hoá và văn hoá truyền thống. Truyền thống văn hoá là những giá trị văn hoá đã trở thành truyền thống, đã được thời gian trui luyện để trở thành những giá trị trong toàn bộ những hoạt động sản xuất và tinh thần của dân tộc cũng như những giá trị trong lãnh vực văn học, nghệ thuật, và lối sống. Trong khi đó văn hoá truyền thống lại có nghĩa hẹp hơn và thường ám chỉ các loại hình sinh hoạt văn học, nghệ thuật cổ truyền đã được bảo tồn qua nhiều thế hệ.

Môn học chuyên nghiên cứu về văn hoá của các dân tộc được gọi là môn Văn hoá học. Tuy văn hoá đã có từ lâu đời nhưng môn văn hoá học chỉ thực sự được thừa nhận từ sau khi quyển sách *The Science of Culture* của L. White ra đời vào năm 1949. Riêng tại Việt Nam ngay từ năm 1938 tác giả Đào Duy Anh đã viết một quyển sách về văn hoá rất có giá trị là *Việt Nam Văn Hoá Sử Cương*. Sau đó, vào thập niên 1950 nhà văn Lê Văn Siêu đã tiếp nối với một quyển sách nói về nền văn minh Việt Nam có nhan đề là *Việt Nam Văn Minh Sử Cương*. Hai quyển sách không thể thiếu cho những ai muốn tìm hiểu hay học hỏi về nền văn hoá và văn minh của Việt Nam.

B. Một trong các bộ phận quan trọng khác của văn hoá là văn học. Văn học có vai trò góp phần giữ gìn bản sắc của dân tộc, giữ gìn những sản phẩm tinh thần của dân tộc. Một dân tộc chỉ thực sự định hình khi có được một nền văn hoá và văn học riêng biệt. Một cách chung, văn học là tổng thể những văn bản được sáng tạo bằng thứ ngôn ngữ của một cộng đồng văn hoá. Hai cụm từ văn học và văn chương đôi khi cũng có ý nghĩa lẫn lộn. Thực ra, văn là vẻ đẹp, chương là vẻ sáng nên Phan Kế Bính đã cho văn chương là lời nói rực rỡ, bóng bảy, tựa như có vẻ đẹp, vẻ sáng. Văn chương cũng còn được hiểu

như một kỹ thuật dùng ngôn từ để tạo nên các tác phẩm văn chương. Trong khi đó, văn học được hiểu như là một khoa học nghiên cứu về văn chương như trong cụm từ văn học sử chẳng hạn. Kết quả của kỹ thuật dùng ngôn từ là văn bản. Hay nói một cách khác, văn bản là tất cả những sáng tác dùng ngôn từ để diễn đạt, biểu hiện tư tưởng của người viết. Nhưng tất cả những văn bản đó lại rất khác biệt về phương diện giá trị nghệ thuật, giá trị về cách vận dụng những kỹ năng, những phương tiện một cách có ý thức và sáng tạo để biểu tỏ ý tình trong liên quan đến cái đẹp, đến tính thẩm mỹ.

Trước tiên, văn bản có thể là những tài liệu ghi lại những diễn biến thực dụng hay để chuyển đạt những thông tin cần thiết như các thông cáo, công văn, những biên bản, những sách chỉ dẫn, những tuyên ngôn..v.v... Tất cả những văn bản này không mang tính thẩm mỹ và nghệ thuật nào, do đó không phải là những tác phẩm văn chương đích thực.

Văn bản muốn được gọi là một tác phẩm văn chương như truyện ngắn, tiểu thuyết, thơ phú... phải là một tác phẩm nghệ thuật tức phải là một công trình sáng tạo bằng ngôn từ của nhà văn theo những quy luật thẩm mỹ cao. Tác phẩm văn chương phải biểu hiện được tánh cách đẹp đẻ của ngôn từ, hình ảnh, âm thanh, nhịp điệu, và bố cục. Tác phẩm văn chương phải là một thế giới nghệ thuật được nhà văn tạo dựng lên để chuyên chở những nhận thức, những khám phá, đồng thời cũng là tiếng nói tình cảm, là thái độ của nhà văn đối với cuộc sống.

Tác phẩm văn chương còn là những sản phẩm của trí tưởng tượng, của hư cấu. Trong một tiểu thuyết từ kết cấu của câu chuyện đến nhân vật và tất cả tình tiết đều là bịa đặt, cho dù một vài chi tiết có dựa vào hiện thực đi nữa. Nếu không phải là hoàn toàn hư cấu thì tiểu thuyết sẽ trở thành một bài phóng sự. Về phía người đọc cũng có một thái độ khác nhau khi đọc một bài phóng sự và một tiểu thuyết. Người đọc thích đọc tiểu thuyết hư cấu vì chánh họ yêu thích sự bịa đặt. Bịa đặt làm cho con người khoái cảm hơn sự thực, nó kích thích cảm giác và đưa con người bay bổng vào vòm trời mơ ước mà hiện thực của cuộc đời không đem lại cho họ được. Chánh vì nhu cầu này mà các chuyện hư cấu của Kim Dung đã làm say mê không biết bao nhiêu triệu người đọc khắp các quốc gia miền đông và đông nam châu Á.

Ngoài văn bản, một nền văn học còn bao gồm các tác phẩm thuộc các loại hình văn học khác như âm nhạc, hội họa, điêu khắc, ca kịch, điện ảnh.v.v...và được gọi chung là nền văn học nghệ thuật của một dân tộc. Nền văn học nghệ thuật nói chung phải là tấm gương phản chiếu hình ảnh sống động của cuộc đời và giúp cho cuộc đời bớt khô cứng, buồn tẻ. Văn học nghệ thuật phải mang đến cho con người niềm vui và tiếng cười để quên đi đau buồn và nước mắt trong cuộc sống. Văn học nghệ thuật giúp con người biết nghi ngờ, biết tin tưởng cũng như biết nhìn đời sâu sắc hơn, lọc lõi, từng trải hơn nhờ

vào những kinh nghiệm sống của các tác giả ghi lại trong những tác phẩm văn chương. Văn học nghệ thuật cũng làm cho mỗi sự kiện trong cuộc sống như có ý nghĩa hơn, những vật vô tri giác bỗng nhiên như có hồn: “Lòng buồn cảnh có vui đâu bao giờ”.

Không những thế, văn học nghệ thuật còn là niềm vui lớn có tác dụng mở rộng tâm hồn, tạo nên muôn ngàn nối kết ta với người và người với thế giới chung quanh. Văn học nghệ thuật giúp con người vượt qua những hạn chế của không gian, thời gian để bước qua ngưỡng cửa của bao nhiêu cuộc đời khác, cùng vui buồn, cùng ước mơ, hoặc cùng khổ đau với niềm đau chung của tập thể hay cùng vững tin vào niềm tự hào của dân tộc. Qua tác phẩm nghệ thuật, con người như được giải thoát khỏi mọi ràng buộc của cuộc sống giới hạn để

Bay thẳng cánh muôn trùng tiêu tán
Phá vòng vây bạn với kim ô...

Tóm lại, văn học nghệ thuật giúp con người đi được giữa ước mơ và hiện thực, nâng hiện thực lên ngang tầm với mơ ước, kéo mơ ước trở về với hiện thực. Nhờ phối hợp ước mơ với hiện thực, văn học nghệ thuật giúp đẩy lùi mãi những giới hạn trong cuộc sống, và giúp mở rộng đến vô cùng những ước vọng và khả năng vươn tới của con người. Và đó chính là sự đóng góp của văn học vào việc bảo tồn và phát triển nền văn hoá dân tộc.

Hải Phương

Guộc con gái bước

vui hè phố xưa

Rũ em
chiều xuống phố chơi
ly cà phê đợi
giọt rơi
đêm dài.

Rũ em
xuống phố sớm mai
áo con gái mỏng
nắng cài
gió thưa.

Rũ em
chiều xuống phố xưa

mái hiên chờ tạnh
con mưa
thì về.
Rũ em
ngày xuống phố nghe
guốc con gái bước
vui hè
phố xưa.

Liềm trăng

đôi guốc gõ qua cầu

Bữa hôm trước
trăng khuya về trú ngụ
phiêu bông đêm
nhú nụ mái hiên em
miếng môi đắng phủ phê con mê thiếp
thềm đá xanh rung nhẹ ngũ âm mềm
bờ vai mỏng lênh đênh
treo chiếc võng
ta đong đưa
trí nhớ sớm mai thềm
bữa hôm trước bữa hôm qua và buổi đó
bữa hôm nay là bữa nợ theo về
mấy bữa nữa
là bữa kia xếp lại
sớm hôm em
là nếp gấp rộng rinh lẻ.
Buổi đó là bữa hôm nay ghép lại
mép tồn sinh mấy bận mở ra nhìn
phần đời lạ
tro than thời thạch động
nét son ngời ngói gạch mắt môi em
Bữa hôm nay
trăng treo trên đỉnh núi
thôi non ơi
non ở với cây cùng
tàng đá biết bước chân tìm bữa nợ

em khuya lơ
rây nhẹ lớp sương rừng
mây trầm tích dòng phù vân ẩn dụ
cho dấu sau xưa
đá nổi
nhánh rong chìm
con sông ấy xa nguồn ngơ ngẩn nhớ.
Bữa hôm mai
là bữa hôm nay chưa tới
mưa lưu vong cuồng lũ nhánh quê nhà
trăng cổ tích xói mòn thêm ký ức
ta lang thang
du mục một đời em
đôi guốc gỗ qua cầu khua bước nhẹ
thế kỷ sau chan chứa cội đi về.
Buổi bắt đầu
là buổi sau cùng bữa trước
chiều xuống phố qua cầu đôi guốc gỗ
gỗ nhịp vang rền thế kỷ em
cũng đủ thơ ta rịn mùi vô thức
cũng đủ liềm trăng lơ lửng mái hiên thêm.

Nhánh sông bữa trước

trôi buồn dòng xưa

Rũ em chiều xuống phố chơi
rón phoi thế sự ngực cời càn khôn
chân đi hiu quạnh ngữ ngôn
dấu hưng phế mở cửa hồn rụng rơi.
Rũ rê em hát trên đời
bỏ quên dưới biển chỗ ngồi tiền thân
rũ ra rũ rã trời gần
đất se dấu bụi phong trần dặm tuôn.
Rũ ra rũ rã cội nguồn
nhánh sông buổi trước trôi buồn dòng xưa.

Trần Văn Lệ

Thư riêng

Bác đi trong lúc tuổi già (*)
Cũng vui Bác nhỉ! Coi là cũng vui!
Nói chao ôi! Khóc hay cười?
Còn chung trà cũ, mất người ngày xưa...

Ngày xưa..Đà Lạt, trời mưa
Bác mời tôi đọc bài thơ mới làm
Tôi khen, Bác mặt rỡ ràng
Tay nâng quăn bút ký ngang một đường:

“Tôi làm thơ tặng người thương
Anh trong tiếng gọi từ hồn tôi vang
Ngày xưa Giả Đảo lỡ làng
Nay tôi có bạn một bàn ngồi chung!”

Ba mươi năm trước, mịt mù
Ba mươi năm, nhớ, tôi rùng mình, đau
Bác đi rồi? Bác đi sao?
Tôi không tin, lệ cứ trào, tự nhiên!

Bác Triếp à, Bác hãy quên
Tôi đi xa lắm, còn trên xứ người
Bác đi, nhang đốt cho Trời
Tôi tay bùm mặt, nhớ rồi... có quên?

“Viết cho người bức thư riêng
Gửi đi, ai nhận, tôi bèn xé thôi!
Còn nhau, cuối biển đầu trời
Mất nhau trong cái tuyết vùi Âm Dương!”

(*) Việt Trang là bút hiệu của ông Phạm Gia Triếp, nguyên Ty Trưởng Thông Tin Đà Lạt suốt thời Đệ Nhất Cộng Hòa, sau cuộc đảo chính Tổng Thống Ngô Đình Diệm chỉ được làm Phó cho tới 3-1975. Ông rất thanh liêm, đi bộ hay xe đạp đi làm công chức. Ông có nhiều Thơ viết về Đà Lạt và bè bạn, Thơ Ông có đăng trên báo Thế Kỷ 21 và Người Việt tại Mỹ. Thỉnh thoảng thấy thơ Ông có treo ở quánthơ.net. Ông mất tại Đà Lạt ngày 24-7-2010. Trong số hơn mười người con của Ông, có ba đứa từng là học trò của tôi

Ngô Nguyên Nghiễm

Sơn Khê

Trắng mắt nhìn ra trời viễn xứ
Màn đêm lồng lộng kín chân mây
Ráng xa có cố mong manh thở
Cũng đỏ mơ hồ một khóm cây

Như bếp mùa đông nhen nhúm khói
Tro than tàn lụn thật vô tình
Nếu không đứng dưới trời giông bão
Đâu nghĩ ra mình ngọn cỏ hoang

Dừng dung xuôi ngược đường nhân thế
Chiếc lá nào bay quá ngẩn ngơ
Mấy đợt sơn ca rung rúc gáy
Gọi người nghiêng ngửa kiếp xơ rơ

Ai muốn im lìm trong định số
Mặc tình con nước đuổi xô về
Cầm bằng một cánh phù dung nở
Hốc đá hoang tàn không khách qua

Mấy phen cố dựng trên sơn đỉnh
Thạch bản lung linh dưới nắng chiều
Soi mỗi đời người một bản võ
Bản nào phong thổ giống ta đâu?

Bởi suốt tháng năm đầy tiếng trống
Giục vào tiềm thức chút hư không
Đáy lòng nhẹ nhẹ xoay con trốt
Bay thẳng ra ngoài giấc mộng trung

Thế giới trong ta không cửa đóng
Khói mây mù mịt góc vườn xưa
Những đêm thức giấc như trong mộng
Thản thốt canh tàn rụng gió mưa

Tai vẫn lắng nghe từng điệu nhạc

Mơ hồ ngọn cỏ lớn theo trăng
Lần theo gậy trúc lửa sương gió
Sương gió lửa ta không nói năng

Thản nhiên rũ áo giang hồ bạc
Cát bụi ra hoa lạnh bốn bề
Ai sống âm thầm trong xó tối
Mà không heo hút bóng sơn khê?

Ngơ ngác bước trên bờ núi nhỏ
Nhìn quanh rờn rợn nét phong ba
Ai xô ta xuống giòng sông lạnh
Lãnh khí soi vào giữa giấc mơ

Hôm nay sóng nước về tắm tấp
Cổ thụ nằm ven con bến trưa
Lặng đứng chờ qua năm bảy kiếp
Vẫn chưa thấy được bóng chim xưa

Ngàn sau sử chép rằng cô khách
Đập nát cây đàn dưới miếu hoang
Ôm đá lạnh lòng lên chót núi
Hú dài theo tiếng đá lăn nhanh.

Đàm Trung Pháp

“CHÂN DUNG” CỦA MỘT HỌC VIÊN NGOẠI NGỮ HỮU HIỆU

Sau nhiều năm quan sát, ghi nhận và chia sẻ, giới nhà giáo ngôn ngữ chúng tôi đã có thể phác họa ra “chân dung” của một học viên ngoại ngữ hữu hiệu qua một số đặc trưng. Tôi xin giải thích về những đặc trưng đó để quý bạn đọc nào đang học ngoại ngữ tự lượng giá, và nếu thấy mình thiếu hụt thì có thể làm thêm được những gì để có thể thành công hơn trong nỗ lực ấy. Vì chúng ta đang sống tại Hoa Kỳ, tôi xin đưa ra những thí dụ bằng tiếng Anh trong bài viết này.

Dưới đây là “chân dung” của một học viên ngoại ngữ hữu hiệu, qua các đặc trưng được mô tả vắn tắt cùng với các thí dụ liên hệ làm sáng tỏ vấn đề.

Người học viên ấy:

Sẵn sàng đoán ý nghĩa của một chữ mới gặp lần đầu, căn cứ vào ngữ cảnh (context) của chữ mới ấy. Điều này rất hữu lý, vì đâu có phải lúc nào học viên cũng có tự điển trong

tay? Khi nghe hoặc đọc một đoạn đề cập đến một “obese man” nặng trên 300 pounds đang thở hổn hển leo cầu thang, thì học viên đoán được ngay ý nghĩa của chữ “obese” phải là “mập phì” rồi. Sau đó khi có thì giờ, người học viên sẽ tra tự điển để phối kiểm ý nghĩa, cách phát âm, cũng như chính tả của chữ “obese” cho chắc ăn.

Luôn luôn tìm kiếm cơ hội đàm thoại với người bản xứ và “coi như pha” những lỗi lầm về phát âm hoặc văn phạm của mình. Đành rằng lỗi phát âm tiếng Anh lồi thối lắm, văn phạm cũng phiền hà nữa, nhưng nếu cứ e ngại sợ người Mỹ cười thì chẳng bao giờ dám phát ngôn, chẳng bao giờ nói được tiếng Anh! Không ai có thể chinh phục được một ngoại ngữ mà không phạm lỗi phát âm cũng như lỗi văn phạm nhiều lần trong khi học tập. Sự nhút nhát này rất tai hại, vì nó sẽ cho phép các lỗi ấy ngủ yên và cuối cùng biến chúng thành chai đá (fossilized) vô phương sửa chữa sau này. Người học ngoại ngữ hữu hiệu thường là những cá nhân có tính tình cởi mở, thân thiện, thích nói chuyện, và có cảm tình với ngoại văn, ngoại ngữ nói chung. Họ cũng không bao giờ bị trăn trọc, áy náy suốt đêm vì ban ngày họ đã phạm các lỗi phát âm hoặc văn phạm tiếng Anh!

Tận dụng mọi cơ hội để thực tập các chức năng ngôn ngữ (language functions) đã học được nhưng dùng chưa nhuần, trong cả hai lãnh vực nói và viết. Mỗi chức năng ngôn ngữ là một phương tiện để truyền thông và có một cấu trúc và từ vựng đặc thù. Thí dụ như chức năng “tạ lỗi” thường dùng động từ “apologize for” cho cái hành động mà nay mình hối hận, được diễn tả bằng mô thức [having + past participle của động từ đã gây ra hành động đáng tiếc ấy] như trong câu “I apologize for having ignored you at the party last week.” Quả thực, mức thông thạo (proficiency level) về một ngoại ngữ của một cá nhân có thể được đánh giá qua tổng số các chức năng mà người ấy đã thủ đắc được trong ngoại ngữ ấy.

Thực tập cách phát âm những chữ khó sau khi đã nghe người bản xứ, nhất là các chữ chứa đựng những âm vị (phonemes) không có trong tiếng mẹ đẻ của mình (như “think”, “judge”, “church”), hoặc các chữ mà âm tiết nhấn mạnh (stressed syllable) nằm trong vị trí bất thường (như “melancholy” và “industry” đều được nhấn mạnh ở âm tiết đầu tiên). Sự thực tập phát âm này có thể âm thầm, có thể lớn tiếng. nỗ lực này thực tế lắm, vì người Mỹ thường không hiểu chúng ta khi chúng ta phát âm trật một âm vị trong chữ hoặc nhấn mạnh trật âm tiết trong một chữ.

Lắng nghe lỗi nói người bản xứ để học hỏi cách phát âm, cách dùng chức năng ngôn ngữ, và nhất là cách dùng những đặc ngữ (idioms) như trong các câu “Mary went through the roof when she heard she had been fired” hoặc “We only see them once in a blue moon.” Vì ý nghĩa của các đặc ngữ “go through the roof” (nổi cơn tam bành) và “once in a blue moon” (năm thì mười họa) rất khó đoán trúng, học viên phải hiểu cho rõ bằng cách lưu ý chúng rồi tra cứu ý nghĩa qua tự điển hoặc nhờ người bản xứ giúp đỡ.

Đề ý đến những sắc thái tế nhị của ý nghĩa trong từ vựng và cú pháp. Thí dụ, người Mỹ thường không muốn dùng động từ “die” nghe quá phũ phàng, cho nên họ dùng những

chữ thanh lịch hơn như “pass away” hoặc “depart.” Cú pháp cũng cho thấy thái độ của người sử dụng là lịch lãm hay cộc cằn, chẳng hạn như sự khác biệt giữa câu “Would you mind closing the window?” và “Close the window!”

Chú trọng đến hình thức của ngoại ngữ đang học hỏi, nào là viết chữ cho đúng chính tả (spelling), nào là chấm câu (punctuation) cho chính, nào là chia động từ (conjugation) cho phân minh, vân vân. Nỗ lực này đòi hỏi sự chú tâm quan sát, ghi nhận, và thực tập đều đặn, vì tiếng Anh không phải là thứ tiếng dễ viết dựa vào lối “đánh vần” (hai chữ “key” và “quay” cùng phát âm như nhau), vì quy luật chấm câu trong tiếng Anh rất chặt chẽ (nếu không cẩn thận với dấu phết, người viết sẽ phạm vào các “trọng tội” như “comma splices” hoặc “run-on sentences”), và vì tiếng Anh có hàng trăm động từ bất quy tắc (sắp xếp theo mẫu tự từ “arise/arose/arisen” đến “wind/wound/wound”). Đây là lối tiếp thu văn phạm nghiêm chỉnh của một cá nhân học ngoại ngữ hữu hiệu để dẫn đến mức thông thạo hàn lâm (academic proficiency).

Không bút rứt vì chưa hiểu rõ một cấu trúc nào đó của ngoại ngữ mình đang học hỏi, mà kiên nhẫn chờ đợi trong khi tìm hiểu thêm và chấp nhận đó là một phần tự nhiên của tiến trình học hỏi. Câu “Had John studied harder, he might have passed that tough exam” chắc chắn từng làm nhiều học viên tiếng Anh thắc mắc vì cấu trúc khác thường của nó. Hiển nhiên, cấu trúc này rất cần được tìm hiểu và thủ đắc vì nó diễn tả một sự giả dụ trái với sự thực trong quá khứ, đồng nghĩa với “If John had studied harder, he might have passed that tough exam.” Sự thực là John đã chẳng học chăm hơn tí nào và chàng đã rớt kỳ thi khó khăn đó rồi.

Dùng kiến thức tiếng mẹ đẻ để hiểu thêm về ngoại ngữ đang học. Người Việt chúng ta không may mắn bằng những người nói tiếng Tây Ban Nha khi học tiếng Anh, vì giữa tiếng Việt và tiếng Anh không hề có những chữ cùng gốc (cognates), nhưng cả chục ngàn những chữ cùng gốc đó tồn tại giữa tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha. Vì vậy người Mỹ Tây Cơ sẽ hiểu ngay câu tiếng Anh sau đây chứa đựng vài chữ lạ lùng, khó đoán nghĩa cho người Việt chúng ta: “A coward osculated a taciturn damsel.” Trong khi người Việt thấy các chữ “coward, osculated, taciturn, damsel” lạ hoắc thì người Mỹ hiểu chúng ngay rồi, vì “coward” cùng gốc với “cobarde” (kẻ hèn nhát), “osculated” cùng gốc với danh từ “ósculo” (nụ hôn), “taciturn” cùng gốc với “taciturna” (lầm lỳ), và “damsel” cùng gốc với “damisela” (thiếu nữ). Về cú pháp, người học viên hữu hiệu sẽ lưu ý tới những nét khác biệt đáng kể giữa ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ đang học hỏi, qua tiến trình “nâng cao ý thức” (consciousness-raising) để không phạm vào các lỗi lầm do sự “nhiều nhương” (interference) – tức là không để cú pháp ngôn ngữ mẹ đẻ ảnh hưởng tiêu cực đến cú pháp ngôn ngữ đang học. Chẳng hạn, khi một câu phức tạp tiếng Việt bắt đầu bằng mệnh đề phụ sử dụng một trong các liên từ “vì/tuy/nếu” thì mệnh đề chính thường bắt đầu bằng một trong các “từ quân bình” (balance words) “nên/nhưng/thì” như trong các thí dụ sau đây: (1a) Vì nó kiêu ngạo, nên nó không có

bạn. (2a) Tuy họ nghèo, nhưng họ rất hạnh phúc. (3a) Nếu anh yêu tôi, thì anh phải cưới tôi ngay! Nếu vô tình để khía cạnh cú pháp này của tiếng Việt ảnh hưởng lối viết tiếng Anh, chúng ta sẽ viết ra các câu bất cập sau đây: (1b) Because he is arrogant, so he has no friends. (2b) Although they are poor, but they are very happy. (3b) If you love me, then you must marry me at once! Người học viên hữu hiệu sẽ tinh ý dẹp bỏ ngay các “từ quân bình” không cần thiết “so/but/then” trong các câu (1b), (2b), và (3b).

Trần Yên Thảo

Lỗi nhịp

Sông đi hực hăng giang đầu
buổi hồng hoang lỡ bắc cầu vô chung
ta từ mộng mị lung tung
nhịp Nam Kha rót vào cung Nghê Thường.

Soi gương thấy giặc

Sơn khô phá vỡ mạch nguồn
từ khi khói bếp rẫy ruộng nồi niêu
vỏ sò chứa chấp ruột ghê
đường tơ kẽ tóc đã phiêu dạt rồi.

Chiếu trăng

Tiếng cười xé lụa đầu non
tan trong vô lượng hầy còn vọng âm
mảnh trăng tơ rơi chiếu nằm
chưa nghe đá nói ngàn năm còn chờ.

Hành tinh không Thái dương

Sãi tay nằm giữa hai bờ
con giun độn đất qua gò Kim Sa
một ngày trên xác thân ta
đường như trái đất quay ba bốn vòng.

Bên đường

Ghé qua trái đất tìm em

hay ra phần số đã lem luốc rồi
bên đường ghé tạm chiều ngồi
ngắm son phấn cũng đã đời mắt xanh.

Mộng Trang Sinh

Cựa mình, hạt bụi chơi rong
hóa thân con bướm vờ trông nhau cười
mang râu đội mũ về đời
nằm mơ chung giấc với người đang mơ.

Cuộc chơi chiến quốc

Người Chiến Quốc đã già nua
đơn thân múa gậy trong mưa chờ thời
gầy sòng tái diễn cuộc chơi
mặc cho sông núi qua đời đã lâu.

Lặng thinh cát đá

Chớp đôi cánh mỏng vàng hoe
giữa rừng thu, một tiếng ve lạc đề
lời phàm ý thánh vụng về
lâu nay cát đá chưa hề bận tâm.

Hạt bụi

Cá nằm trên cạn chờ mưa
Vũ môn đã quá còn chưa thành rồng
ngờ thương em bậu khóc ròng
hóa ra hạt bụi giữa tròng con người.

Canh bạc dương gian

Trận cười lem lấm bi hài
vui chơi cốt chỉ một vài canh thua
rùng mình, cần phải khế chua
tôi khoanh tay lại, kính thưa loài người.

Cát sông và dấu rùa

Sông trôi lấp kín Hà đồ
gió vi vút cuốn mịt mờ Thái hư
Rùa bò,
xóa dấu Lạc thư
trong mong quanh ấy
đường như có người.

Nụ cười đắc đạo

Chuồn chuồn lượn bên sông đầy
bung thừa kẻ tóc bỏ ngoài chân tơ
sóng khoan nhất, chèo băng quơ
nhà sư đắc đạo lẳng lơ cười tình.

Cái Trọng Ty

Em về Phan Lý Chàm

một ngày qua sông Lũy
đền xưa vương quốc Chàm
dấu mờ bụi thời gian
những mùa khô úa tàn
xa nhau cùng khổ nạn
gặp lại em ngậm ngùi
đường về quê thăm thăm
trong mắt Hời xa xăm
em về Phan Lý Chàm
mất một trời tháp cổ
chút lửa tình hiu hắt
cùng lạc mất quê nhà
anh qua đây gặp em
nghe tiếng rừng tuyệt vọng
nghe hồn xưa Cô Lũy
bạc đời bóng tà huy
đồng chiều mùa nước dậy
đi suốt cõi lưu đày
những phận người thê thảm
nhìn mưa giọt lệ rơi

mây tầng bay lơ lững
chiều đã khuất sau rừng
một thời nơi quan ải
gọi nắng buồn qua sông
Theo gió mùa phai
tôi ngồi bên sông
quán chiều ẩm ướt
cầu lênh đênh
mờ khuất một ngày mưa
em về muộn
xe lăn tròn bọt nước
gió thổi áo em bay
mưa dài lụa bạch
em co ro ướt sũng môi mềm
mưa chiều ấm ngọt
phượng bên đường theo nước về đâu
em là gió
tà tà bay quần quýt
là ngát ngây từ đôi mắt kiều kỳ
là cháy ngấm sóng về trên mắt biếc
ở trong mơ xa
anh phạm tội trước dung nhan
chiều qua đây tình cờ gặp lại
chợt bàng hoàng đáng lụa chiều xưa
hạ xuân lan cung đình một thuở
màu kiều sa nhan sắc từ trời

chút sắc hòa hoàng bay
nhẹ về tháp nắng
nghe ngậm ngùi mát mát bóng trắng trôi
nghe gọn chút tình băng khuâng sóng vỗ
mà áo lụa mùa phai đã thu qua
hàng mù u vẫn một đời lẫn mãi
những trái buồn rớt lại đêm mưa
nắng nhuộm cho vừa
màu chiều trong mắt
giữa tàn xanh màu nắng rớt lạnh lòng
chiều xa lắm em về mang nắng xoáy

mà say mềm môi thiếu phụ hôn mê.

Lưu Nguyễn Từ Thúc

Cổ lai hy

Thoắt đó mà đã cổ lai hi
Nhìn đời thêm thẹn tiếng tu mi
Trăm năm hư ảo vầng mây trắng
Sẽ để lại gì lúc ra đi?

Mỗi độ Đông về cây trụi lá
Tuổi đời thêm nặng gánh quan hà
Giấc mộng trị bình thời trai trẻ
Còn đây tóc bạc đượm sương pha.

Bao năm ấp ủ lo mài kiếm
Nào hay xã tắc đến đường cùng
Đêm đêm xứ lạ nhìn trăng khuyết
Mơ những đường gươm giữa muôn trùng.

Ngày tháng qua lá úa trôi sông
Trầm luân chìm nổi kiếp bèo bông
Đường về quê cũ xa thăm thẳm
Bút mực cùn, hận nước mênh mông.

Ôm hận ngàn thu đời lang bạt
Ngược thời gian ảo ảnh mù khơi
Tìm lãng quên trăng chìm đáy cốc
Thương cho thân phận lạc bước đời.

Đường trần quanh quệ trời ký ức
Ai người chia sẻ nỗi lòng này
Bao nhiêu công sức rồi tay trắng
Bỗng dưng thấy đời như bóng mây.

Bốn mươi năm cuộc đời tha hương
Bảy mươi năm lạc chốn đoạn trường
Ôm trọn niềm riêng sầu lắng đọng
Ôi! đời người một kiếp vô thường!

Trần Trung Tá

Bài thơ hai nửa

Đã tháng Tám rồi.

Hơn nửa năm.

Thời gian không thấy chạy bằng chân, hình như giờ khắc đang bay lượn bứt lá vàng
Thu rải xuống sân?

Đã tháng Tám rồi... nước ngập sông. Những cơn mưa lũ kéo ra đồng ngấm nhìn ai vậy
quần trên gỏi. Một Việt Nam tôi khổ quá chừng!

Mộ Mẹ mồ Cha không khéo mất. Mưa tầm mưa tã, mưa mưa mưa... Áo tôi không phủ
qua đầu được. Đông gió xé lòng đã đủ chưa?

Tháng Tám, giục tôi buồn nhắc nhớ quê nhà em vuốt mặt chiều hôm. Than cời, tro
nguội, xanh um khói. Hai mắt cay sè. Em nấu cơm!

Tháng Tám ở đây, trời rất đẹp. Lá vàng báo hiệu đã mùa Thu. Có mưa phơ phất vài ba
trộ không lạnh như xưa tôi ở tù...

Tháng Tám, mở ra tờ giấy mới, bài thơ tôi chứa nửa quê nhà, nửa còn lại chứa lòng xa
xứ, nghe trái tim mình ai xẻ ba:

Một góc mồ Cha và mộ Mẹ, một phần em đó áo tôi mưa. Còn phần còn lại đang co thắt:
tôi tuổi tàn rồi, em biết chưa?

Tháng Tám

Ai xui mà lắm nhảm! Thơ nào hạt bụi, ý nào mây? Chùa xa chuông vọng nghe hồi sớm,
đâu nụ bình minh hương phấn bay...

Trọng Đạt

KHUYNH HƯỚNG CHÍNH

TRONG VĂN NGHIỆP THẠCH LAM

Thạch Lam tên thật là Nguyễn Tường Vinh sinh năm 1910 tại Hà Nội, là người con thứ
sáu trong gia đình Nguyễn Tường. Ông bị bệnh lao mắt tháng 6 năm 1942 tại một ngôi
nhà tranh làng Yên Phụ cạnh Hồ Tây.

Các tác phẩm gồm.

1-Ngày Mới, tiểu thuyết 1937

2-Gió Đầu Mùa, tập truyện ngắn 1937.

3-Nắng Trong Vườn, tập truyện ngắn 1938.

4-Theo Giòng, nghị luận văn chương, 1941.

5-Sợi Tóc, tập truyện ngắn, 1942.

6-Hà Nội 36 Phố Phường, tùy bút, 1943

Ở đây chúng tôi xin đề cập đại cương về những đặc điểm, những khuynh hướng chính trong văn nghiệp của Thạch Lam qua các truyện ngắn, truyện dài, tùy bút. . Chúng tôi thu về những điểm chính sau đây: Khuynh hướng Xã hội, Nhân bản, Hiện thực, Tâm lý, Bi kịch và một số khuynh hướng phụ khác. Tìm hiểu về những khuynh hướng này cho ta thấy một cái nhìn tổng quát về văn nghiệp của Thạch Lam.

Trước hết xin nói về:

XÃ HỘI

Là thành viên của Tự Lực văn đoàn, Thạch Lam cũng không nằm ngoài tôn chỉ chung của văn đoàn là soạn những cuốn sách có tư tưởng xã hội để làm cho con người và xã hội ngày một hay hơn lên, đa số các đề tài trong truyện ngắn, truyện dài của ông thuộc về khuynh hướng xã hội. Nhưng khác với Khái Hưng, Nhất Linh, Hoàng Đạo chủ trương cách mạng triệt để theo mới, đả phá đến tận gốc rễ nền tảng văn hoá phong tục cổ hủ, Thạch Lam với lối trình bày thâm lặng tế nhị hơn khiến người ta có cảm tưởng như ông chỉ nhìn xã hội bằng cặp mắt khách quan không liên hệ gì với cuộc cách mạng xã hội mà những bậc đàn anh của ông đã đề xướng lên.

Tôi đồng ý với ông Phạm Thế Ngũ về nhận xét Thạch Lam như một nhà văn có khuynh hướng xã hội song tôi không thể đồng ý với ông trong đoạn dưới đây.

“Ông lấy làm nhân vật những người tầm thường trong xã hội. . . Ông thường để ý vạch vẽ cuộc đời của họ, những tình cảm cùng ý nghĩ của họ, chớ không bận tâm lắm đến việc tuyên truyền trực tiếp hay gián tiếp tư tưởng cách mạng xã hội”.

Trong truyện ngắn cũng như truyện dài, Thạch Lam hay mô tả kỹ lưỡng tâm lý và hoàn cảnh của những người nghèo nàn, địa vị thấp kém, mặt hạng trong xã hội hoặc những người cùng khổ, diễn tả những thảm cảnh của một giai cấp là đã gián tiếp cho người đọc chú ý đến thực trạng hoàn cảnh của họ cũng như để mong có một lối thoát nào đưa họ ra khỏi hoàn cảnh đó, chẳng lẽ chỉ tả tâm lý, xã hội để người đọc giải trí chơi cho vui thôi?

Trong một số truyện ngắn của ông ta cũng thấy phảng phất cái không khí luận đề xã hội của Khái Hưng, Nhất Linh mặc dù không mạnh dạn nói ra như trong Một Đời Người (Gió Đầu Mùa) nói về hậu quả tai hại của hôn nhân gả ép, hoặc trong Hai Lần Chết (Gió Đầu Mùa) về sự gả bán con gái.

Một Đời Người là truyện một cô gái (Liên) không lấy được người yêu (Tâm), vâng lời cha mẹ theo đúng cái hủ tục cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy để lấy một người mà nàng

không yêu (Tích) để rồi phải cắn răng cam chịu sống trong một địa ngục, người chồng vũ phu đánh đập nàng toi tả, mẹ chồng cay nghiệt chửi rửa hành hạ nàng đủ điều. Bảy năm sau gặp lại người yêu, chàng đổi vào Sài Gòn và rủ nàng trốn theo, bị chồng đánh đập tàn nhẫn nàng nhất quyết theo người yêu ra đi tìm tự do để rồi hôm sau lại đổi ý, nàng ẩm con ra sân ga tiễn người yêu lên xe hỏa vô Nam đem theo cái hy vọng cuối cùng của đời nàng, Liên nhìn hạnh phúc chạy ngang qua trước mắt mình trên chuyến xe lửa vô Nam, đạo đức luân lý đã không cho phép nàng bỏ chồng theo trai, nó chẳng khác nào như một sợi dây xiềng định mệnh buộc chặt lấy nàng để tiếp tục sống cuộc đời nô lệ.

Hai Làn Chết là truyện một người con gái tên Dung, không được cha mẹ yêu thương, gia đình trước thuộc gốc quan lại nay nghèo nàn sa sút, Dung không được đi học, gầy gò ăn mặc lôi thôi đi đánh đáo với bọn trẻ nhà nghèo. Bà cụ buôn bán, Tết nhất anh chị có áo đẹp, Dung chỉ mặc quần áo cũ, lên mười sáu bà mẹ gả bán Dung cho một bà nhà giàu, tiền thách cưới rất lớn. Nhà chồng giàu có nhưng keo kiệt, bắt con dâu phải làm việc đồng áng, nhổ cỏ tát nước, đầu tắt mặt tối, chồng Dung loắt choắt cả ngày chỉ đi thả diều... Dung trốn về quê với mẹ nhưng bà mẹ chồng đến tận nơi bắt nàng phải trở về, Dung nhảy xuống sông cho rảnh nợ đời, được cứu sống cô lại theo mẹ chồng về nhà tiếp tục cuộc đời lam lũ, lần này mới đích thực là chết, chết không ai cứu gỡ được. Cũng như trong Một Đời Người, tác giả cũng cho ta thấy cái xấu xa tàn nhẫn của tục gả bán và thân phận cay đắng của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến mẹ chồng nàng dâu, thật chẳng khác nào như truyện Đoạn Tuyệt thu gọn lại.

Trong Cô Hàng Xén, một cô gái xinh đẹp nổi tiếng cả một vùng một mình gánh hàng ra chợ bán, nàng vừa è cổ gánh vác giang sơn nhà chồng lại phải giúp cho các em ăn học, cuộc đời của nàng chỉ toàn là hy sinh gánh vác. Phải chăng ý nghĩa hy sinh cao đẹp của xã hội nho phong xa xưa lại đưa đến tấn bi kịch thân phận con người, một sự tương phản mâu thuẫn giữa ý nghĩa hy sinh cao đẹp của nền luân lý cổ và chủ nghĩa cá nhân về hạnh phúc con người.

Trong các truyện ngắn, cũng như Nhất Linh, Thạch Lam hay đề cập đến thân phận người phụ nữ, có khác chẳng nhân vật của Nhất Linh là những người trong các gia đình trưởng giả như bà thông, bà phán. Ở Thạch Lam là những người bình dân, hoặc nghèo khổ khốn cùng như Nhà Mẹ Lê, chị Sen. Trong Nhà Mẹ Lê, Đứa Con ta thấy tác giả đưa ra cái biên giới phân chia giai cấp: bọn cường hào và những người cùng khổ bị áp bức bóc lột. Bất công xã hội dưới ngòi bút Thạch Lam được diễn tả linh động tự nhiên nhưng cũng mang tính xây dựng như ở Nhất Linh, Hoàng Đạo: Trong Nhà Mẹ Lê cho thấy sự tàn bạo của bọn cường hào, và trong Đứa Con, tội ác bóc lột xương tủy người nghèo của bọn bất nhân như ông đã nói trong phần Lời Nói Đầu của truyện Gió Đầu Mùa.

“Văn chương là một thứ khí giới thanh cao và sắc bén mà chúng ta có để vừa tố cáo

và thay đổi một cái thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người được thêm trong sạch và phong phú hơn”.

Trong phần đề tựa Gió Đầu Mùa Khái Hưng viết.

“Rồi ta sẽ thấy trong những tác phẩm của Thạch Lam, rất nhiều nhân vật có cặp má phính và cái bụng xệ. Thạch Lam sẽ trút lên đầu họ hết cả sự căm tức, oán trách một xã hội trưởng giả, bất công, tàn ác đối với những người khốn khó đáng thương, mà Thạch Lam tha thiết bênh vực và an ủi”.

NHÂN BẢN

Văn chương Thạch Lam thể hiện tình thương bao la như tính công bằng bác ái Thiên Chúa Giáo, như lòng từ bi hỉ xả của Thích Ca Mâu Ni, hoặc dạt dào và rộng rãi bao la như tình yêu nhân loại, chẳng thế mà trong Lời nói đầu của Gió Đầu Mùa ông viết.

“Trước ngọn gió đầu mùa, tôi cũng không khỏi ngẩn được những cảm giác sâu xa và mới lạ. Tôi đem tâm nghĩ ngợi đến những cơn gió đột khởi ở lòng người. Tôi lại nghĩ đến những người nghèo khổ đang làm than trong cái đói rét cả một đời, gió heo may sẽ làm cho họ buồn rầu lo sợ, vì mùa đông sắp tới, mùa đông giá lạnh và lay lắt phủ trên lưng họ cái màn lặng lẽ của sương mù và lòng tôi se lại, khi nghĩ rằng chỉ một chút âu yếm, một chút tình thương cũng đủ nâng đỡ an ủi những người khốn cùng ấy”.

Vũ Bằng, một nhà văn tiền chiến sống cùng thời với Thạch Lam đã nhận xét như sau trong bài Thạch Lam, Một Nhà Văn Yêu Người Như Yêu Mình (Giao Điểm, Sài Gòn 1972)

“Trong nhóm Phong Hóa, Ngày Nay, Hoàng Đạo là người lý thuyết, Nhất Linh là người thực hành, Khái Hưng là người đả phá nếp sống cũ để tiến tới một đời sống mới, tựu chung đều là thương người, yêu người cả, nhưng muốn nói đến một người tôn thờ nhân bản thực sự, một người thương yêu xót xa đồng bào từ tâm, can, tì, phế thương ra thì người ấy chính là Thạch Lam. Gió Đầu Mùa là bằng chứng cụ thể chứng tỏ điều tôi vừa nói.”

Thực vậy tác phẩm đã được viết ra như một chút tình thương yêu để an ủi những kẻ làm than đói rét trong cơn gió lạnh: Truyện Nhà Mẹ Lê như một chút tình thương cho thân phận những kẻ ngụ cư khốn cùng, truyện Đói thể hiện tấn bi kịch trong một gia đình nghèo nơi thành thị và thân phận người đàn bà bất hạnh vì thương chồng phải sa xuống hố sâu tội lỗi, truyện Người Lính Cũ khiến ta không khỏi bùi ngùi cảm thương cho những kẻ thất thời lỡ vận lâm vào bước đường cùng: Một người trước đây đi lính cho Tây từ lúc mới hai mươi, bốn năm làm bếp, có tiền, có cô đầm, cuộc đời huy hoàng, uống rượu, nhảy đầm, sau mãn lính về nước, có ruộng nương nhưng bị mất mùa mấy năm, gia tài khánh kiệt, nay ho ra máu, thân tàn ma dại, vô gia cư, sống vất vưởng ở một cái quán bên đường.

Một Con Giận, truyện một thầy ký chỉ vì trong một phút nóng giận sai lầm đã khiến cho

anh phu xe tan nhà nát cửa, nhưng khi hồi tỉnh vô cùng hân hận anh đã đến nhà nạn nhân đền một số tiền lớn như để chuộc lại tội lỗi của mình, truyện như để diễn tả và ca ngợi tính bản thiện của con người.

Trong Ngày Mới, cuốn tiểu thuyết duy nhất của ông và Bóng Người Xưa (Nắng Trong Vườn) Thạch Lam dùng lối kết thúc happy-ending thể hiện ý nghĩa nhân bản của tác phẩm, hai truyện cùng một đề tài người chồng tàn nhẫn phũ phàng với vợ, sau ân hận, khi tính bản thiện của con người sống lại, họ đã trở về với hạnh phúc gia đình, một thứ hạnh phúc tràn đầy tình nghĩa vợ chồng.

Trong Tiếng Chim Kêu, một câu chuyện nhẹ nhàng ngây ngô tưởng như vô nghĩa nhưng cũng là một tác phẩm của tình người, của kẻ ở trong căn phòng ẩm cúng đối với những người lạnh lùng ngoài sương gió và ngay cả với loài chim muông nhỏ bé.

Nhất là trong Gió Lạnh Đầu Mùa, tình người ấm áp như chiếc áo mùa đông đã này nọ trong lòng hai đứa trẻ: Hai chị em Lan, Sơn mặc áo ấm ra chợ chơi với bọn trẻ nhà nghèo thấy Hiên con bé hàng xóm co ro bên cột quán mặc manh áo rách tả tơi bèn chạy về nhà lấy áo bông cũ đem cho nó mặc. Mẹ Lan thấy nhà Hiên nghèo khổ bèn cho mẹ nó mượn năm hào may áo. . .

Tấm lòng chia sẻ ân cần của Thạch Lam đã vượt khỏi biên giới quốc gia và thể hiện một tình yêu nhân loại rộng rãi bao la trong Người Đầm (Nắng Trong Vườn): Tác giả gặp một bà đầm dễ thương nhã nhặn trong một rạp hát rồi đem lòng thương mến một người ngoại quốc có lòng nhân từ rộng rãi và tình cảm dạt dào, ông ao ước mọi người Pháp đều tốt như bà để hai giống người sẽ hiểu biết, thân nhau như anh em trong một nhà, một câu chuyện giản dị, sáng sủa tràn đầy tình yêu nhân loại rộng rãi bao la giữa các giống người trên trái đất này.

Nhà phê bình Văn Giá đã nhận xét về nhân bản của Thạch Lam như sau.

“Nhưng tặng Thạch lam, Thanh Tịnh, Hồ Dzếnh, không có cái sức mạnh của những cú đánh, mà là tiếng lòng của sự chia sẻ ân cần mang vẻ đẹp của lòng bác ái, Cơ Đốc Giáo, trầm ảm sâu xa vào từng kiếp phận nhỏ bé, thâm lặng là lòng say sưa cái Tuyệt Thiện, Tuyệt Mỹ”.

Thạch Lam, Văn Chương Và Cái Đẹp, nhà xuất bản Hội Văn Hà Nội 1999.

HIỆN THỰC

Văn chương là phản ảnh của xã hội, con người cũng như tư tưởng tâm tình của họ, tự nó đã có giá trị hiện thực. Từ những truyện tiểu thuyết đã sử dụng xa xưa hàng nghìn năm như Thủy Hử đã thể hiện cho ta thấy những sinh hoạt của xã hội như đình chùa, chợ búa, tâm tình, mưu mẹo của con người thời ấy. Thạch Lam luôn ca ngợi cái thực trong văn chương, ông cho rằng tiểu thuyết của Anh, Nga linh động như cuộc đời nhưng không thấy ông dẫn chứng những tác giả nào, những truyện nào gần với cuộc đời, với sự thực.

Văn chương Nga hay Anh thế kỷ 19 chưa hẳn đã đi vào hiện thực nhưng đã gần với cuộc đời hơn các khuynh hướng luân lý hoặc lãng mạn như trong Chiến Tranh Và Hòa Bình (1869), Anna Karenine (1877) của Léon Tolstoi, tác giả đã làm sống lại thế giới quý tộc ông hoàng bà chúa đôi khi cả những cái giả dối của nó, để rồi hơn 20 năm sau với Ressurrection (1899) ông đã chuyển dần sang địa hạt hiện thực để diễn tả những cảnh khốn cùng thê thảm của người dân Nga, những người bị trị dưới sự áp bức bóc lột của giai cấp quý tộc ăn trên ngồi chốc, chỉ trích nặng nề nền tư pháp, Giáo Hội, chế độ Nga Hoàng. . .nhưng cũng phải đợi gần nửa thế kỷ sau văn chương mới thực sự đi vào tả chân để diễn tả đầy đủ những khía cạnh của cuộc đời, của con người.

Với Sông Don Thanh Bình một tác phẩm vĩ đại viết xong 1940, Sholokhov đã làm sống lại cuộc chiến đẫm máu giữa Hồng Quân và người Cosaques sông Don nổi dậy giành quyền tự chủ một cách tàn bạo. The Grapes of Wrath của John Steibeck viết 1939 đã nói lên số phận cay đắng của những người nông dân bị truất hữu đất đai phải tha phương cầu thực dờ sống dờ chết tại miền đất hứa Cali và Giờ Thứ Hai Mười Lăm của Gheorghiu viết 1950 đã phơi bày cho ta thấy sự tàn phá khủng khiếp của nền văn minh cơ giới, nó đã hạ giá trị con người xuống hàng số không.

Tả chân hiện thực của tiểu thuyết cận đại và hiện đại đã trở thành một tiêu chuẩn nghệ thuật quan trọng của văn chương trước sự thay đổi quan niệm của người thưởng thức, độc giả muốn được thấy cuộc đời, tâm tình con người gần gũi sống thực hơn, quan niệm của người làm nghệ thuật cũng từ đó mà thay đổi theo. Cảnh chiến trận được mô tả bằng những vẽ tuyệt đẹp như trong Chiến Tranh và Hòa Bình với những cụm khói xanh như khói lam chiều trên bãi cỏ non xanh rợn chân trời dưới bầu trời xanh thẳm nhưng với Sông Don Thanh Bình nó đã được Sholokhov tả chân bằng những nét sống thực qua hình ảnh những đường gươm của kỵ binh Cosaques hay của Hồng quân giáng từ trên xuống đầu kẻ địch vỡ làm đôi đánh “cóc” một tiếng , hoặc qua những cảnh chém giết tù binh man rợ. Chiến tranh phải được diễn tả tàn bạo phũ phàng mới đúng ý nghĩa của tả chân hiện thực.

Không riêng văn chương các nghệ thuật khác như điện ảnh cũng đã chuyển dần sang tả chân hiện thực nhất là trong những thập niên 50, 60 trở lại đây, người Ý có khuynh hướng coi hiện thực là tiêu chuẩn quan trọng nhất của điện ảnh và bây giờ nhà đạo diễn Trung Hoa lục địa Trương Nghệ Mưu đã thành công rực rỡ với hai giải thưởng sư tử vàng Đại Hội điện ảnh Venice qua hai cuốn phim xã hội tả chân hiện thực: Thu Cúc Đi Kiện (1993) và Không Thiếu Đứa Nào (1999) .

Trở lại Thạch Lam, qua các truyện ngắn truyện dài và cuốn nghị luận văn chương Theo Giòng của ông người đọc thấy tác giả chú trọng vào sự thật như tiêu chuẩn hàng đầu của văn chương nghệ thuật của ông vì thế ông đã có những nét khác biệt với Khái Hưng, Nhất Linh, các bậc đàn anh này thiên về luận đề và khuynh hướng lãng mạn, trong bài Nhìn Lại Những Quan Niệm Về Văn Học Của Thạch Lam Nguyễn Thành

viết.

“Mặc dù là người của Tự Lực Văn Đoàn mà khuynh hướng chung của nhóm là theo trào lưu lãng mạn, nhưng Thạch Lam lại rất gần với các nhà văn hiện thực tiêu biểu cùng thời, không chỉ thể hiện đậm nét trên nhiều tác phẩm mà còn trong quan niệm về văn chương”.

Thạch Lam- Văn Chương Và Cái Đẹp, nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội 1994

Khái Hưng trong phần đề tựa cuốn Gió Đầu Mùa đã viết.

“Thành thực, đó là đức tính không có không được của nhà văn. Ở Thạch Lam, sự thành thực lại trở nên sự can đảm. Đọc nhiều đoạn văn của Thạch Lam, tôi rùng rợn cả tâm hồn vì sự thành thực (những đoạn tả trong truyện Ngày Mới)”.

Ngày Mới là cuốn truyện dài duy nhất của Thạch Lam, cốt truyện lặng lẽ âm thầm và tế nhị coi như không thành công so với Khái Hưng và Nhất Linh nhưng nó kéo lại được nhờ giá trị hiện thực, Thạch Lam có những nhận xét tế nhị sâu sắc. Những đoạn tả trong Ngày Mới mà Khái Hưng ca ngợi nếu tôi không lầm là những cảnh cùng túng của bọn dân nghèo thành thị, lối sống và tâm tình của họ trong thế giới tiểu thuyết của ông như những cảnh dưới đây.

-“Đăng chú thím Trường hình như dạo này cũng túng. Vừa hôm nọ, thím ấy có đến hỏi vay con” Nàng nói thêm “Nhưng con làm gì có tiền mà cho vay”

Bà Phán cười.

-Vợ chồng nó thì kêu túng cả đời. Đi làm được ba chục bạc lương thì sao đủ.

Hoặc

Nghe mẹ nói đến tiền, Trường sực nhớ đến cái mục đích của mình khi về thăm nhà. Chờ lúc mọi người không ai để ý, chàng ra hiệu cho chị rồi đứng dậy bước ra cửa.

Dung theo ra, Trường hỏi nhỏ:

-Thế nào chị? Chị đã nói với mẹ hộ em chưa?

Dung lắc đầu đáp:

-Chưa, vì tôi biết hôm nọ mẹ cũng chả có. Tôi đã có hỏi vay riêng mấy người chị em bạn cho chú, nhưng không được”.

Và những đoạn tả chân dưới đây cho ta thấy nhận xét của Thạch Lam rất tinh tế có vẻ trội hơn các cây viết khác trong văn đoàn.

“-Anh đưa tiền cho tôi, còn cho em nó mượn bây giờ.

Xuân lảng lạng thò tay vào túi áo lấy tập giấy bạc. Chàng đếm riêng ra một tập, bỏ chỗ còn lại vào túi, rồi để tập bạc trên bàn, trước mắt Trường. Bà Phán với tay cầm lấy, ngừng nhìn hỏi Xuân:

-Chỗ này là bao nhiêu đây?

-Hơn ba chục.

Bà Phán để tập giấy bạc xuống bàn dịu dàng nói:

-Anh đưa thế này sao đủ tiêu. Tiền nhà, tiền ăn, trăm thứ đều trông vào anh cả, mà

chùng này thì sao đư”ũ.

Và những đoạn còn độc đáo hơn nữa như.

“-Anh chỉ biết nghĩ đến anh thôi. Vợ con anh ở nhà không nhìn gì đến, con anh nó ôm anh cũng mặc, chỉ đi chơi bởi suốt ngày đêm, rồi đem tiền cung phụng cho người khác. Anh không biết mấy tháng nay tôi đâm công mắc nợ bao nhiêu. Nhưng anh cần gì. Xuyên vung tay giận dữ, bước tới cửa, quay lại đáp.

-Ồ, bà nói tôi khó chịu lắm. Không để cho người ta yên một chút nữa!

Chàng sập cửa đánh sầm một cái, bước vội ra ngoài.”

Trong cuốn Theo Giòng, Thạch Lam nói sự thành thật là then chốt của người nghệ sĩ, nó là yếu tố quan trọng cho sự thành công của tác phẩm, quan sát tỉ mỉ chân thật đóng vai trò then chốt trong sự sáng tác của Thạch Lam mà các cây bút khác ít ai có được như trong Cô Hang Xén, một nhân vật điển hình của xã hội nho phong đang lúc suy tàn, cái xã hội đã đặt hết cả mọi hy sinh gánh vác trên đôi vai nhỏ bé của Tâm, nàng vừa è cổ gánh vác giang sơn nhà

chồng lại phải giúp đỡ các em ăn học, lén lút gửi tiền về cho cha mẹ. Nhưng cái nền nếp nho phong cao đẹp ấy dưới cái nhìn của chủ nghĩa cá nhân ngày nay chỉ là sự ngược đời vì nó vi phạm quyền sống của con người.

Tả một đôi vợ chồng cường hào gian ác chuyên nghề cho vay lãi nặng, những nhân vật quái đản của xã hội dưới ngòi bút của Thạch Lam có những nét độc đáo khác thường, thành quả của những nhận xét tinh vi tế nhị mà ít ai có.

“Hai vợ chồng ông Cả trước kia cũng nghèo hèn, sau nhờ cho vay lãi, lãi rất nặng, mà trở nên giàu có. Nhưng bà kiệt ác lắm. Một tay bà Cả đã tịch ký không biết bao nhiêu ruộng nương của người ở trong vùng. Những người vay nợ, bà bắt phải biếu xén, nên trong nhà bà lúc nào cũng có gà vịt, gạo hay chân giò. Nhưng hai ông bà hà tiện không dám ăn, gà vịt đem bán ở chợ, còn chân giò phơi khô để dành. Bữa cơm chỉ có một ít vừng rang thật mặn, một ít thịt kho dim và một đĩa rau”.

Ông bà không có co người ta thường bảo “không biết kiệt như thế rồi giữ của để cho ai” Những mẫu người gian ác keo kiệt độc đáo nhất của xã hội mà chúng ta có cảm tưởng như chỉ có một mình Thạch Lam khám phá ra được. Trong sáng tác cũng như những bài tiểu luận văn chương (Theo Giòng) Thạch Lam thường nhấn mạnh đến tiêu chuẩn hiện thực như một yếu tố quan trọng hàng đầu của giá trị văn chương tác phẩm.

“Một nhà văn không thành thực, không bao giờ trở nên một nhà văn giá trị.”

Hoặc

“Sự thành thật mới là cái then chốt của nhà nghệ sĩ: muốn viết một tác phẩm bất hủ mà giá trị không theo thời, ta phải để hết nổi rung động trong tác phẩm đó.”

Trong bài Nhìn Lại Những Quan Niệm Về Văn Học Của Thạch Lam (Văn Chương Và cái Đẹp), Nguyễn Thành viết.

“Như vậy, có thể khẳng định rằng, tính chân thật của nghệ sĩ và cá tính chân thật của văn học được Thạch Lam coi như một vai trò quan trọng, quyết định giá trị của tác phẩm.”

TÂM LÝ

Dostoievsky (1821-1881), nhà văn hào Nga thế kỷ 19 đã đưa lối tả tâm trạng nhân vật tới tận cùng trong toàn bộ văn nghiệp của ông như *Tội Ác Và Hình Phạt* (Crime et Châtiment 1866), *Thằng Ngốc* (1868), *Anh Em Nhà Karamazov* (1880). . . Mới đầu ông bị dư luận các nhà phê bình đương thời chỉ trích dữ dội, Léon Tolstoi cho tác phẩm của ông không thực chút nào, George Moore nói đó chỉ là những vở cải lương rẻ tiền pha chút mắm muối tâm lý (a cheap melodramatic novelist with psychological sauce) nhưng sau này và cho tới bây giờ, các thế hệ kế tiếp đã nghiên cứu văn chương Dostoievsky và đã ca ngợi ông không tiếc lời, nhiều người đánh giá ông là nhà văn hào vĩ đại nhất thế giới từ trước tới nay, nhưng trên thực tế tác phẩm của ông ít người đọc và cũng ít người hiểu được ông.

Ở đây tôi không luận bàn về giá trị văn chương Dostoievsky mà chỉ đề cập đến ông như một trong những nhà tiểu thuyết gia đi tiên phong trong lãnh vực hướng nội, mô tả tỉ mỉ những trạng thái tâm lý của con người, ông đã ảnh hưởng rất nhiều trên văn đàn thế giới trên địa hạt tâm lý này.

Tự Lực văn đoàn đã chịu ảnh hưởng Dostoievsky trong đó Thạch lam chịu nhiều nhất, trong cuốn *Theo Giòng* ông đã từng ca ngợi Dostoievsky, nhà văn hào cổ điển Nga này là tiểu thuyết gia hay nhất của thế kỷ và trên hoàn cầu.

Qua các tác phẩm cũng như các bài nghị luận văn chương, ông đặt tả tâm trạng vào tiêu chuẩn hàng đầu cùng với hiện thực như đã trình bày ở phần trên. Ông quan niệm nhà văn phải nhìn sâu vào tâm hồn mình để tìm những tính tình cảm giác thành thực, nhà văn phải suy xét tâm hồn mình rồi mới hiểu tâm trạng những người khác, trở về với chính tâm trạng của nhà văn mới chính là phản ảnh trung thực của tâm hồn, của cuộc đời.

Ngay cả khi đứng trước cảnh hoa đào nở rục rờ, một cảnh tre trước gió người nghệ sĩ cũng phải thấy được cả những tâm hồn của cỏ cây, hoa lá.

“Khi thấy các lá tre gió thổi vút một chiều, tôi cảm thấy một vang động âm thầm và kín đáo trong tâm hồn. Hình như một cảm giác gì thanh thoát và lạnh lẽo, một cái gì vừa cứng cỏi lại vừa chua xót, vừa tha thiết lại vừa lãnh đạm”

THEO GIÒNG

Nhiều nhà phê bình về Thạch lam đã đồng ý trên quan điểm ông có những nét độc đáo riêng so với Khái Hưng, Nhất Linh, tôi cho là ở kỹ thuật tả tâm trạng mà ông xếp vào sự quan trọng hàng đầu, thật vậy Khái Hưng cũng chịu ảnh

hưởng của Dostoievsky như trong Hồn Bướm Mơ Tiên đã diễn tả sự phấn đấu bên trong nội tâm một cô gái trẻ đẹp xuất gia thoát tục hay đúng hơn một cơn bão lòng, sự tranh đấu giữa tình yêu và lòng mộ đạo, Nhất Linh trong Đôi Bạn cũng chú trọng về hướng nội và sau này trong Xóm Cầu Mới. Nhưng khuynh hướng lãnh mạn của Khải Hưng và Nhất Linh bao giờ cũng nổi bật lên và ngược lại Thạch Lam có con đường đi riêng của mình, đối với ông hướng nội là tiêu chuẩn quyết định cho tác phẩm nghệ thuật vì vậy mà văn chương của ông, truyện ngắn truyện dài đều được sáng tác trong vòng ảnh hưởng nặng nề của kỹ thuật tả tâm trạng con người.

Trong Sợi Tóc, truyện một anh chàng bị một cái ví tiền cám dỗ chỉ trong tích tắc là anh phạm tội ăn cắp, Thạch Lam đã dẫn dắt ta đi sâu vào tâm hồn con người để nhận rõ sự dang co vừa gay go, vừa quyết liệt giữa nhân tính và lòng tham, giữa thiện và ác. Sự cám dỗ của số tiền lớn là Thành mồi cả mắt nhưng lý trí của anh đã đàn áp được cám dỗ. Cách thuật sự của Thạch Lam thật là tuyệt diệu nó đưa người đọc vào chỗ chơi vui bẽnh bồng giữa thực và mộng để ta chứng kiến được cái biên giới mong manh giữa thiện và ác, giữa ăn cắp hay không ăn cắp cái biên giới chỉ mong manh như sợi tơ sợi tóc.

Truyện Một Con Giận (Gió Đầu Mùa) là sự phân tích tỉ mỉ tâm trạng của một người phạm tội đối với lương tâm, nhận xét vô cùng tế nhị của tác giả cũng đi sâu vào tận tâm hồn nhân vật (Thanh) từng giây từng phút để cân đo lòng hối hận của anh khi cơn giận đã qua.

“Lòng hối hận không để tôi yên. Hình như có một cái gì nặng nề đè nén trên ngực làm cho tôi khó thở, và lúc nào hình ảnh người phu xe cũng hiện ra trước mắt”.

Ở Thạch Lam hướng nội và tả chân cũng có thể đồng hóa làm một, ông đã nói trong Theo Giọng, người nghệ sĩ phải quay về tìm tòi trong tâm hồn mình rồi mới thấu nhập được những ý nghĩ, tâm trạng của người khác, ta không thể chối cãi được nghệ thuật tả hướng nội của Thạch Lam luôn luôn sâu sắc và hiện thực hơn các cây bút khác của Tự Lực văn đoàn.

Trong Cuốn Sách Bỏ Quên (Nắng Trong Vườn) Thạch Lam diễn tả chân thực tâm trạng một người cầm bút, cũng có thể chính là ông, nó cho thấy cái biên giới vô cùng tàn nhẫn giữa thực và mộng, mộng vàng tan vỡ làm trăm mảnh khi đụng phải thực tế phũ phàng: Đó là truyện một anh nhà văn mang đầy mộng đẹp, mơ tưởng đến sự thành công huy hoàng của cuốn sách của anh mới vừa phát hành. Nhà xuất bản cho biết tác phẩm không được ai hoan nghênh cả, thất vọng ê chề nhưng rồi niềm hy vọng lại dâng lên, nó chẳng khác nào một dòng suối chảy không bao giờ cạn.

Truyện Đứa Con (Nắng Trong Vườn) cho thấy nhận xét và quan sát của Thạch Lam vô cùng tế nhị về tâm trạng một mẹ cường hào gian ác, giàu có nhưng lại hiếm hoi, thèm thường một đứa con, có lẽ chỉ ông mới nhận xét tinh vi, hiện thực như dưới đây.

“Bác Nhiều chép miệng nói khéo.

-Nhà thì túng, một đồng một chữ không có, mà cứ phải lo thuốc cho con thật là đến

khô.

Nhưng bà Cả hình như không nghe thấy gì nữa. Mắt bà đờ ra như đang theo đuổi một ước vọng xa xôi; bà đang nghĩ rằng không bao giờ bà được biết những nỗi lo sợ ấy, bởi không bao giờ bà được bỗng đưa con trên tay, được nâng niu ấp ủ một cái mầm sống trong lòng. Không bao giờ. . . Giá bà được đánh đổi tất cả của cải để lấy một đứa con”.

Người Bạn Cũ, có lẽ do người khác kể lại, truyện một anh viên chức tỉnh nhỏ xưa đã từng tham gia cách mạng, bỗng một hôm có cô đồng chí hướng cũ trước đây nay sa cơ thất thế bơ vơ giữ chợ đời, đến nhờ chàng giúp đỡ. Anh chàng chẳng giúp được gì và tự bào chữa cho mình thật khéo léo nào là sợ bà xã ghen vì hiểu lầm, nào tiền đâu mà giúp cô ấy và cuối cùng chàng tự hỏi:

“Rồi tôi băn khoăn tự hỏi xem trong hai cái hình ảnh ấy, hình ảnh người thiếu niên hăng hái và hình ảnh người trưởng giả an nhàn, cái hình ảnh nào thật là của tôi?”

Thạch Lam diễn tả nội tâm một anh chàng cách mạng hèn nhát, bằng cách đặt câu hỏi cho người đọc nhưng thực ra ông cũng ngầm biết câu trả lời, một người cầu an nay mất hết cả nhuệ khí phủ nhận cái quá khứ anh hùng của mình mà không dám tự nhận mình là kẻ hèn nhát. Hơn ai hết Thạch Lam đã lột tả được hết cả tâm trạng ê chề của một con người tiêu cực mất hết cả phí khách anh hùng.

Truyện Một Đời Người, một bi kịch, đúng hơn là một thảm kịch về người đàn bà bất hạnh bị chồng vũ phu đánh đập tàn tệ, nhất quyết trốn theo người yêu để rồi sáng hôm sau lại đổi ý định, nàng ôm con ra sân ga tiễn chàng lên xe lửa vô Nam, chỉ có một buổi tối thôi, sáng hôm sau mọi điều dự định tiêu tan như mây khói, cái biên giới tâm lý của con người ở đây cũng mỏng manh như một sợi tóc và có lẽ chỉ Thạch Lam mới nhìn ra được.

Truyện Cô Hàng Xén là sự dằn co, day dứt nội tâm của một thiếu phụ quá nhiều trách nhiệm, một cô hai chồng vừa è cổ gánh vác giang sơn nhà chồng lại vừa phải lo giúp đỡ các em ăn học, tâm trạng của nàng là sự triền miên lo âu khắc khoải, phần sợ gia đình chồng dằn vặt, phần sợ các em giận dữ.

Ngày Mới, cuốn tiểu thuyết duy nhất của Thạch Lam được dư luận coi là không thành công nhưng ít ra nghệ thuật hướng nội của ông ở đây luôn luôn hiện thực và sâu sắc cho thấy cái biên giới phũ phàng tàn nhẫn giữa thực và mộng y như trong Hạnh, một tác phẩm bất hủ của Khải Hưng.

Ngày Mới cho thấy nghệ thuật tả tâm trạng của Thạch Lam công phu, tỉ mỉ nhưng có lẽ vì quá công phu mà người đọc đã có cảm tưởng nhàm chán vì quá ít động tác, đó là truyện một anh chàng bỏ lỡ cơ hội, đã từ chối một đám giàu để lấy một cô gái nghèo, người yêu lý tưởng của anh để rồi khi yên bề gia thất, đụng phải thực tế phũ phàng, lâm vào cảnh cùng túng anh lại đâm hối tiếc đã không chịu lấy cô giàu để nay phải chịu nghèo sơ nghèo sác, anh chàng cáu kỉnh với vợ luôn sau hối hận thương vợ và tìm lại được hạnh phúc gia đình.

Mặc dù cốt truyện nhạt nhẽo song Ngày Mới cho thấy kỹ thuật hướng nội của Thạch Lam vững vàng ý nhị hơn trong các truyện ngắn của chính ông, nó cho người ta thấy sự day dứt, dằn vặt, đau khổ luôn luôn ngự trị trong tâm trạng của con người.

Nhà phê bình Bích Thu trong bài Thạch Lam Và Kiểu Nhân Vật “Tự Thức Tỉnh” đã nhận xét như sau:

“Cách đây hơn nửa thế kỷ, trong cảm quan nghệ thuật của mình, Thạch Lam đã có ý thức đi sâu vào thế giới nội tâm của con người. Đi theo khuynh hướng này, sáng tác của Thạch Lam không bị lỗi thời bởi những thị hiếu và xu thế chính trị thời thượng. Sáng tác của Thạch Lam có sức thu hút người đọc ở mọi thời điểm, chính vì cái nhìn từ bên trong, với nghệ thuật phân tích một cách tinh tế, sâu lắng những diễn biến tâm lý phức tạp, những ăn năn day dứt về tình cảm, về đạo đức một cách bản năng hay ý thức để tự “thức tỉnh” phẩm chất người trong mỗi con người”.

Thạch Lam-Văn Chương Và Cái Đẹp, nhà xuất bản Hội Nhà Văn, Hà Nội 1994.

Thạch Lam chỉ trích lối sáng tác dừng lại ở quan sát bề ngoài mà không chịu đi sâu vào thế giới nội tâm, người nghệ sĩ phải khám phá ra những bí ẩn của đời sống bên trong để diễn tả cho người đọc thấy những diễn biến thầm kín của tâm tư con người. Khái Hưng, Nhất Linh cũng đi sâu vào thế giới bên trong qua Hồn Bướm Mơ Tiên, Đôi Bạn nhưng Thạch Lam có những nét độc đáo và tỉ mỉ hơn, ông đã dẫn dắt chúng ta đi sâu vào tận đáy tâm hồn nhân vật để được chứng kiến những ưu tư khắc khoải của họ trước cuộc đời, về nhân sinh hay tội lỗi để cuối cùng lại quay trở về với tính bản thiện cố hữu của con người.

BI KỊCH

Theo tôi biết đây là một khuynh hướng riêng đã khiến cho văn nghiệp Thạch Lam có những cá tính độc đáo khác biệt hẳn so với Khái Hưng, Nhất Linh. Khái Hưng ít trước tác bi kịch, Anh Phải Sống là một đoạn thiên bi thảm hiếm hoi của ông, Nhất Linh ở một số truyện dài như Đoạn Tuyệt, Lạnh Lùng và truyện ngắn như Đầu Đường Xó Chợ, Bóng Người Trên Sương Mù cũng cho thấy ông có khuynh hướng bi kịch nhưng phần lớn sự nghiệp văn chương của Khái Hưng, Nhất Linh có những nét giống nhau ở chỗ cùng khai thác triệt để khuynh hướng yêu đương lãng mạn ngỗ hầu làm phương tiện thu hút người đọc để lồng vào đó những luận đề xã hội.

Các nhà phê bình trong nước đa số chú trọng vào đề tài bi kịch xã hội của ông, họ cho rằng Thạch Lam thường hướng ngòi bút của ông về phía những người cùng khổ và cái thế giới bần hàn mà họ phải đeo hết kiếp này sang kiếp khác. Bi kịch chiếm gần hết truyện Gió Đầu Mùa, chủ đề nổi bật nhất qua Nhà Mẹ Lê, Một Cơn Giận, Đói, Hai Lần Chết, Một Đời Người, Người Lính Cũ, Người Bạn Trẻ, Người Bạn Cũ, Gió Lạnh Đầu Mùa.

Ta có cảm tưởng như Thạch Lam chịu ảnh hưởng sâu xa của những tư tưởng yếm thế

của Thích Ca Mâu Ni về những nỗi khổ không cùng của đời người, nhân vật của ông đã thể hiện thân phận của những kẻ cùng mạt xã hội nhưng cái nhìn của Thạch Lam còn vượt xa hơn bình diện trần thế của xã hội, con người, nó là cái nhìn cao hơn về thân phận con người theo một ý nghĩa nhân sinh, một thứ triết lý bi quan nhuộm màu yếm thế.

Trong Nhà Mẹ Lê tác giả kết luận.

“Nhưng họ biết rằng bác Lê không trở về nữa và họ thấy một cảm giác lo sợ đè nén lấy tâm can họ, những người ở lại, những người còn sống mà cái nghèo khổ cứ đeo đuổi mãi không biết bao giờ hết”.

Và như vậy cái chết thảm thương của bác Lê – một người cùng đường sông vào chỗ chết để hy vọng kiếm chút gạo nuôi con – lại là một sự giải thoát và những người còn ở lại vẫn ngụp lặn trong bể khổ mê mông.

Trong Một Con Giận, tác giả phân tâm lý một người hướng thiện nhưng điểm then chốt vẫn là cảnh lâm than đọa đầy dơ bẩn của con người.

“Lần ấy là lần đầu tôi bước vào một chỗ nghèo nàn, khổ sở như thế, các anh thử tưởng tượng một dãy nhà lụp xụp và thấp lè tè, xiêu vẹo trên bờ một cái đầm mà nước đen và hôi hám tràn vào cả đến thềm nhà.

Trong cái hang tối tăm bẩn thỉu ấy, sống một đời khốn nạn, những người gầy gò, rách rưới, như những người trong một con mê”.

Truyện Đôi diên tả tâm lý một người đói, Thạch Lam đưa ra vấn đề sức mạnh của vật chất đối với tinh thần nhưng tác giả chú trọng vào tấn thảm kịch gia đình nhiều hơn, một anh chồng thất nghiệp bị cái đói dày vò thể xác và một nỗi khổ tâm khác sâu sắc tâm hồn anh khi được biết người vợ phải bán thân để cứu đói cho mình.

Cái tên truyện Một Đời Người (Gió Đầu Mùa) đã mang đầy ý nghĩa về kiếp nhân sinh ở đây cũng là tấn thảm kịch không bao giờ dứt như trong Nhà Mẹ Lê. Định mệnh cay nghiệt khiến cho Liên lấy phải người chồng vũ phu, mẹ chồng cay nghiệt, họ đánh đập, chửi rủa nàng tàn nhẫn, gia đình nàng là một địa ngục, người yêu cũ (Tâm) sắp đổi vào Sài Gòn đem lại cho nàng một lối thoát khỏi cuộc đời thê thảm ấy, chàng rủ Liên trốn theo. Liên bị chồng đánh đập tả tơi nhất định hôm sau trốn theo Tâm nhưng hôm sau mọi dự định tiêu tan hết cả, nàng đổi ý ẵm con ra ga tiễn người yêu lên xe lửa vô Nam mang theo cái hy vọng cuối cùng của đời nàng.

“Khi đoàn xe đã khuất, Liên thấy bao nhiêu nỗi đau khổ trĩu dậy ngập lòng, nàng quay đầu vào chiếc cột sắt rồi òa lên khóc”.

Và rồi Liên lại tiếp tục cam chịu cuộc đời cay đắng đau khổ như mọi ngày, tác giả kết luận.

“Cái mộng cuộc đời sung sướng với Tâm, Liên buồn rầu như là những vật tốt đẹp mà nàng thấy bày trong tủ kính các cửa hàng, những vật quý giá mà tưởng không bao giờ có thể thuộc về nàng được”.

Thạch Lam ở đây có quan niệm bi quan về hạnh phúc, một cái nhìn mới mẻ trái với quan niệm lạc quan của Léon Tolstoi về hạnh phúc trong Chiến Tranh Và Hòa Bình, hạnh phúc bao giờ cũng ở trong tầm tay, bao giờ cũng có, nhưng dưới con mắt Thạch Lam hạnh phúc chỉ là mơ tưởng xa vời, Liên đứng nhìn hạnh phúc chạy ngang trước mắt nàng trên chuyến xe lửa vô Nam mà không sao bắt lại được, hạnh phúc đối với nàng y như những món hàng bên kia tủ kính. Có thể là luân lý không cho phép Liên bỏ chồng theo trai hoặc nàng không đủ can đảm để lao đầu vào một cuộc phiêu lưu nên đành cam chịu với số phận đắng cay. Nhưng có điều là cái nhìn bi quan về hạnh phúc của ông ở đây lại trái ngược với ý nghĩa của hạnh phúc lạc quan trong Ngày Mới viết cùng năm 1937 với Một Đời Người (Gió Đầu Mùa), một anh chàng vì yêu đương mơ mộng bỏ một đám giàu, lấy một cô gái nghèo để rồi lâm vào cảnh bần hàn túng thiếu cẩu kính với vợ con, thềm thuồng sự giàu sang, uất ức và đau khổ để rồi sau những ưu tư dằn vặt cuối cùng lại thấy cái xấu xa của sự giàu sang và yên phận với cái nghèo, tìm ra được hạnh phúc, hạnh phúc luôn ở quanh ta chỗ nào cũng có. Vấn đề đáng nói ở đây là trong cùng một năm 1937 hai tác phẩm, một truyện ngắn, một truyện dài đã thể hiện hai quan niệm hoàn toàn trái ngược nhau về hạnh phúc, một bi quan, một lạc quan, ta có thể nói đây là sự nhầm lẫn đáng kể của Thạch Lam khi trong cùng một khoảng thời gian ông có thể đổi quan niệm nhanh đến thế, người ta có cảm tưởng tác giả không có lập trường về hạnh phúc con người.

Truyện Người Lính Cũ, cốt truyện giản dị, đơn sơ quá cho thấy lối thuật truyện của ông có phần thua kém Nhất Linh vì nó quá sơ sài nhưng lại diễn tả được một cách phong phú tấn bi kịch của đời người, cuộc đời y như cơn ác mộng.

Người Bạn Trẻ, một thanh niên bị xã hội dồn đến bước đường cùng phải tự kết liễu cuộc đời bằng sợi dây oan nghiệt.

Trong Tối Ba Mươi (Sợi Tóc), Thạch Lam dành nhiều cảm thương cho những kẻ bất hạnh phải sống bên lề của xã hội đã ý thức được thảm cảnh của mình, những nỗi cay đắng, cô đơn của họ giữa lúc tiếng pháo giao thừa nổ vang.

Mặc dù Thạch Lam không đề cập trong Theo Giọng, bi kịch cũng là một tiêu chuẩn hiện thực để diễn tả một khía cạnh cay đắng thấm thía, của xã hội, của con người.

NHỮNG KHUYNH HƯỚNG KHÁC

1. Lãng Mạn

Thạch lam có vị trí đứng riêng trong Tự Lực văn đoàn so với Khái Hưng và Nhất Linh ở nhiều phương diện ngay cả yêu đương bay bướm. Ông không theo cái khuôn sáo tình yêu lý tưởng, yêu nhau trong tâm hồn, những mối tình câm lặng kín đáo, yêu không nói ra, yêu cao thượng, yêu nhau không bao giờ đụng tới nhau. Khuyneh hướng hiện thực bao trùm toàn bộ văn chương Thạch Lam: xã hội cũng như tâm lý và cả ở đây, lãng

mạn. Cái lãng mạn bay bướm của Thạch Lam ở Năng Trong Vườn, Bên Kia Sông, Bắt Đầu, Đêm sáng Trăng, Tình Xưa, Ngày Mới... đã được diễn tả chân thực nhẹ nhàng thi vị, những mối tình trong văn chương Thạch Lam ngây thơ chân thực của những chàng trai mới lớn, những cô gái trong trắng ngây thơ, nó hiện thực hơn văn chương lãng mạn Khái Hưng Nhất linh ở những cái ôm hôn thầm thiết.

Dư luận các nhà phê bình và dư luận độc giả hầu như không ai chú ý đến văn chương lãng mạn Thạch Lam, người ta nghĩ rằng truyện tình của ông đơn giản và thực quá không diễn tả được không khí lãng mạn bay bướm khả dĩ rung động được người thưởng thức như Hồn Bướm Mơ Tiên, Đôi Bạn, Hai Buổi Chiều Vàng của Khái Hưng, Nhất Linh hay nói khác đi không khí lãng mạn của ông không có gì đáng nói so với các bậc đàn anh trong Tự Lực văn đoàn.

Dư luận có thể đúng song tôi nghĩ ta không thể phủ nhận hoàn toàn văn chương yêu đương bay bướm của Thạch Lam. Ông luôn tỏ ra có một phong thái, bút pháp khác biệt so với văn đoàn: truyện Dưới Bóng Hoàng Lan tế nhị nhưng phải công nhận không khí lãng mạn thi vị, nhẹ nhàng của nó đáng được xếp vào hàng đầu trong chủ đề lãng mạn của văn đoàn.

Chúng ta không thể nào bỏ quên truyện Bên Kia Sông, một truyện tình tuyệt vời nhất của Thạch Lam của Tự Lực văn đoàn, ta tưởng như lạc vào không khí bay bướm của Ivan Tourgueniev trong truyện Mối tình Đầu. Truyện một cậu học trò lớp ba mươi mấy tuổi yêu một thiếu nữ hơn mình năm, sáu tuổi, chị của cậu bạn cùng lớp. Thiếu nữ quý mến vuốt ve cậu như một đứa em bé bỏng nhưng có ngờ đâu một tình yêu ngây thơ non nớt trong lòng cậu nổi dậy dạt dào thay thế cái tình chị em cao quý ấy. Cậu theo gia đình dọn lên Hà Nội, thế mà mười năm sau cậu còn tìm về cái huyện nhỏ bé để tìm người đẹp nhưng than ôi! Mối tình ngây thơ chân thật của chàng nay chỉ còn là một kỷ niệm đẹp trong lòng.

2. Thi Vị

Nhiều nhà phê bình ca ngợi những trang văn tả tình tả cảnh của Thạch Lam tao nhã, thi vị. Đây cũng là một trong những nét đặc sắc của văn chương Thạch Lam mà Khái Hưng, Nhất Linh không thấy có, trong Dưới Bóng Hoàng Lan, ta thấy những con đường lát gạch Bát tràng rêu phủ, những mùi lá non phảng phất trong không khí, những giàn hoa thiên lý thơm dịu, những búp hoa lý non thơm phảng phất, cây hoàng lan cao vút với những cành lá rủ. Ta có cảm tưởng như cảnh trí trong một bức tranh thủy mặc của Tàu, một bài thơ tuyệt diệu.

Truyện Ngày Mới, một truyện dài được coi như không thành công nhưng ta không phủ nhận được những trang văn tả cảnh tả tình tuyệt diệu của ông khi nói đến cậu học sinh về thăm quê cũ ở huyện An Lâm với những tấm thảm lúa xanh thăm dưới làn gió nhẹ nổi lên những làn sóng bạc, những dãy nhà thấp thoáng sau lũy tre xanh, những cơn gió

nhẹ đem lại hương vị dễ chịu của mùa đất ải, hơi mát lạnh của sông Tiên bốc lên thấm thía vào cảnh vật, mùi thơm của lúa cỏ.

“Tất cả giác quan như chờ đợi những cái thú và hương vị của cánh đồng quê mà chàng sợ không được hưởng hết”.

Độc giả cũng như nhà phê bình không ai có thể quên được những trang văn tao nhã tuyệt diệu nhất của Thạch Lam diễn tả cái thanh cao thi vị của cốm trong Hà Nội Băm Sáu Phố Phường, món ăn dưới ngòi bút đầy chất thơ của Thạch Lam đã được diễn tả thật là thanh cao thi vị. Văn chương Thạch Lam độc đáo ở chỗ tìm ra được những cái đẹp trong những sự vật tầm thường nhất như món ăn chẳng hạn.

“Cơn gió mùa thu hạ lướt qua vùng sen trên hồ, nhuần thấm cái hương thơm của lá, như báo trước mùa về của một thức quả thanh nhã và tinh khiết”.

Một bài tùy bút về món ăn tự nhiên đã trở thành một áng thơ tuyệt vời với những màu sắc, ý vị vô cùng tao nhã: màu xanh của cốm, cái tươi mát của lá non cái mùi thơm ngát của lá sen già ướp lấy từng hạt cốm.

“Chúng ta có thể nói rằng trời sinh lá sen để bao bọc cốm, cũng như trời sinh cốm nằm ủ trong lá sen”

Những vẻ đẹp đầy chất thơ ấy nay đã trở thành vang bóng một thời như nhận xét của Dương Nghiễm Mậu dưới đây.

“Thời của Thạch Lam đã trôi qua, và bây giờ tìm đâu bóng dáng một Thanh, bình thản sung sướng với lúc trở về và lúc ra đi, tìm đâu một giàn hoa lý, tìm đâu cho ra một cây hoàng lan, và nữa đâu cho thấy một cô Nga với mối tình nhẹ nhàng chung thủy. Như viên ngọc quý cho thời đại chúng ta để thấy một người nào còn được sống trong sáng như thiên thần, còn biết hương hoàng lan, còn thấy được vẻ đẹp của một bông hoa đại gài trên mái tóc. . . Bây giờ là thời của những ra đi vội vàng, trở lại chua xót, là những hoa nhựa cắm trong chậu, thời của đời sống tất tưởi. . . Trong cảnh huống đó, người đọc Thạch Lam hôm nay còn ai thấy mình được sống trong hạnh phúc”.

Giao Điểm số 1, Sài Gòn 1972.

3. Tàn Bạo

Các nhà phê bình thường chú trọng đến những áng văn nhẹ nhàng thanh thoát, tao nhã, những trang văn tả cảnh thi vị của Thạch Lam mà quên một cá tính khác của ông khi phải tả những cảnh hiện thực phũ phàng. Đây cũng là điểm khiến ông có một chỗ đứng riêng trong Tự Lực văn đoàn. Ở một vài đoạn ông đã xử dụng đến lối văn diễn tả tàn bạo theo kiểu Sholokhov để tả chân cái thú tính gớm ghiếc của con người mà ta ít thấy trong văn Khái Hưng, Nhất Linh, người nghệ sĩ như Thạch Lam nói, phải can đảm nhìn vào sự thực.

“Bàn tay như sắt bóp chặt cổ nàng lại. Liên thấy giáp mặt mình, cái mặt ghê sợ của Tích, hai con mắt đỏ ngầu. Cái giận dữ làm tiếng hân run lên.

-Con đi

Rồi nàng ngã gục xuống dưới những cái đầm đá nặng nề. Lòng ghen ghét làm sức khoẻ thêm lên. Hấn nghiêng răng lại đánh túi bụi. Hấn thấy ghét nàng đến cực điểm. Không phải vì nàng không yêu mà hấn căm tức. Nhưng nàng lại đi yêu một người khác, như đâm vào lòng tự ái của hấn. Sự ấy không bao giờ hấn tha thứ được.”

Một Đời Người (Gió Đầu Mùa)

Các nhà phê bình hay chú trọng đến những cái đẹp trong văn chương Thạch Lam, ca ngợi những trang văn xanh mầu cỏm non, những áng văn hương nội mô tả những ưu tư khắc khoải... mà quên không nói tới tính chất tàn nhẫn phũ phàng khi ông muốn diễn tả chân thực thân phận đọa đày khốn khổ của giới bình dân, bản cùng trong xã hội như truyện Nhà Mẹ Lê.

“Bác mơ màng thấy vàng son chói lọi trong nhà ông Bá, thấy nét mặt gian ác của cậu Phúc, con chó Tây nhe nanh chồm đến.”

Trong phần lời nói đầu truyện Gió Đầu Mùa, Thạch Lam đã nói văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có để tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối và tàn ác, đó là loại văn chương tranh đấu chống lại sự tàn bạo của con người, lối viết phũ phàng tàn nhẫn của ông để chống lại thế giới tàn ác như đoạn trích trong truyện Đứa Con dưới đây.

“Chị Sen ở với bà Cả được ngót một năm. Bữa hôm ấy, thấy tiếng bà Cả quát tháo đã lâu, tôi chạy sang. Chị Sen đang cúi đầu vào đồng rơm khóc. Tôi hỏi tại sao, chị nức nở đáp.

- Tôi lỡ tay đánh vỡ một cái chén, ông ấy đánh tôi đau quá.

Chị Sen thâm tím cả mình mẩy, một vết roi ấy qua môi làm rướm máu. Chị vừa xoa bóp vừa than thở:

-Bởi thầy u tôi mắc nợ nên tôi mới phải chịu khổ thế này”

(Nắng Trong Vườn)

Lan Đàm

Tiểu truyện Tiêu Sơn

Bài Trương Quỳnh Như

Ta còn rượu chỉ vắng người,
Bài thơ họa dở, tình ơi sao buồn.
Kinh kỳ lạnh những hoàng hôn,
Lối quen, lâu cũ bước dồn - sợ đau!
Tiêu Sơn cách mấy giang đầu,

Xa thêm - người đã thay màu áo xưa.
Khuê phòng trần trọc tiêu thư,
Rừng hoang cổ tự thiền sư ngậm ngùi.
Nén hồng lửa ngọn chẳng vui,
Vườn khuya trăng cũng ngủ vùi trong mây.
Sương đêm mờ mịt sông đầy,
Vạc kêu, ta nhớ vừa say một mình.

Bài Phạm Thái

Từ mượn nâu sông che kiếm bạc,
Mười năm gió núi lộng thư phòng.
Rượu cạn, bình khô, chiều nắng tắt,
Nhớ người, tê buốt ngọn thu phong.

Thao thức nghìn khuya Tiêu Sơn lạnh,
Nửa đời mộng lỡ, nhạt chờ mong.
Cổ tự mưa sương chìm cô quạnh,
Kệ buồn, trắng sử đề sầu đông.

Gương báu vẫn nằm yên trong vỏ,
Ngựa chồn soi bóng lặng suối trong.
Những sớm rừng hoang vang tiếng mõ,
Trông vời, xa cách mấy Thăng Long.

Thôi trả dọc ngang cho thiên hạ,
Tình ơi chuyện cũ xót xa lòng.
Khóe mắt giai nhân tàn chí cả,
Chùa nghèo, trà đắng, nhện đầy song.

Đoạn cuối Tiêu Sơn

Trương Quỳnh Như

Nhớ người chợt tỉnh cơn say,
Thành đô đêm lạnh, trăng gầy mộng lung.
Gọi tên âm nghẹn thanh chuông,
Tiêu Sơn xa đã vô cùng tình ơi.

Phạm Thái

Dọc ngang thôi trả cho đời,

Tương tư xin gửi lại người, Quỳnh Như.
Câu kinh, thay tiếng tạ từ,
Chiều sương chùa vắng, thiền sư nghen ngào.

Bạt

Giai nhân, hề, vẫn chiêm bao,
Giang sơn, hề, biết chốn nào dung thân?

Hoàng Xuân Sơn

Ba lá

Bao la em
đồng cỏ tôi
xuông trăng ba lá
sụt
trời
tâm thanh
rằm yên
mặt nước khuynh thành
ở ba vạn kiếp
hùng anh một giờ
tôi chào em “say hello!”
vẽ chi tiếng lạ đuôi cò vẫn nheo
con mắt xưa
cháy rực đèo
phải chi núi lở
còn theo sông về
thâm xuyên em
thọ tư bề
quyển tôi mặt rệp
còn che nổi gì?

Dựa cột

Một lần
dựa cột nằm nghe
chim trời

cá nước
gọi về hư không
trăng sao
tưởng để trong lòng
ai ngờ
vẫn lục phai hồng thê kia
buộc vào
một nhánh sương khuya
chờ mai nắng lửa
tan lìa
nguyệt hư.
Áo xuân xưa
Vịn hồ
vạc áo em
xưa
ngõ chòm mây trắng bay qua
vực hồng
có đôi chim vợ chim chồng
hót tràn khe lãnh
rừng thông
nắng trào
ứng mùa xuân
tới non cao
du hồn tiểu lục
hóa vào đại ân
chín rồi
quả mạn trầm luân
áo em trắng giữa muôn phần
cỏ
cây.

Tím chiều

Mây hoe trời tím giải
chiều
lượng tâm ở ngón phù điêu
huyền cầm
tiếng hồ

vỡ đại tòng lâm
hiu hiu trầm tử
vết chàm dung nhan
ngồi nhây sợ nước lan tràn
suối khô cốc đã lăm than mấy mùa
mầm mông
thua được được thua
ngoài thiên nan đã cuộc cờ khôn vầy
ngồi nhây
không chóng thì chầy
đỏ hoe mắt tượng
khíu ngày thanh thiên
tím chiều tro trát bình yên
thèm nghe một chút mưa hiên
thở than.

Phan Bá Thụy Dương

Nói với thiên khách

Cánh hạc nào bay trong triền nắng sớm
tiếng hót xa xăm
như tận cõi trời
sao u trầm chắt ngắt khách thiên ơi
xin nhẹ bước trên lối mòn tỉnh lặng
Rừng cô tịch có gì đâu tra vấn
lửa Chân Như có đủ ấm linh hồn
đất bùn nào còn in lại dấu chân
tâm vô niệm đường xa gần đi mãi
Có phải người đang quay về bến đợi
gom lá vàng gỗ mục dưới trăng trong
về đi thôi
đêm lạnh giá mệnh mông
áo nâu mỏng sao che mưa đỡ gió
Chim thức giấc cất lời ru thật lạ
người phong trần qua mấy độ truân chuyên
thấy gì chưa
tự ngã với uyên nguyên

hay ngần ngại chia xa lòng thung lũng
Từ tiềm thức đã lạc quên long trọng
đâu đây chùng thấp thoáng ánh vô ưu
thiền khách này
thiền khách đã về chưa
xin trả lại cho ta quê, tình cũ.

Vũ Linh

Lời tòa soạn:

Để tưởng niệm cố Nhà văn Vũ Linh, Tạp chí Trầm Hương đăng lại bài này như một nén hương lòng cầu nguyện anh sớm về cõi vĩnh hằng.

Đọc lục bát Hoàng Xuân Sơn

Họa sĩ Đinh Cường từ Virginia đến Houston triển lãm tranh lần thứ ba, lần này ngoài anh còn có Họa sĩ Nguyễn đình Thuận đến từ Nam Cali. Cả hai đã để lại cho giới thưởng lãm địa phương những ấn tượng sâu sắc về nghệ thuật sáng tạo và sử dụng màu sắc trong mỗi tác phẩm. Một già một trẻ cùng một trường phái nhưng mỗi tác giả có cách suy nghĩ và màu sắc riêng qua những bức tranh sơn dầu đã trưng bày tại Houston. Tại đây tôi cũng được hân hạnh gặp Hoàng Xuân Sơn và không ngờ anh và tôi có chung một người bạn Đinh Cường. Cái đáng quý ở anh, từ Quebec Canada bay sang để gặp gỡ và hỗ trợ bạn bè trong cuộc triển lãm vì rằng ngoài tài làm thơ, anh còn là một ca sĩ, một nhạc sĩ đã chơi đàn và hát chung với Khánh Ly trong đêm khai mạc phòng tranh tại Viet Art Gallery Houston ngày 19/01/2008.

Buổi đầu gặp gỡ, trong cái bắt tay tự giới thiệu về mình, tôi cứ mãi ngỡ ngợ về cái tên Hoàng Xuân Sơn của anh, hóa ra anh chẳng xa lạ gì, là một trong số “mấy con ngựa” ở Thư Quán Bản thảo mà tôi quen biết và cũng mấy lần đọc thơ anh trên Tạp chí này. Mỗi đến lúc cầm tập thơ “Lục bát Hoàng Xuân Sơn” do anh tặng, tôi có hơi ngạc nhiên và nhìn anh thêm một lần nữa. Sau mấy cái chớp mắt, tôi lật vội mấy trang, ngoài động thái lịch sự khi tiếp nhận một tặng phẩm, hơn thế nữa lại là một tặng phẩm chữ nghĩa. Một lẽ khác hay đúng hơn hai chữ “Lục bát” to đùng đứng trước tên Hoàng Xuân Sơn, nó đã làm cho tôi lúng túng và thậm khâm phục sự can đảm của tác giả mà tôi vừa quen biết. Vì rằng hơn năm mươi năm trước, tôi cũng tập tành làm thơ và thể loại tôi cho là khó làm được một bài thơ hay đó là Lục bát. Cho đến thời điểm này, ngoại trừ Nguyễn Du tiên sinh, một số thi sĩ tiền chiến cũng như về sau vẫn có những bài thơ lục bát hay xuất hiện nhưng vượt trội hơn cả, tôi nghĩ chỉ có Nguyễn Bính. Điều này rất có thể chỉ là cảm nhận của riêng tôi và với Hoàng Xuân Sơn tôi cũng chỉ ghi lại cảm nhận của

mình sau khi đọc tập thơ do anh tặng chứ không hề làm công việc phê bình.

Nhìn một cách chung chung, văn học nghệ thuật nước ta kể từ sau 1954 cả hai miền đất nước có nhiều biến đổi. Ngoài Bắc xóa bỏ gần như hầu hết giá trị văn học nghệ thuật theo lẽ lối cổ xưa. Họ chủ trương văn học theo chiều hướng mới, văn học nghệ thuật nhằm phục vụ cho chế độ, cho con người mà đảng của họ đang nặn ra và hướng tới. Trong khi Miền Nam cởi mở và tự do hơn, chấp nhận giá trị truyền thống cổ xưa đồng thời cũng sẵn sàng tiếp nhận những nhóm chủ trương đổi mới, sáng tạo trong lãnh vực văn học nghệ thuật, trong đó hội họa và thơ là rõ nét nhất. Cho đến sau 1975 những Văn nghệ sĩ Miền Nam lưu vong tiếp tục làm công việc đó và dường như những năm gần đây trong nước cũng có những biến chuyển đáng kể trong lãnh vực này. Tuy nhiên cho dù trong nước hay hải ngoại đã và đang làm cái công việc đổi mới trong lãnh vực văn học nghệ thuật nhưng đa số chủ trương một bài thơ, một bản nhạc và đặc biệt trong lãnh vực hội họa, tác giả sáng tác với cảm xúc, bằng suy nghĩ của riêng mình trong mỗi tác phẩm. Nhà phê bình cũng như những bậc thầy các trường phái, chưa chắc đã hiểu hết ý nghĩa của nó nếu không được sự diễn giải của chính tác giả, cho dù mỗi trường phái đều có những qui ước chung để đi vào thế giới của họ. Bởi thế, người thưởng ngoạn tác phẩm nghệ thuật bây giờ, không đơn thuần chỉ nhìn hay sờ mó mà cần vận dụng đến sự suy nghĩ nhiều hơn, óc tưởng tượng phong phú hơn, may ra mới bắt gặp những điều tác giả muốn nói trong tác phẩm. Trở lại với tập thơ Lục bát Hoàng Xuân Sơn, phần mở đầu tác giả ngỏ: Ủ! xem sáu tám ngược đời/ chữ ngắt ngư chữ câu đòi đoạn câu/ gọi rằng lục bát nằm lâu/ ể mình đứng dậy thành câu thơ rồi

Lời ngỏ này chẳng khác gì qui ước để đọc những bài thơ của anh và được tác giả minh họa ngay ở lời ngỏ bằng những “câu thơ rồi” hay cũng có thể nói chữ ngắt ngư chữ câu đòi đoạn câu:

Ủ! Xem

sáu

tám

ngược đời

chữ ngắt ngư

chữ

câu đòi đoạn

câu

gọi rằng

lục bát nằm lâu

ể mình đứng dậy

thành

câu thơ

rời

Chúng ta được Hoàng Xuân Sơn trao cho chìa khóa để mở cửa đi vào thơ của anh. Bên cạnh đó, chúng ta còn bắt gặp những cái dấu chấm nữa đòi nữa đoạn như:

Cám ơn em, chiếc cỏ tròng
vô thân áo. ăm. chút nồng nàn. Xưa
cám ơn em vật trời mưa
nước hắt lưng. trộm. vai đùa cợt. hương

- - - - - (Cám ơn, trang 67)

Hay như là:

Nghiêm. đi qua đó. mặt buồn
mà trắng sáng rở đêm. khuôn hạ vàng
óng mềm hệ lụy đa đoan
thương vương mây cỗi xanh. toàn vẹn. im
thơ khúc mắc. dấu chấm. ghìm
con rung hồi hả nghe lìm lìm. trôi
đừng nói. đừng. thêm nặng lời
mặt nghiêng qua đó
buồn khơi lạc dòng

- - - - - (Hạ tuyên, trang 108)

Những dấu chấm như thế rải rác trong khắp thơ anh và 141 bài thơ lục bát, không có một dấu chấm nào được sử dụng một cách bình thường cũng như không bài thơ nào có dấu chấm câu. Bên cạnh đó, anh còn dùng ký hiệu thay cho chữ (trang 40, 55 ...) và còn trình bày một bài thơ theo một hình thể nào đó (trang 10, 31, 49, 67...) mà chỉ có anh mới giải thích được. Tại sao ư? Tất cả những dòng thơ vắn vẹo, rơi rớt, bất thường này của Hoàng Xuân Sơn đã được một người “chữ nghĩa bẽ bẽ” Cao Vị Khanh, tác giả “Lệ từ nét ngang” giải mã trong lời bạt cuối tập thơ.

Chúng ta cứ tạm thời chấp nhận lời giải của Cao Vị Khanh trong nhóm Thư quán Bản thảo, vì anh là người gần gũi nhất với tác giả và có thể hiểu được Hoàng Xuân Sơn (Cùng ở Canada và làm việc chung sở) Tuy nhiên 141 bài thơ trong Lục bát Hoàng Xuân Sơn, ít ra anh cũng còn giữ được 15 bài “y như hồi nào tới giờ”, thế là thế nào đây Hoàng Xuân Sơn và Cao Vị Khanh?

Mọi việc xin hãy tạm để đó. Chúng ta đi xa thêm một chút về Hoàng Xuân Sơn, ngoài việc làm thơ anh còn sử dụng đàn, chơi nhạc cổ điển và hát những bài tình ca của Pháp,

Anh.... Từ đó, tại sao chúng ta không nghĩ “những câu thơ rời” là một lối “viết hoà âm” của những anh sành nhạc? Ở đây có thể dành cho nghệ sĩ ngâm, biết đâu mai này nó còn dành cho những bản nhạc được phổ từ thơ của anh!

Thật ra, nếu ta sắp xếp lại những câu thơ rời của 126 bài thơ viết theo lối “Soạn hoà âm” và 15 bài có sẵn thì Lục bát Hoàng Xuân Sơn vẫn “y như hồi nào tới giờ”!

Hình thức Lục bát Hoàng Xuân Sơn là như vậy đó, còn nội dung thì sao?

Như phần nhận định trên, đọc- xem- nghe- nhìn một tác phẩm bây giờ không thể không động não, nếu đơn thuần là “thơ Hoàng Xuân Sơn” thì không có gì để nói. Đẳng này chọn “Lục bát” tức là Hoàng Xuân Sơn chọn một thể thơ có nguồn gốc của nó, có những luật lệ riêng của nó. Ngôn ngữ, vần điệu làm cho những câu thơ dễ nhớ, dễ hiểu và dễ đi vào lòng người nhưng nếu chỉ đơn thuần chỉ có thế nó sẽ không hẳn là một bài thơ lục bát. Cái hay của lục bát là ở chỗ đó, cái hay của Truyện Kiều cũng ở chỗ đó, cái tài tình của Nguyễn Du cũng ở đó. Và nếu ngày xưa, điển tích có một vị trí nào đó để làm nên thể thơ lục bát trong Truyện Kiều thì nay “lập thể, trừu tượng, siêu thực” là những thứ không thể thiếu trong một bài thơ hay một bức tranh của những tác giả hiện đại. Nhưng nếu vận dụng quá đáng hình thức trên, nhiều người cho đó là thơ văn thuộc loại “cõi trên”, chỉ có tác giả và thượng đế may ra mới hiểu được. Truyện Kiều trước đây đã đưa vào chương trình giáo dục ở Miền Nam, điển tích trong truyện đã làm cho người học nó mất ăn mất ngủ trong lúc thi cử. Cái khó của Lục bát là chỗ đó và Lục bát mãi mãi là Lục bát cũng ở đó, cho dù Hitler có lập thêm mấy ngàn lò thiêu thì người Do thái vẫn còn, nước Nhật có phải gánh chịu thêm mấy trái bom nguyên tử thì nước Nhật vẫn của người Nhật. Và cho dù có trải qua bao thế kỷ nữa thì thể thơ lục bát, Truyện Kiều Nguyễn Du vẫn “y như hồi nào tới giờ”!

Hoàng Xuân Sơn có lẽ cũng đã nhận ra lý lẽ này nên dù “thơ khúc mắc, dấu chấm ghim” nhưng nếu sắp xếp lại nguyên thể, chúng ta vẫn thấy những câu 6-8 mượt mà thân quen dễ hiểu và dễ nhớ:

Sáng nghe chim nhạn kêu bầy
mới hay biến động mùa cây lá tàn
không chừng mây bão lần sang
niú chân người ở lang thang dậm về

- - - - (gọi bầy, trang 11)

Lòng anh muốn nói đôi khi
nhìn con nắng hện nhớ gì mây bay
đêm trăng đòi hủ gọi bầy
sói hoang đồng nội nhớ ngày đi rong

lòng anh cũng muốn khóc ròng
sông xanh quê ngoại nắng hồng ngõ mai
sợi giảng tơ nhện u hoài
con chim sẻ nhỏ cùng thời lớn khôn.

- - - - - (tin thơ, trang 46)

Và bây giờ chúng ta thử lấy một bài thơ viết theo lối “hòa âm” của tác giả, sắp xếp lại theo trật tự của nó:

Buồn buồn công chị đi chơi

bê em ra ngõ nhà người nói thơ
hát cho đỡ tủi cơ đồ
trăm câu thân ái ru bờ bụi hoang
đầy thơ cho đựng bát vàng
ngiên trăng nhân loại bình an rót về
vịn em thơ đứng giữa hè
thấp tình chị sang mù mê bụi hồng

(Chị em thơ, trang 52)

Bài thơ chỉ có tám câu nhưng được sắp xếp lại, có ai nói đây không là bài Lục bát hoàn chỉnh với đầy đủ ý nghĩa của nó?

Thơ Hoàng Xuân Sơn chuyên chở tình người, tình bạn, sự rung động trước thiên nhiên và lay quay trong kiếp trầm luân. Tuy có thôn thức, có dâng trào, có nức nở qua những cái dấu chấm dứt đoạn chia lìa, những con chữ rơi rớt nhưng cũng chỉ là những bước fantasy của một điệu nhảy, vừa cổ điển vừa hiện đại của một nghệ sĩ chơi đàn và hiểu biết về âm nhạc.

Trong bất cứ lĩnh vực nào sự sáng tạo và đổi mới cũng là điều cần thiết. Riêng lĩnh vực Văn học nghệ thuật nước ta cũng đã làm những công việc này từ thế kỷ trước, rõ nét nhất là trong 2 lĩnh vực thơ văn và hội họa. Tùy theo quan niệm về nghệ thuật để trả lời cho câu hỏi sự sáng tạo và đổi mới đó đã thuyết phục hay được chấp nhận đến mức độ nào. Nói gì thì nói, một thế kỷ cũng đã qua vẫn chưa có tác phẩm nào thay thế cho Truyện Kiều của Nguyễn Du và thế giới cũng chưa có họa phẩm nào khả dĩ hấp dẫn nhiều người như Mona Lisa của Vinci. Chính vì thế những người làm Văn học nghệ thuật vẫn phải tiếp tục tìm tòi, sáng tạo và đổi mới.

Tóm lại Lục bát Hoàng Xuân Sơn tuy hình thức mới lạ, mang tính sáng tạo và hấp dẫn cũng đã hiện bên cạnh sự sáng tạo bao giờ cũng có sự đào thải, sẵn sàng ngồi chờ. Có lẽ vì thế, không ít thì nhiều anh vẫn giữ lại cái truyền thống của Lục bát, một loại Lục bát

Hoàng Xuân Sơn với những âm điệu dễ nhớ, lời thơ dễ hiểu hay nói cách khác “vẫn như hồi nào tới giờ”!

Lan Cao

Vùng tưởng

hàng mi ngủ say
bất động
da thịt mùa đông
hơi thở đứng trên môi khô khát
bút rơi
bài thơ tình dang dở
tôi nhặt lên viết tiếp vắn sau
trong tiếng nấc chạy vòng hốt hoảng
để lại cho đời
“quê hương ngàn dặm”
thơ
truyện
Anh Vân
từng trang tĩnh lặng
xếp gầy thời gian
một thời áo lính
điều thuốc xẻ mười
ru nhau giấc nhỏ
trong chiến trường địa ngục
thơ học trò vừa chạy vừa xem
chừ
trong lòng đất
tiếng đế khóc cầu hôn
tôi đứng lặng tiễn nụ cười vô tận
người bạn thơ văn
cúi đầu
ngôi sao xa lấp lánh đón: Anh Vân

Chiều mơ

chiều mùa hạ

nắng Houston vàng dịu
nỗi lòng mình thêm nhớ trải tình mong
cây đổ bóng
về Đông Phương gợi gấm
Sài Gòn ơi! ta tâm sự chất chồng
chừ vụn dậm
buồn vượn cao hơn núi
núi nằm yên, sông cuộn xoáy sân lòng
chiều sẽ tắt
nắng trườn qua đỉnh thác
mắt vương theo, vách đá đuôi quay về
em chờ đợi
sân ga chiều nắng nhớ
nắng như tàu, đi đến thể mà thôi
anh quay quắt
hoàng hôn về vội vã
mong làm sao cho kịp chuyển em chờ
mình gặp lại
tóc em vui chẻ nắng
ôm tuổi đời, ta vẫn trẻ như thơ.

KHÔNG CÓ EM

không có em
anh chỉ là một tên say khờ dại
sống lang thang trong vô nghĩa cuộc đời
lửa mặt trời, hồn đốt cháy tả tơi
thành đá cuội, phơi sương buồn rã rượi
không có em
mùa xuân ai chờ đợi
trái đất này cát bụi phủ màu tang
cả gỏi chần, băng giá cũng dâng tràn
anh như một A Đam thời đất hứa
không có em
nhân loại đâu còn nữa
sách viết gì? ngôn ngữ nói điều chi?
cả thơ anh, thơ cũng chẳng biết gì
tim rã nát trôi hoang vào núi lửa

không có em
mắt anh đâu cần nữa
mắt làm gì khi chẳng được nhìn nhau
kẻ đui mù còn bớt được niềm đau
hơn ánh sáng mà tìm em chẳng thấy.

Phan Các Chiêu Hằng

Chiều trên đồi suối bạc

ta nằm giữa đất trời
trên đỉnh đồi suối bạc
chiều nhạt bóng thu phơi
lệ sương đau nhánh tóc
ta nằm nơi phố lạ
nghe năm tháng mịt mùng
bối tìm bao thương nhớ
niềm đau soi mắt trong
ta chờ mãi mùa thu
về qua chân gỗ nhẹ
trên phiến đời hư vô
phơi ngày xanh hoang phế
ta nằm đây nhớ lại
những bờ bến vô tình
chiều nay trên dốc núi
đời mệt nhoài lênh đênh
ta trú trong động khô
ôm trái tim sùng ứ
ngoài kia trời đổ mưa
mùa thu âm thầm chết
chiều lên đồi suối bạc
nghiêm ngẫm đời hôm qua
biết còn hay đã mất
áo lộng dưới trăng tà ...
hóa là thiên thu
mùa xuân như mới về ngang
để rơi lại cánh hoa vàng làm tin
ngõ về dốc đứng chông chênh

trái tim bình thản bỗng hình như đau
nhớ xưa nắng trải lụa đào
vườn ai hoa cúc tỏa ngào ngạt hương
đường lên chùa hai bên đường
có con bướm ngân nga vờn cánh bay
em từng bước nhỏ trang đài
dáng nghiêng thềm nắng hình hài bỗng xa
bàn tay vẫy chào hôm qua
tưởng trong giây phút hóa là thiên thu.
mai về phương ấy không
hư không là mấy cõi
mà hồn chia trăm đường
mắt cười công chúa nhỏ
còn gọn bóng mây buông
xa xôi là mấy thuở
hương còn thấm giữa hồn
môi mềm công chúa nhỏ
vẫn ấm một lần hôn
biển xa là mấy dặm
còn âm vang sóng cuồn
quanh tim công chúa nhỏ
trời mấy vòng tơ vương?
núi cao là mấy ngọn
nghiêng bóng xuống nghìn trùng
bước chân công chúa nhỏ
mai về phương ấy không?
ở một buổi tình cờ
gặp nhau cười nhắc chuyện xưa
nghe man mác lạnh hơi mưa ngõ về
hỏi nhau còn nhớ những gì
chút êm đềm thuở hẹn thề vu vơ
chút băng khuâng, chút đại khờ
chút xôn xao buổi đợi chờ đón đưa
hỏi tình thơ nhẹ bay chưa
về theo mây trắng cuối mùa hoa niên.

đôi sau

(gửi C.)

xin tay còn nuôi vòng ôm
xin môi còn ấm nụ hôn ban đầu
xin yêu lần nữa, đời sau
ta về
đỗ giấc chiêm bao
đợi người

Kiệt Tẩn

áo đỏ cầu tàu

chiều chiều ra đứng cầu tàu
ngó mong lụa áo rực màu đỏ tươi
nụ đầu chẳng nở môi cười
sao em nở để bụi ngùi dạ anh
bờ sông anh đứng một mình
chờ xe em đạp thành linh hiện ra
nổi xe anh đạp tà tà
xe em quẹo trái anh rà rà theo
một cơn gió lốc bay vào
thuyền hương em thả anh chèo mãi mê
"dù em lạc sở sang tề
thì em nhớ gởi thơ về anh hay"
biết không em anh ngóng hoài
an thành làm chứng miệt mài cù lao
lục bình dù có ra vào
lòng anh thề chẳng phai màu đợi em.

cầu lộ cầu lầu

an thành vườn tược tốt tươi
bắc qua đò lại rộn người chợ đông
cổ chiên ồ ạt tuôn dòng
cù lao trời ngó vĩnh long đất liền
bốn bề sông nước tràn biên
cầu gần cầu lộ cầu thiềng đức xa
cầu lầu cái cá bắt qua

chờ cho đêm xuống để ta thăm nàng
sân em có cội mai vàng
đường anh xanh mát hai hàng me tươi
tan trường vang guốc rộn vui
anh ra cửa sổ lui cui đánh đờn
sáu dây phiếm cũ đã sờn
tình si em rặng nguồn cơn chẳng nào.

Trần Bang Thạch

NGƯỜI MỸ CHUNG TÌNH

Gặp một người Mỹ chung tình trong cái xã hội văn minh, tiến bộ, giàu vật chất này thì khó quá phải không? Vậy mà tôi đã gặp một người. Có thể nói là tôi đã "sống" với ông hơn mười năm nay, thời gian chắc đã đủ để xác nhận ông là người Mỹ chung tình. Tôi đã muốn viết về ông từ lâu, nhưng tôi muốn chờ thêm, vừa để có thêm thời gian thử thách cái chung tình của ông, vừa để chờ một kết cục có hậu cho câu chuyện. Đến nay thì tôi không thể chờ thêm được nữa. Bài viết phải hoàn tất để đọc cho ông nghe trước khi ông hoàn toàn mất trí.

Khi tôi sang tiệm rượu tại khu thương mại này thì ông là khách hàng đầu tiên của tôi. Hôm đó ông tự động đi đến góc trái, phía trong cùng của tiệm, mở nắp thùng bia ướp lạnh, lấy lon bia đầu bò 18 oz. đem đến quầy tính tiền, không cần hỏi giá, ông đưa ngay cho tôi 1 đồng tám mươi chín xu, đa số là các đồng 25 xu; và với một cử chỉ rất thành thạo, không cần nhìn, ông vói tay lấy bạch giấy để nơi học tử phía dưới quầy tính tiền; bạch giấy lớn vừa đủ cho ông gói kín lon bia, bỏ vào túi áo bành tô mang ra khỏi tiệm. Hôm đó tôi nhớ ông cúi đầu chào tôi và nhà tôi rất là lịch sự, hình như có một chút mỉm cười. Còn tôi thì trong lúc ngỡ ngàng trước các hành động có vẻ quen thuộc của ông đối với cửa tiệm này nên không có với ông một lời nào, không có cả cái gật đầu đáp lễ.

Tôi không biết khu thương mại Á đông mọc lên tại vùng cực bắc Atlanta này từ bao giờ. Người ta nói ông Mỹ này có mặt từ những ngày đầu. Người ta chú ý đến ông vì ông là người Mỹ lạc loài trong số khách Á Đông tới lui khu thương mại không mấy sầm uất này. Ông là người không nhà, một homeless, sống bằng các đồng tiền lẻ của người qua đường. Tôi thì chú ý đến ông không phải vì ông là khách hàng quen thuộc, mà trước hết là vì hai tấm giấy cứng luôn luôn có mặt với ông nơi ngã tư xa lộ I-45 và Cordell. Một tấm kê tựa vào cây trụ đèn, lớn vừa đủ cho ông viết ngoằn ngoèo mấy chữ: Want a beer. Why lie. Đại khái có nghĩa là: Chả cần phải giấu diếm gì cả, tớ đang thèm bia đây, cho tí tiền lẻ nhậu chơi! Xin tiền mà nói huých toẹt như vậy thì thật là hết chỗ nói! Kỳ thật hẳn đang cần bia, thuốc cho đã cơn ghiền. Có ai dám nói thật những

điều này để mà đòi meo? Người bảo thủ hay đạo đức thì chẳng muốn nhìn tới cái mặt của ông: không lo ăn mà chỉ có say với sữa, chè với chén! Tấm bảng này có những thuận lợi và bất lợi. Người qua đường thích nói thật, những ai gọi là cấp tiến, thì biết tổng là tiền ông có được chỉ đi vào cái mục rượu, thuốc; thấy ông chịu chơi vì đã nói thật nên cho ông nhiều tiền; không như những homeless khác cứ than nào là vợ đau con yếu, nào là mới vừa thất nghiệp, v.v... Hay có anh sòng phẳng hơn, cầm tấm bảng ghi: Work for food. Nhìn bộ dạng ốm tong, mặt mày hì hợm, môi mắt thâm sì đồ ai dám rước về nhà để cho anh work! Thôi thì cho chút ít đăng yên ổn cái lương tâm.... Tấm bảng kia nhỏ hơn, máng trên cổ, thông trước ngực, trên có vẽ lá cờ thoát nhìn có dáng vẻ lá cờ VNCH, cũng 3 sọc đỏ, nhưng 3 sọc đỏ được viền bằng màu xanh lục và chạy dọc theo nền cờ hình chữ nhật không phải màu vàng mà là màu cam sậm. Thấy lá cờ trên ngực ông lần đầu tiên, tôi đâm ra khó chịu, một phần vì mình đã quen thuộc với màu sắc và hình ảnh lá cờ của mình, nay thấy những cái khác thường này tôi chỉnh ông ngay:

“Ông có muốn mang cờ của chúng tôi thì tôi xin biếu ông 1 cái, chứ đừng mang lá cờ làm lẩn lộn thôi như vậy”.

Thoạt nghe chắc ông không hiểu tôi muốn nói gì; sau một phút, ông nghiệm ra:

“Cảm ơn ông đã chú ý. Nhưng đây là cờ của tổ chức Vietnam Veterans Association. Tôi là thành viên mà”.

Tôi chữa thẹn:

“Ồ, vậy thì xin lỗi nghe. Tôi cứ tưởng ông mang quốc kỳ của tôi”.

“Lúc tôi mới vào nghề đứng đường này, tôi có mang trước ngực lá cờ VN nền vàng 3 sọc đỏ hẳn hoi. Sau có mấy người VN không bằng lòng, họ nói làm vậy không được. Tôi nghĩ cũng đúng thôi: lá cờ linh thiêng của cả một đất nước, một dân tộc mà nằm trên bộ áo hôi thúi của kẻ ăn xin này thì vô cùng phạm thượng. Nên tôi thay bằng cờ hiệu của hội chúng tôi, hội của những cựu chiến binh Mỹ trong chiến tranh VN”.

“À thì ra ông có tham chiến ở Việt Nam. Tại sao ông muốn mang lá cờ của chúng tôi?”.

“Bàn tay trái của tôi đã để lại trên quê hương đó. Cho đến giờ này, tôi không thấy một chút tiếc nuối nào, trái lại tôi còn có nhiều lý do khác để thấy yêu mến đất nước này hơn”.

“Tôi cảm ơn và trân trọng sự hy sinh của ông và các đồng đội của ông. Nhưng chính các ông đã bỏ chúng tôi mà!”

“Điều này thì không sai. Cho nên khi biết Miền Nam hoàn toàn sụp đổ và rất nhiều đồng bào ông sang được các quốc gia Tự Do, ngay từ đầu năm 76, tôi cùng một số chiến binh cũ vận động với chánh quyền Mỹ cho treo các lá cờ vàng 3 sọc đỏ tại các trung tâm thương mại có nhiều người Việt. Tiếc là cuộc vận động bị bỏ dở”.

Tôi bất ngờ về điều ông tiết lộ. Thì ra đã có những người Mỹ từ hai chục năm trước đã vận động việc treo cờ quốc gia VN.

“Lý do nào mà các ông không được thành công?”

“Có lẽ lúc ấy tình hình bang giao còn quá mới, và khối các ông có lẽ cũng chưa sẵn sàng để tham gia cùng nhóm nhỏ của chúng tôi.”

Càng nói chuyện với ông Mỹ già vô gia cư này tôi càng thấy thú vị, tiếc là hôm ấy tôi không có thì giờ để nói chuyện thêm với ông, nhưng tôi biết qua câu chuyện vừa rồi, ông đã gọi tánh tò mò của tôi, nên chắc chắn tôi sẽ có thêm nhiều lần chuyện trò với ông hơn nữa.

Quả thật như vậy, sau đó chúng tôi có biết bao nhiêu câu chuyện trao đổi trong suốt hơn mười năm quen biết nhau. Nói là mười năm là nói cho gọn, chớ thật sự trong khoảng thời gian đó có khi tôi vắng ông đôi ngày hay cả tháng. Có nhiều lý do để ông vắng mặt nơi khu thương mại này. Chẳng hạn như thay đổi địa bàn làm ăn: ông buồn chân ngựa căng đi đến ngã ba, ngã tư nào quanh đó rồi lười biếng đi về chỗ cũ. Thật ra thì đối với kẻ không nhà thì đâu chả là nhà! Hay có khi gom đủ ít tiền hoặc có người tốt bụng cho quá giang, ông đến tiểu bang khác tìm người tình cũ. Đến đây thì câu chuyện của ông lính già này có chiều hướng rắc rối rồi đây vì nó đụng chạm đến chuyện tình, lại là chuyện tình cũ. Người lính già vô gia cư, bữa no bữa đói, sớm say chiều xin mà đòi bông chuyện mười năm tình cũ thì đáng cho tôi viết về ông lắm chớ, phải không?

Thú thật cho tới giờ này tôi cũng không biết đích xác ông tên gì. Từ những ngày đầu, ông bảo tôi gọi ông là Triệu Lý, cái tên trăm phần trăm Việt Nam. Sợ tôi nghe nhầm, ông còn viết hẳn ra giấy cái tên Việt Nam này. Ông cũng phát âm tên này rất là Việt Nam, đúng hơn là rất Huế, đúng giọng người Huế. Những tiếng Việt mà ông biết ông cũng nói giọng Huế chính cống. Điều này thì không lạ vì ông có quá nhiều ràng buộc với Huế. Ông nói ông đến Huế khoảng giữa năm 1966, làm tài xế trong toán Dân sự vụ. Lúc đó ông đã ba mươi tuổi. Toán của ông đi qua nhiều làng mạc ở Huế; trạm cuối cùng hồi đầu năm 1968 là làng Triệu Lý. Ông nói định mệnh của ông đã được đặt để ở đó khi điều may và điều không may đến với ông cùng lúc. Nếu không có trận Mậu Thân 68 thì ông không gặp được người yêu của ông ở làng Triệu Lý. Ông nhớ như in buổi sáng mừng một, toán Dân sự vụ gồm hơn hai mươi người của ông bị đánh tan tác, mạnh ai nấy chạy. Lúc ông sắp kiệt sức trong một khu vườn rậm vì nhiều ngày đói khát thì ông được một người dân trong làng đưa vào nhà cấp cứu. Đó là nhà của HL. HL cùng ba má cô đã cất giấu ông trong hầm phía sau nhà và đã tận tình săn sóc ông. Hai ông bà quê mùa chất phác mà có tình thương người vô cùng to lớn, không sợ hiểm nguy. HL là một cô gái phi thường, đã nhiều lần can đảm, khi thì che chở, lúc thì nói dối để đánh lạc hướng những kẻ đi lùng sục từng lùm cây bụi cỏ tìm những kẻ trốn tránh. Thời gian này Thừa Thiên đã có chủ mới. Nổi kinh hoàng có mặt từng giờ từng phút tại cố đô Huế. Bao nhiêu người vô tội đã bị chôn sống. Sự can đảm của HL không hề suy giảm. HL chăm lo cho ông từng miếng ăn thức uống. Hơn một tháng bên nhau, một tình yêu đã nảy nở, và một đêm trong hầm tột người chiến binh Mỹ và cô thôn nữ

làng Triệu Lý đã thệ nguyện thành vợ chồng. Ông nói ông không bao giờ quên được những giọt nước mắt của HL rơi trên vai ông sau đó. Ông biết đó là những giọt nước mắt tuyệt vọng, đau khổ và âu lo. Những giọt lệ của người con gái lần đầu thất tiết và lần đầu đối diện với bức tường thành lễ giáo, nhất là nền lễ giáo ở đất Thần kinh. HL nói ba má nàng sẽ không bao giờ tha thứ cho hành động của nàng. Tình yêu này trước mắt xã hội ở đây là tội lỗi, là điểm nhục gia phong. Nàng nói nàng rất thương yêu ông, nhưng với mối tình không được ai chấp nhận này nàng muốn lấy cái chết để tránh phiền lụy cho mọi người. Ông còn nhớ ông đã khuyên lơn nàng rất nhiều, đã hứa hẹn bao nhiêu điều với HL. Trong bóng đêm, HL cứ tựa vai ông mà khóc. Con binh biến rồi cũng đi qua. Ông trở về đơn vị cũ và phải theo đoàn đi ngay ra Quảng Trị. Trận phục kích giữa đường đã làm ông mất một cánh tay. Ngay sau khi rời bệnh viện ở Sài Gòn, ông bay ra Huế thì HL đã bỏ nhà đi đâu mất. Ba má nàng nói họ không chấp nhận đứa con xấu xa như vậy. Ông đã dò tìm khắp nơi, cuối cùng thì ông phải về nước. Từ xa xôi, ông vẫn không ngừng tìm kiếm. Người ta cho ông hay căn nhà cũ vẫn còn đó nhưng người ở thì không. Sau biến cố 75, với nhiều đợt người VN đến Mỹ, ông nuôi nhiều hy vọng. Ông bỏ cả công ăn việc làm, tích cực đi đến các trại tị nạn, rồi đến các nơi có nhiều người VN cư ngụ. Đăng báo và dán các mẫu giấy tìm người nơi các siêu thị Á đông. Càng lang thang, đời sống của ông càng thêm cùng cực. No, đói bất thường. Buồn vui bất chợt. Lắm khi buồn nhớ người yêu, ông mượn rượu để tiêu sầu. Nhiều lúc thoáng thấy người đàn bà VN đi qua, ông vội vàng chạy theo chặn trước mặt, thấy không phải, ông khóc rống lên như người điên. Gặp ai ông cũng hỏi han về làng Triệu Lý, về người yêu của ông; người ta không biết, ông tỏ vẻ vô cùng buồn khổ. Người ta càng tránh thì ông càng đói. Càng thấy ít người đàn bà VN đi vào khu thương mại ông càng buồn, càng chán nản. Ông trông đầu này, ngóng đầu nọ. Người yêu vẫn bật hơi tăm cá mà ông thì vẫn cứ lang thang kiếm tìm.

Hơn ba mươi năm đi tìm người yêu dấu, há chẳng phải là chung tình lắm sao?!

Tôi biết với tinh thần và sức khỏe càng ngày càng sa sút như thế này, không bao lâu nữa ông sẽ quì. Người Mỹ già chung tình tên là Triệu Lý này sẽ mang hình ảnh thương yêu của một người con gái VN về nơi chín suối, chắc chắn là như vậy.

Xuân Bích

Chiều mưa sooner*

chiều rơi theo mưa trên thành phố
ướt lá cây xanh ướt mảnh đời
những vạt nắng cuối màu cỏ úa

lịm dần như chết dưới chân trời

chiều treo trên không gian mờ xám
chợt thoáng mơ hồ giọt nhớ xa
nhớ những cơn mưa nhòa góc phố
tay che niêm ướt đáng em qua

đêm nay có thể trời mưa nhỏ
em có nghe trong tình khúc xưa
cánh cửa lâu đài xanh kỷ niệm
khép hờ như ngại vương đọng đưa

tay nương giọt nước nhìn tan vỡ
ướt cả màu da ướt cả hồn
cơn gió vô tình hong mắt lạnh
làm khô hoài vọng đã hao mòn

khi xưa ta phủ đời sương gió
bằng lá thư em viết nửa chừng
những nụ hôn tay bay vào nắng
sao giờ còn lạnh những “không nhưng...”

* Sooner: Biệt danh của Tiểu bang Oklahoma.

tiếng khuya

gió khuya về cuối đêm sao
ta nghiêng giấc ngủ cho trào mộng xanh
tiếng khuya sùng sượng âm thanh
dồn như môi nắng đành hanh dở mùa
bóng chim hờn đổi song thưa
hồn đơn ướt cánh nên vừa ngủ quên
tiếng khuya leo lét bên đèn
tiếng chim uyên rớt say miền trở trăn
bốn mươi năm ước đêm gần
cây vàng rụng nhớ trong màn sương thơ
quê hương lãng đãng sông hồ
tình yêu ở giá bây giờ đại ngây
em nghe tản mạn vòng tay
sao không dẫn độ một ngày tình tang.

VU VỢ

người tình không dung nhan
từ một thoáng xoay vần
vào hồn ta hoang đảo
gặp nhau đêm phân trần

người tình hai chân dung
nên cứ thế lưng chừng
một ngửa vui thai nghén
một nghiêng buồn tượng trưng

người tình xưa quen mau
rồi như mãi về sau
xa hay gần vẫn nhớ
ừ nhỉ...chuyện đâu đâu

người tình yêu vu vơ
gần nhau nơi bên bờ
và vẫn nhiều mâu thuẫn
giận nhau như học trò
người tình không tương tư
không hò hẹn thư từ
nhưng quê hương hình bóng
vẫn cùng nhau riêng tư

chuyện tình giờ như men
chưa bao giờ có tên
vì hàng đêm nhân chứng
vẫn chỉ là ngọn đèn

người tình vui như mưa
nhưng thường hay biếng đùa
và không chiều nổi nhớ
như ngày y-a-ua (yaourt)

người tình se môi hôn
hay tựa bóng hoàng hôn
nhìn trang đời viễn xứ
mất cay chuyện mất còn

Kim Oanh

Cô Phụ

Thạch sùng chắc lưỡi đêm thâu
Hay lòng cô phụ gói đầu thở than
Lung linh dưới ngọn đèn vàng
Giọt sầu nhoè nhoẹt mờ trang sách đời

Bóng ai xa tình vời vợi
Gom mây ngàn phiêu bạt gọi hình xưa
Âm vang lắt rắc giọt mưa
Gục đầu trên sách đời chưa cạn tình

Nghẹn ngào cung oán biệt ly
Sờn vai áo mỏng người đi nghìn trùng
Rừng sâu đồi núi chập chùng
Bóng ai ẩn khuất trong khung cửa lòng

Nỗi lòng cô phụ dỗi trông
Hương yêu ấp ủ chờ mong bóng người
Người từ đâu non diệu vợi
Có thấu lòng cô phụ đợi chờ ai

Thời gian dù có tàn phai
Bên song cô phụ đợi hoài bóng xưa.

Hương cỏ may

Mộng mơ về tình trần thơm ngát
Gió ân tình dào dạt tiếng yêu
Đôi mắt huyền tợ ánh lửa khiêu
Đốt cháy bỏng rực tim khao khát

Dời bước nhẹ vào vườn thơ nhạc
Dưới trăng thề nhấp chén đam mê
Hôn môi khô rượi ướt tràn trề
Thơm hơi thở men say hồn lạc

Sương tan rơi vết đời dịu mát

Ôm vai gầy hương tóc cỏ may
Tình bên nhau quên hết lưu đài
Khép hờ mắt hồn ngây ngất đại

Đêm qua chưa khoảnh trời mờ nhạt
Đất với trời xoáy lạc thiên nhiên
Xiết vòng tay bôi xóa vết phiền
Đan nhịp thở thiêng liêng màu nhiệm

Bóng người đi

Chờ đợi mãi sao ai chẳng đến
Hạ nồng đốt cháy đóa hoa xinh
Người đi xa theo bước đặng trình
Ai không đến tim mình vụn vỡ

Chờ đợi mãi đường dài xa hút
Bóng người đi từ lúc tiễn nhau
Bao mùa đông tuyết trắng một màu
Phủ nhân ảnh mờ theo ngấn lệ

Mưa giăng giăng đất trời hoang phế
Thấu cho lòng bao nỗi ủ ê
Hình bóng xưa khuấy lòng xao động
Từ mịt mù ngàn dặm sơn khê

Bên song đợi bóng gầy lạng lẽ
Bên rèm the mờ khuất sương mù
Nửa gối chiếc trắng buồn chia sẻ
Nửa đến người tình nhớ ngàn thu

Tím không gian

Em đến bên tôi một buổi chiều
Lá thu rơi nhẹ gió hiu hiu
Diễm kiều áo tím ươm mơ mộng
Trời lộng tóc dài kết hương yêu

Dịu bước thu đi gót đông sang
Lá khô vỡ nát phút ngỡ ngàng
Đôi vai đắm ướt làn sương mỏng

Che dấu tim nồng... đếm thời gian

Tôi vẫn chờ em cuối dốc ngàn

Vai mang đông xám bám hồn cô

Dòng đời trôi... giá mùa chẳng đổi

Mơ hoài áo tím... tím tình tôi.

trường thy

NÓN LÁ QUÊ HƯƠNG

Nói đến quê hương là nói đến niềm nhớ, nhất là những ngày xa xứ, lưu vong trên đất lạ miền xa. Trong những nhớ ấy, mỗi quê hương mang một màu nhớ, và ngay trên đất mẹ mỗi miền lại xanh um những hoài niệm tình quê riêng rẽ. Ai mà không từng chép miệng tiếc nuối những hương vị ngọt ngào đã thấm đượm hồn người đến đậm đà mỗi khi nghe nhắc tới:

dưa La

cà Láng

nem Báng

tương Bần

nước mắm Vạn Vân

cá rô Đàm Sét

hoặc nhớ đến những nông phẩm, đặc sản của vùng Ninh Bình chẳng hạn qua câu ca:

lúa Đồng Vông

bông Đồng Gàng

khoai lang Đồng Bội.

Những nhớ ấy thật vô vàn, thật miên man, có khi rạo rực, có khi âm thầm. Trong trái tim con người nếu đã nồng nàn yêu thương thì cũng không tránh khỏi nhớ nhung ngập lòng. Một khi đã nảy sinh nguồn tình yêu thì cũng đã cấy trong đó những mầm luyện nhớ, và khó, thật khó, vạn lần khó khi phủ nhận những kỷ niệm trong đời. Tình yêu thì bao la, vượt không gian, vượt cả thời gian, và niềm nhớ cũng vô bờ bến, hầu như không có mức độ để đo lường bởi nó lây lan từ tình yêu.

Nói đến những nhớ nhung ấy là đi vào thế giới đầy phức tạp và không cùng. Nơi quê hương từ cánh chim, tiếng sáo diều, hương hoa, màu lá, đường xưa, lối cũ, mưa bụi bay trong mùa xuân Hà Nội, câu hò mái đẩy trên Hương Giang, nắng vàng Đà Lạt, mưa Sài Gòn v.v. và v.v. , nói sao cho cùng, bao giờ cho hết. thôi thì trong phạm vi hạn hẹp này thiết tưởng chỉ xin tản mạn đôi chút về “NÓN LÁ QUÊ HƯƠNG”.

Từ những ngày xa xưa, nón lá đã là một trong những trang phục cần thiết của người

dân, đặc biệt là phái nữ. Nón lá dù đã rất quen thuộc và gần gũi với chúng ta, song ngày nay nơi hải ngoại hầu như đã mất đi hay là hiếm thấy những hình ảnh duyên dáng với nét đẹp độc đáo của sắc thái dân tộc trên dung nhan mềm mại, kín đáo nhưng đầy quyến rũ của cô gái Việt trong tà áo dài và chiếc nón lá. Ta thử mượn tượng xem hình ảnh ấy đẹp biết bao qua câu hát:

- Em là cô gái Bắc Ninh
- Em nghiêng vành nón mái đình nghiêng theo!

và ngày nay, một Trầm Vân cũng không quên được nét mỹ miều nên thơ ấy đến độ phải thốt lên qua mấy câu “Trong Tình Thâm Lặng Chập Chờn Vân Thơ”

- Ai qua mây nhịp Tràng Tiền
- gót hồng nhẹ thả nón nghiêng nghiêng chiều!

Quả thật vành nón mỏng manh mà làm chao nghiêng cả vũ trụ người đến độ sóng tình quê hương xô dạt cả một trùng khơi ý nghĩ, gom về hai nửa:

- nón xưa nghiêng ngả đình thờ
 - nón nay nghiêng cả ngấn ngơ lòng chiều.
- (xuân bích)

Nón cũng nhiều loại như ta có:

Nón Dấu (dành cho lính thú ngày xưa)

- Ngang lưng thì thắt bao vàng
- đầu đội nón dấu vai mang súng dài.

(Ca Dao)

Nón Rơm (làm bằng rơm ép cứng)

Nón Gõ (làm bằng tre ghép, dành cho lính ngày xưa)

Nón Lá Sen, còn gọi là Nón Liên Diệp

Nón Thúng (làm bằng lá, hình tròn và bầu, giống cái thúng)

Nón Gò Găng, còn gọi là Nón Ngựa (làm bằng lá dứa, sản xuất ở Bình Định.

Nón Bài Thơ (làm bằng lá trắng và mỏng có ghép hình và mấy câu thơ, xuất xứ từ Huế)

Cũng như chiếc quạt giấy, nón lá là vật không xa lạ gì với chúng ta; tuy nhiên có lẽ ít ai để ý đến để thấy nón có 16 vành từ nhỏ đến lớn, tượng trưng cho tuổi trẻ, tuổi “trắng tròn lẻ”, trắng 16 vạy. Lá làm nón, theo tác giả Nguyễn Quý Đại, có tên là Bò Quy Diệp, lá mỏng và mềm mại.

Ở Huế có nhiều nơi làm nón có tiếng như Nam Phổ, Kim Long, Tân Mỹ, làng Chuồn, cạnh dòng sông Như Ý, thuộc Phú Vang, Thừa Thiên, sản xuất nón bài thơ trông rất thanh nhã với tranh chùa Linh Mục, cầu Tràng Tiền v.v., và những câu thơ được ghép vô

nón thường mang tình tự xứ Huế như:

- Sông Hương lắm chuyển đồ ngang
- chờ anh em nhé, đừng sang một mình!

(Ca Dao)

Nón không những dùng để che nắng che mưa mà còn là yếu tố đưa đẩy đến duyên tình lứa đôi:

Nón này che nắng che mưa

Nón này để đội cho vừa đôi ta

(Ca Dao)

Suốt chiều dài đất nước, người con gái Việt Nam đội nón, che nón, hay cầm nón, cũng đều đã gieo đầy tình tự mang dấu ấn văn hóa nhân bản của truyền thống dân tộc, vừa tình tứ, vừa duyên dáng, vừa lãng mạn, nên thơ.

Trích đoạn trong thi phẩm “Bài Thơ Hà Nội”, nói về 36 phố phường của Hoàng Anh Tuấn, ta nghe:

.....

Hàng guốc trưa hè gõ nhịp bình an

Khi hàng nón quay nghiêng che mắt thỏ

Anh lúng túng cả Đồng Xuân xấu hổ

Gió mơn man hàng quạt áo đong đưa.

Trong cử chỉ khéo léo, khép nép, có phần vờ vĩnh ấy, phải chăng đây là bản tính của người con gái nói chung, nên đã mượn vành nón để ngụy trang cho cái nhìn “chỉ mình mình biết, chỉ mình mình hay”, và nhà thơ Vô Tình đã ‘bật mí’

các cô - kín đáo - liếc nhìn

ngiêng vành nón lá – ai mình biết ai?

Đến với miền Trung, xứ Huế, xứ của nón bài thơ, Lang Liêu chắc cũng đã có lần bắt gặp đầu đó bên bờ sông Hương chiếc nón nghiêng vành; không hiểu, mà ai hiểu được tại sao nón lá lại cứ hay nghiêng vành. chắc chắn ở đây không phải là nón không quai như trong Ca Dao có câu:

tròng trành như nón không quai

như thuyền không lái như ai không ch...!

Và Lang Liêu đã viết:

bài thơ chiếc nón bài thơ

bài thơ ngày ấy bây giờ chưa quên

bởi :

- mỗi lần vành nón em nghiêng
- bài thơ lại hiện trên nền nón thơ

rồi nữa, thêm một lần nữa, miền sông Hương núi Ngự lại gọi cho ta cái thời hoàng kim qua tà áo với gió và chiếc nón quai lơ:

gió cầu vương áo nàng tôn nữ
quai lỏng nghiêng vành chiếc nón thơ.

À! thì ra lần này do quai lỏng, song cũng có thể là do người ấy thả lỏng quai chẳng. Hẳn là chúng ta cũng đồng ý chiếc nón nghiêng vành nói lên nhiều ý nghĩa và dường như cũng để làm tăng thêm cái duyên dáng của người phụ nữ. Chẳng thế mà cho đến bây giờ một Trầm Vân của hôm nay vẫn thấy “Vành Nón Nghiêng Duyên” và viết lên lời tri ân chiếc nón:

nón kia em lỡ bỏ quên
cho anh nhặt được cầm lên đem về
hương thơm ngan ngát tóc thề
bay quanh nhà thả bùa mê vào lòng
sáng mai trả chiếc nón cong
bỗng tương tư cặp má hồng lúm duyên

trăm năm giờ đã nên duyên
cám ơn chiếc nón chiều nghiêng ngày nào.

Qua những vần thơ trên ta thấy nón đã âm thầm mang những lời tình đến cho người yêu như TBT&Nguyệt Xưa đã cảm nhận qua câu hỏi:

có gì trong lá trong nan
mà em để lại cho chàng hờ em?

Trở lại với vùng đất Quy Nhơn, nón vừa là sứ giả của tình duyên vừa là sính lễ của duyên tình. Cũng trong Ca Dao, kho tàng văn chương truyền khẩu nói về cưới hỏi, chàng trai nào đó hứa hẹn:

- giúp em quan tám tiền cheo
- quan năm tiền cưới lại đèo buồng cau.

Riêng chàng trai An Thái đất Bình Định rất đơn sơ nhưng đầy tình ý, bởi nón là đề tài trên đầu như trong bài thơ cổ “Thơ Cái Nón” đã có câu:

- vôi vọi ngồi trên ngôi thượng đỉnh
- nên sính lễ của chàng chỉ là đặc sản địa phương:

- cười nàng đôi nón Gò Găng
- xấp lãnh An Thái, một khăn trầu nguồn.

Qua hình ảnh nón lá nghiêng che dường như đã cho ta ý nghĩa của nghiêng lòng, của mung lung hoài tưởng, của viễn tượng chờ mong, của một ước mơ vời vợi, và Trầm Vân một lần nữa trong “Mưa Khuya” đã mượn tượng:

- áo dài mỏng mảnh trắng trong
- nghiêng vành nón lá qua lòng chiêm bao.

Vành nón lá quê hương một khi mai mối đưa duyên thì cũng có lúc nghiêng che như để tránh né điều gì. Dầu vậy nghiêng che hay che nghiêng cũng không che dấu được bối rối, bồi hồi, băng khuâng và lúng túng như Thu Nhất Phương đã có lần gạn hỏi:

- sao em biết anh nhìn mà nghiêng nón?

Và giả như:

- nếu nghiêng nón có nghĩa là từ khước
- thì mười ngón tay em sao bỗng quăn quít đan nhau
- nửa vầng má em bỗng thắm sắc hồng đào
- đôi chân bước... anh nghe chừng sai nhịp.

Đến ở một khía cạnh nào đó, người con gái xưa có thể là e lệ, nhún nhường, song cũng có thể là khéo léo từ chối một cách êm đềm, tế nhị, đều nhờ đến chiếc nón trên tay:

- nón em nón bạc quai vàng
- thì em mới dám trao chàng cầm tay
- tiếc rằng vì nón quai mây
- nên em chẳng dám trao tay chàng cầm!

Nón lá quê hương đã âm thầm mang theo tình tự dân tộc đi vào văn học dân gian như dấu ấn tuyệt vời của văn hóa Việt. Ngày nay nét đẹp duyên dáng ấy không còn hay ít thấy xuất hiện trên đường phố thân thương hoặc trong những ngày lễ hội mà chỉ còn may mắn bắt gặp trong một chương trình văn nghệ nào đó có lồng vô những màn dân ca như Quan Họ Bắc Ninh chẳng hạn hay những mục trình diễn y phục truyền thống dân tộc mà thôi. Dầu vậy hình ảnh người con gái Việt Nam trong tà áo dài với chiếc nón lá xuất hiện nơi đâu, bất cứ lúc nào – trên đường phố, bên giáo đường, trong sân chùa, hay trên sân khấu đại nhạc hội v.v., vẫn là những hình ảnh độc đáo, mang đậm màu sắc quê hương, tuyệt vời bản sắc dân tộc và còn là biểu tượng của Văn Hóa Rừng Tiên vậy.

Như Phong

LỜI THƠ THEO LÁ VÀNG BAY

Đã qua bao mùa thu rồi nhi
Trong mắt em vàng uá bao lần
Hàng phượng vĩ bao mùa thay lá
Mấy thu buồn chắt ngát trong tâm

Mùa thu nào bỏ phố đi xa
Giọt sương buồn đọng trên mái tóc
Trăng cũng buồn cho buổi chia ly
Đêm tiễn nhau hai ta cùng khóc

Phố cũ em vẫn còn trần trọc
Xứ người ta trải nặng thương đau
Mỗi độ thu về lòng thổn thức
Ta thèm nghe tiếng gọi tên nhau

Gió ơi, gió ơi!!
Nhờ người mang về giùm ta nhé
Lời buồn trong chiếc lá đang bay
Ta gửi tặng em bên vườn cũ
Lời tự tình theo gió heo may

Mấy thu rồi ta vẫn còn say
Hương môi em thơm nồng ngát ngây
Dù đã bao mùa thu thay đổi
Trong ta, em chắt ngát men say

THU VỀ

Đêm qua heo may cơn gió lạ
Sáng nay sương đọng biết Thu về
Bàng bạc mây trời trôi lãng đãng
Mong manh giọt nắng rót sau hè

Theo cánh nhạn gởi hồn xa xứ
Sầu đọng đất khách buồn quạnh hiu
Nhặt chiếc lá vàng ghi tủi phận
Thả hồn trôi dạt chốn cô liêu

Dằng dặc ly sầu ta nốc cạn
Ngẩn nhìn tóc bạc rụng đã nhiều

Ngơ ngác nhìn lá Thu lác đác
Xót xa thân lạc xứ tiêu điều

Lãng đăng mây trời tan rồi tụ
Mòn mỏi chân lữ khách lỡ đường
Đã bao Thu rồi lòng khắc khoải
Hẹn thăm mai trở lại cố hương.

Phạm Văn Nhân

Độc thơ

Nguyễn Đức Nhơn

1.

Vào giữa tháng tám, năm 2006, nhà thơ Nguyễn Đức Nhơn gửi đến tôi tập bản thảo thơ văn hợp tuyển Mùa Gió Bắc nhờ tôi viết bạt.

Có lẽ, anh nghĩ, giữa tôi với anh có sự quen biết từ lâu khi còn ở quê nhà, nhất là sau tháng 4 năm 1975, khởi đầu cho một cuộc đời “nghiệt ngã” mà tôi đã gặp anh trong trại Cà Tót:

“đêm về lạnh lẽo đêm Cà Tót
hiu hắt mưa khuya tạt chiếu nằm
núi rừng vây hãm người thua cuộc
hì hục quanh tôi tiếng hổ gầm”

Địa danh Cà Tót là một khu rừng già nguyên sinh chưa bao giờ có dấu chân người đến. Núi rừng bao phủ, với những cây to bóng lớn nằm sâu trong tỉnh lộ 8 đường lên Lâm Đồng. Với 4 câu thơ trên trong bài: Sau Mùa Chinh Chiến tôi trích ra từ tập thơ văn hợp tuyển Mùa Gió Bắc của anh như để nhắc đến ngày đầu tiên chúng tôi bị đưa lên mặt khu Cà Tót: núi rừng vây hãm người thua cuộc.

Để rồi bao nhiêu lần chuyển trại trong những năm nghiệt ngã của tôi và anh. Đi đâu rồi cũng: cái gô và chiếc quần bao cát. Nó lại theo tôi đứng giữa trời...!! (anh nhắc giùm cho chúng tôi)

Nhiều khi tôi muốn quên đi những năm tháng ấy. Nhưng tập thơ văn anh gửi đến như gọi lại trong tôi những hình ảnh như mới ngày hôm qua. Nhớ lại những năm tháng ấy, anh sống thật lặng lẽ, ít nói. Cứ lầm lũi mà đi trong lao động. Thỉnh thoảng tôi thấy anh “lảm nhảm” như nói cho chính anh nghe. Ừ, phải rồi, tôi nghĩ, có lẽ anh đang lập lại những câu thơ mới thoáng hiện trong đầu... Cũng có thể lắm; vì giấy chẳng có. Mực cũng không. Mà nào ai dám viết! Chỉ còn viết trong tư tưởng phải không Nguyễn Đức

Nhơn? Nhiều bạn bè “cùng khổ” trong đội sản xuất cứ gọi anh là “ông đạo”. Có lẽ vì cuộc sống “thanh bần, lạc đạo” của anh. Gọi như thế, anh vẫn cười.

Vâng, có như thế, sau những năm tháng thăng trầm ấy, bạn bè gặp lại, ngồi nhắc chuyện xưa thấy vui và cũng thấy tủi buồn cho cái thân phận “người tù” sau tháng 4 năm 1975 ấy.

Với anh, tôi biết đã lâu. Vẫn một đời nặng nợ với thơ văn... thì trong cái bối cảnh nghiệt ngã đó anh “lắm nhảm” đọc lại những câu thơ mới làm trong tư tưởng để quên đi:

“những bước chân đi thật nảo nề
mây mù giăng kín nẻo sơn khê
bao nhiêu chiếc bóng vô hồn ấy
sáng sớm ra đi chiều lại về”
(Sau Mùa Chinh Chiến)

Thời gian: sáng sớm ra đi chiều lại về làm tôi nhớ những bạn bè, đồng đội đi âm thầm như bóng ma, gầy gò trong bộ áo quần rách nát mà anh đã viết rất đúng, rất thật:

“cái gô và chiếc quần bao cát/ nó lại cùng tôi đứng giữa trời”.

Muốn quên mà không quên được phải không Nguyễn Đức Nhơn? ... Nhiều khi nhắc lại càng thêm tủi. Nhưng khổ nỗi, khi đọc lại những dòng thơ mang theo những hình ảnh “ảm đạm” ấy, kỷ niệm lại hiện về.

Thế rồi những năm tháng lặn lội cũng qua đi. Và anh và tôi rồi cũng chia tay nhau trở về quê nhà như người khách lạ. Trong bài thơ “Khách Lạ” đọc đoạn thơ nào cũng thấy hay. Anh viết thay cho tôi và, có lẽ thay cho những bạn bè cùng “bên trời lặn lội” chữ của nhà văn Trần Hoài Thư. Lặn lội không phải còn ở trong trại mà lặn lội ngay cả ngoài đời. Khi mà:

“khách về đây sông nước ngại ngừng
con thuyền nhỏ chở đầy sóng gió
trở về neo trên bờ bến lạ
thuyền bập bênh giữa bến chiều hoang”
hay:

“khách bần khoản chân bước ngập ngừng
từng nhịp thở gõ đều trên nỗi nhớ
kia ai lạ? khách sững sờ hỏi nhỏ
ai ngồi kia xoa tóc im lìm?

khách bàng hoàng nghe máu ứa về tim
hàng dương liễu cũng gục đầu thổn thức

khách lặng lẽ quay về sông nước
bến chiều xa khói cũng mơ hồ!”

Trích vài đoạn trong bài “khách Lạ” của anh, đọc mà thấy thấm đẫm trong lòng. Khách lạ, vâng, đúng vậy. Con phố cũ, ngã tư đường, xóm làng xưa, con đê đó... lạ lẫm đối với người tù cải tạo trở về. “Lạ và sợ” tất cả. Bởi vì: “con thuyền nhỏ chở đầy sóng gió” cho một cuộc sống mới đầy âu lo.

2.

Sau bao nhiêu năm trôi dạt trên xứ người, tôi gặp lại anh. Và mời anh đến với chúng tôi qua tạp chí văn học Thư Quán Bản Thảo. Mà tôi nghĩ trong bài: Cảm Ơn anh đã nói lên cái gần gũi, bao dung của người cầm bút, bạn bè như những năm trước 1975. Dù có cầm súng ngoài mặt trận, hay trở về phố với bao nỗi buồn cô đơn như bài thơ anh viết:

“có những buổi hoàng hôn êm ả
ta thần thờ trên bến Vân Lâu...”

Tôi nghĩ chỉ có bạn bè khi đến với nhau - thật tình - vẫn còn cái tình, cái mến:

“cảm ơn đời đã cho tôi
cuộc chơi chữ nghĩa niềm vui bạn bè
cảm ơn tôi biết đam mê
cảm ơn tôi biết hả hê khóc cười”

Vâng! Chỉ có bạn bè mới hiểu được nhau đến thế.

Tháng 8, chỗ tôi ở nóng, có ngày lên đến cả 100 độ F. Tập thơ: Mùa Gió Bắc của Nhon đến làm dung hòa được giữa cái nóng thực bên ngoài, và cái lạnh của mùa đông qua tựa của tập thơ văn hợp tuyển của anh. Cho nên khi đọc xong, tôi thấy ấm lòng với những con chữ thật giản dị và rất gần gũi với tôi qua 95 bài thơ và 10 truyện ngắn trong Mùa Gió Bắc.

95 bài thơ vừa ngắn có, vừa dài có. Nhưng không quá dài để cho người đọc “ngán ngẫm” mà còn ngược lại thích thú khi đọc thơ của Nhon. Quả như vậy; vì những con chữ trong thơ anh không cầu kì, giản dị nữa là khác. Những ngôn ngữ trong thơ anh không cần phải đi tìm kiếm, hay mang một ẩn dụ nào khó hiểu, nó hiện thực trong đời sống bình thường như chính cuộc đời của anh: trầm lặng và giản dị. Sự giản dị của anh đến nỗi có bạn bè cho anh là “lập dị” nhưng tôi thì không nghĩ như thế.

Khi còn trong trại, anh ví anh như con ngựa già:

“con ngựa già đuổi sức
Ta thấy lòng quặn đau”

Con ngựa già ấy đã một lần và vĩnh viễn:

“ta lột giấy vát kiếm
ném mũ cối chiến bào”

Rồi cũng có lúc tâm trí thanh thoi, anh lại nghĩ con đường đã đi qua. Mười năm trong nghiệp binh đâu phải ít ỏi. Thế mà, mới đó đã thoáng qua mau:

“chiều nghe loáng thoáng màu thu
lá xanh núa
lá vàng đu trên cành
ta ngồi tiếc lá màu xanh
nhớ xưa trót lỡ tành hanh với người”

Lúc ấy anh đã trở về lại quê cũ. Ở đâu? Một miền quê: “đồng khô một dải mù sương khói” ấy để anh cứ nghĩ: ừ thì dầu gì cũng đã mười năm. Nay cứ ôm ấp cái mộng thanh bình để an ủi cho thân phận. Cứ vui bên mái tranh. Cứ nhìn ngọn Xã Thô đứng chờ vợ

bao nhiêu lần mây trắng phủ. Trong khung cảnh buồn ấy, người lính già - anh cứ cho như thế - để an vui với đàn gà:

“mười năm ôm ấp mộng thanh bình
trả súng đạn về bên mái tranh
gọi đàn gà nhỏ về mở hội
dưới bóng me tàn uơm lá xanh”

Và:

“mười năm rồi lại mười năm nữa
mái tóc phai dần theo tháng năm
trả súng đạn về nương xóm cũ
người lính già buồn nhớ xa xăm”

Với nỗi buồn “cô đơn” ấy. Ta lại nghe anh tâm sự:

“chiều buồn ra hiên ngồi khọn
mắt mờ chẳng thấy được xa
chỉ thấy con ruồi con muỗi
đánh mùi bu lại quanh ta”

Bốn câu thơ trên nghe thân phận người lính già NĐN buồn quá đỗi. “Ngồi khọn” ngôn ngữ trong thơ anh rất “đặc trưng” nơi miền quê của tôi. Nó không biến dạng qua ngôn ngữ thơ mà nó vẫn hiện diện một cách rõ nét ngoài đời, “ngồi khọn” là ngồi một mình,

buồn vu vơ. Có thể nói ngồi trong cái cảnh rất là “cô đơn”. Ngoài ra những hình ảnh trong thơ của anh cũng thật gần gũi với tôi, như: cười ngất ngư/ đàn gà con/ đàn vịt rìa lông/ giàn bầu giàn mướp... mà chắc rằng nơi phố thị khó mà tìm thấy được những hình ảnh đó: lặng lẽ quay về sông nước/ bến chiều xa khói cũng mơ hồ đó mà.

3.

Phải nói là những con chữ trong thơ của anh không mang một ẩn dụ nào khó hiểu. Nhưng nó (con chữ) vẫn nhẹ nhàng như khói như sương như những giò lục bát anh làm trước 1975. Như:

“mưa còn rơi
buốt giò sông
lênh đênh
một chiếc đò không mái chèo
đò em
tôi lén gieo neo
giữa khoang
một chiếc đèn leo lét buồn”

hay:

“trăng tàn, bến Ngự mù sương
nửa đêm nghe tiếng dòng Hương trở mình
bao nhiêu nước bao nhiêu tình
đàn ai trôi khúc Nam Bình nỉ non”

Trước 1975 tôi biết anh đang công tác ở vùng 1 chiến thuật. Chỉ thấy núi với rừng. Như trong bài thơ: Mây ngàn. Có lẽ qua bài thơ này để tôi biết được người lính trẻ NĐN chân ướt chân ráo mới dời ra miền Trung. Anh thấy gì nơi ấy: Mây và núi chập chùng. Đời lính của anh cũng bắt đầu từ trong những dãy núi chập chùng ấy:

“bóng chiều vương cánh sắt
lạc lõng giữa trời Trung
mây ngàn mây lãng bạc
núi gợn núi chập chùng”

Đề rồi, hơn mười năm trong đời binh nghiệp, anh được gì? Cuối cùng người lính già NĐN rồi cũng trở về quê cũ, nhìn ngọn Xã Thô mây đùn quanh năm ấy để mở hội chơi với đàn gà, đàn vịt. Đề rồi người lính già NĐN ngẫm nghĩ mà ngộ ra:

“cũng bày trò chiến quốc
cũng hợp tung liên hoành

bủa vầy trùm trời đất
trò chơi còn mới toanh”

Cái đáng nói ở đây: “trò chơi còn mới toanh” đó, chỉ còn kết quả là:

“con ngựa già đuối sức
ta thấy lòng quặn đau
con ngựa già ngã gục
ta nát cả tâm bào

ta lột giày vút kiếm
ném mũ cỡi chiến bào
một mình trên đường vắng
ta và ta dìu nhau”

Dìu nhau đi đâu hả Nguyễn Đức Nhon? Những con chữ trong câu thơ trên thật bình thường. Nhưng sao nghe lòng đau quá đỗi. Anh, tôi và còn nhiều người nữa làm sao quên được khi chiều xuống trong khu rừng rậm nguyên sinh Cà Tót? Âm khí bốc lên làm hao mòn từng thân xác của mỗi con người. Mới thấy hôm nay, sáng hôm sao đã thấy: bao nhiêu chiếc bóng vô hồn ấy.

Đọc bài: Sau Mùa Chinh Chiến của anh mà ngâm ngùi

“chiều hun hút giữa rừng thiên nước độc
đêm uy linh nhồn nhợn tiếng ma Hời
từng giọt máu căng phòng bày muối đói
tôi bỗng sồn da, bỗng rợn người”

Phải nói, với anh, thơ không là “một phương tiện” để anh hận thù trong những năm gian khổ trong trại cải tạo; mà anh làm thơ viết văn như để trang trải tấm lòng cùng với bạn bè, trong lúc mà những bạn bè anh như: “những đám mây chiều trôi lãnh đẵng” thì tại sao lại không:

“cái thú điên viên
hai thằng đầu bạc
bê rượu ra sân
chén tạc, chén thù
ngửa mặt lên trời
cười đến ngất ngư”

“Cười ngất ngư” để quên đi cái cảnh hợp tung của thời xuân thu chiến quốc (chữ thường)... để rồi khi trở về làng cũ với mảnh đời rách nát, đi đâu cũng thấy mình là khách lạ, may còn một ít bạn bè hiểu anh để “ngất ngưỡng bên nhau nói chuyện bao

đồng/ khi trở về có lợi tuổi, qua sông/ nhớ chông gậy mà dò sâu, cạn...” (đọc và hiểu ý của anh qua câu thơ trên)

Viết về NĐN qua tập “thơ văn hợp tuyển Mùa Gió Bắc”, chưa đủ để nói hết về con người của anh qua 95 bài thơ và 10 truyện ngắn. Sống trên xứ người ở cái tuổi xấp xỉ bước qua 70 mươi (chỉ còn vài năm nữa thôi) mà anh lúc nào cũng nhớ đến “chôn xưa làng cũ” dưới chân núi Ông. Có ai định vị được núi Ông ở quê tôi? Chắc là không, chỉ nghe nơi đó:

“đêm nằm nghe tiếng ếch kêu
râm ran giữa chôn đìu hiu núi rừng
đôi bờ mắt chột rung rung
lời thơ buồn cũng ngập ngừng trên môi
chập chờn trong cõi đầy vơi
như con nước lững lờ trôi giữa dòng
trong cơn chìm nổi phiêu bồng
tôi mơ về lại cõi hồng hoang xưa”

Và hiện tại nơi anh đang ở. Cõi hồng hoang xưa đó dù gì cũng đủ để anh “chập chờn” trong giấc ngủ để mơ về một cõi xa. Còn hơn, hôm nay:

“Lọm khộm bước lần theo lối nhỏ
Ra ngồi trước cửa nót sinh hôm
Ông lão nhớ một thời trai trẻ
Mộng đời ươm kín bờ môi thom”

Có lẽ không lâu đâu, tôi hay anh rồi cũng thế.

Vũ Tiến Lập

Ảo hóa

chỉ còn lời thầm thì của lá
luồng nước vỗ ngập bờ
cảm xúc đê mê rồi khép chặt
cánh cửa mở trong an bình
ngày xanh đang phai màu tuyệt đỉnh
con chim ngậm hoa về phố thị
xóa những bước chân cuồng
hoàng hôn thông dong điệu nhạc rời

Jazz ở bao la
như kẻ say giữa gió xuân sắp chín
trên khay kèn trầm thiết uốn âm vang
rụng thắm cả rừng chiều
đợi cánh nhung đen về ôm tuyết tích
ảo hóa là thời gian chuyển động
bấm sâu vào hạnh phúc mù lòa
gió chẳng bao giờ một định hướng
mây nào tìm được chốn ẩn thân
tiều phu cũng lìa rừng.

Lời huyền

em lộng lẫy như loài chim xanh
bay suốt vào ký ức tôi kỳ bí
mạch sống ngan ngát nỗi cô đơn
mùa giông trù phú thêm viễn mộng
chẳng còn lời huyền nào thay thế
ngoài âm thanh mật
độc đẳng thức giữa ngày trắng lè
thời gian không thực có
khoảng cách mãi mãi là bây giờ
trí nhớ nguyên vẹn
chân tình vỡ vụn hư hao
đồ tế bày mộng thực
thách thức bên lề gánh xiếc
những bước thẳm theo nỗi chết
chuyện đời là giòng sông
em dẫn sông về biển cả
hạnh phúc của kẻ ra khơi
lượn trên vùng đá ngầm
cánh buồm cuộc gió
mãi xa

Dạ khúc xuân

ừ thì xuân với mộng
ta với người đôi bóng đuổi theo trăng
đổi cho ra bao ngàn xuân năm trước

một duyên thề một mái tóc bôn ba

Chiều cuối năm gửi Yên

chiều cuối năm đơm nồng mùi gió mới
lạnh nẩy mầm xanh mộng cũ đông đưa
thiết tha tôi nhớ em thêm vội vã
chuyến xe về mong cho kịp tối nay

Hoài Hương

Chuyện áo quân

của phụ nữ Việt Nam

Mẹ của Hoài từ Huế ngồi xe đò vào Đà Nẵng thăm các con. Ngay lúc này, Hoài gặp lại bầy chim nhỏ ở chôn cũ, tiếng đàn chim hót líu lo vang vọng lại từ tận quê nhà tí tắp xa mù xa, nghe sao mà thương lạ thương lòng!

Mẹ lấy hột sen, khoai lang, sắn mì, chuối già hương, tiêu, ớt bột, bánh bột lọc nhưn tôm thịt, vân vân... đem đặt trên bàn. Nay, có bao nhiêu quà bánh nhặt nhanh tom góp ở trong vườn, chắc chắn là cha mẹ không dám ăn, mà bòn mót tha đi hết làm quà cho con cháu, cho lối xóm rồi đã. Tấm lòng mẹ rộng mở, chất phác giản dị đầy khoan thứ. Nhất là tính mẹ nhân hậu, thương người, không riêng gì mẹ thương gia đình, mà mẹ thương hầu hết bà con, xóm làng cơ cực. Hễ ai kêu than, xin xỏ cái gì, nếu có khả năng là cha mẹ cho đi không ngần ngại, chẳng hối tiếc. Mẹ cho hậu hỉ, xứng đáng, tốt lành. Chứ không bao giờ mẹ cho của thừa mứa. Ui chao! Cha và mẹ sao xứng đôi về lòng nhân ái đến vậy không biết! Đó là kết quả tốt đẹp do sức cần lao nhẫn nhục của cha mẹ sớm chiều vất vả ngược xuôi bên vòng sắn nướng khoai, mà có.

Thắng đến nhà. Ô! Bất ngờ ghê. Thắng vào chào mẹ nàng, rồi chàng lên phòng khách. Mẹ mỉm cười đôn hậu, nhìn chàng chăm chú, như thể... mẹ muốn cân nhắc. Đôi má Hoài hây hây, nàng chợt dạ quýnh quáng rù rì bên tai mẹ:

- Không có chi. Mạ đừng ngó rứa, con mắc cỡ nì.

- Chi lạ hì. Ai nói chi mà lo xa, rào đón rứa con.

Mẹ cười, nguýt yêu con gái. Mẹ lúc nào cũng vui, khuôn mặt mẹ thật thà, hiền lành đôn hậu. Thắng đá lông nheo với Hoài, anh ta cứ chớp chớp mắt cười cười:

- Các anh kia tính rủ mấy em đi loanh quanh.

- Loanh quanh? Anh không muốn em bị đòn chứ.

- Ô. Anh em đi phố, mà bị đòn gì! Em đi với anh Đan mới sợ ăn đòn, à em.

- Ấy. Anh Đan thì thật là đồng hương, đồng hội, đồng thuyền à nha.

- Coi chừng đấy. Có ngày nổi máu xung thiên lên, anh canh cả giàn trọng pháo, bắn vào nhà Tổ, thì tan nát hết họ hàng nhà mình bây giờ!

- Trời ơi! Anh học đâu cái cảnh... nổi da xáo thịt vậy không biết. Anh em chúng ta bỏ tèo nhau cả. Khó dễ nhau gì vậy? Điên rồi. Em ớn anh quá.

Hai xe jeep đang chờ ngoài cổng, Trúc chạy vào năn nỉ mẹ cho phép Hoài đi chơi tí. Hoài dúm mái tóc thơm mùi bồ kết vào lòng mẹ, một tay nàng mò tìm vú mẹ. Mẹ cảm thấy nhột khi nào con xin phép mẹ cái kiểu ấy. Mẹ hất tay Hoài ra, nguýt yêu con gái, liếc nhìn Thắng, mẹ nhỏ nhẹ nói:

- Ủ. Cho con đi xí thôi nà.

- Dạ, con cảm ơn mẹ.

Hoài cùng các bạn đi ra cửa. Xe chạy mấy vòng quanh đường Độc Lập, rồi quẹo qua Phan Chu Trinh. Các anh đôi ý muốn đi câu cá trên sông Hàn. Tám người thuê hai chiếc thuyền nhỏ, nhẹ khua mái chèo, neo cặp sát thuyền bên nhau, họ thả lỏng tay câu. Thuyền lững lờ trôi trên sóng lăn tăn.

Chiến ngồi chung với Thu, Hoài. Anh nói:

- Đi câu, mà Hoài và em mặc áo dài lướt thướt, coi bất tiện làm sao à!

- Anh nói đi phở, đi xem ca nhạc. Bây giờ anh còn kêu la nổi gì hử?!

Hoài giận hờn, cầm hai tà áo dài cột vào giữa háng, coi y như đóng khóa. Nàng tinh nghịch ghê. Thế là các anh chị nhao nhao lên về chuyện áo mí quần:

- Ối giờ. Áo mí khóa. Nè, coi thằng Quang ngồi trong lu nước quen rồi, cứ đánh bổ nó cái quần sọt, thì có chết con cá nào đâu nà.

Hồng lên tiếng:

- Giá biết trước là đi câu, em sẽ mặc áo quần tây, là xong. Hay... húi luôn đầu trọc với cái váy cụt, cho anh Chiến vui lòng hi!

Chiến cười khoái chí:

- Các cô nào có biết, việc cắt tóc ngắn, mặc quần áo ngắn, được đồng bào ta hưởng ứng nhiệt liệt ấy nhe: Thời kỳ bọn thực dân Pháp đối đãi ác nghiệt với dân tộc mình, bọn họ hà khắc ghê gớm. Pháp dùng chính sách trực trị kèm chế, khủng bố, đàn áp gắt gao. Các cô biết không? Ngày 19 tháng 9 năm 1903, lính chiến đấu của ta, mà Pháp gọi là Khố Xanh, Khố Đỏ ấy. Tức là lính mặc quần xanh quần đỏ, mà họ kêu là "khố", để tỏ vẻ khinh bỉ miệt thị dân An Nam mình đó. Pháp bắt dân mình ở trần, mặc xà lồn, đóng "khố" hầu chạy cho nhanh, vì sợ mặc quần dài có hai ống vướng víu. Khiến sự bất mãn về cuộc sống, gian khổ, và mối thù giai cấp tăng cao, làm thức tỉnh người dân hồi ấy đã vùng lên mạnh mẽ. Tuy vậy, tôi rất thích đàn bà thời ấy ăn mặc rất kín đáo, nhất là cái yếm thắm nửa kín nửa hở, mà tính tình họ đoan trang.

Anh Tùng móc môi xong thả xuống nước, tùm tùm cười:

- Để tôi nói cho các bạn nghe chuyện ăn mặc ở Việt Nam hồi đó như thế nào nhé: Tự ngày xưa, dân An Nam có truyền thống ăn mặc gọn gàng, kín đáo, và đẹp mắt. Điều ăn

mặc này trước tiên phát xuất ở ngoài Bắc: đàn bà con gái khi trời nóng và ở trong nhà, thì họ đeo yếm thắm (đủ màu) cột bốn dải thắt ra sau gáy và lưng. Nếu ra ngoài hoặc đi đâu xa, họ mặc thêm cái áo dài the tứ thân. Váy đen dài khiêm tốn chấm tới mắt cá, mang guốc mộc, đội nón lá hay nón quai thao, khoát tay nải. Phụ nữ Việt Nam hay lam hay làm, vì mặc "khô" dài lướt thướt, rộng thùng thình, đi đứng có phần vương vít, trở ngại, khó khăn. Nên họ cắt bớt "khô" cho ngắn bớt lên mắt cá chừng gang tay. Rồi thì... phụ nữ mặc chiếc váy mới, thấy dài không ra dài, ngắn không ra ngắn, họ cảm thấy dị dị kỳ kỳ, khó coi, khó chịu sao ấy. Nên các bà các cô tân thời bèn làm một cuộc cách mạng nữa: Họ mặc "khô" ngắn tới đầu gối cho nó... gọn.

Các bạn nhìn nhau cười cười. Tay này trầm ngâm, thâm trầm ngẫm ngẫm mà đăm chết voi, chắc là có vấn đề gì đây. Anh Tùng thùng thảng nói tiếp:

- Tưởng như vậy là yên thân chiếc "khô đầm". Nào ngờ, đời Vua Lê, Càn Vương hay Chiêu Thống gì đó. Tôi quên mất. Đại khái là đời vua Lê. Mỗi lần Ngài ngự giá, hay thân chinh đi đó đây thăm dân cho biết sự tình, thì vua thấy "liềng bà con cây" ở ngoài đường, ngoài chợ, không mấy kín đáo, người nào người nấy cũng đưa hai ống quyển ("lem dem" mồm mồm ít gọi cảm, đen sì không ra đen, trắng trắng không ra trắng). Hai ống quyển cứ mông mồm màu tro xám. Đôi khi vua thấy họ ngồi chò hỏ ngoài ruộng, ngoài rẫy, họ vô tình bỏ quên "cái sự đời em ra" phơi nắng phơi mưa. Mà thật tình họ lo lam lo làm, không hay biết, để gió lùa vào. Vua lo cho sức khỏe của bá tánh, thấy họ không giữ ấm thân thể, mà vua thương... đứt ruột!

Tiến tiếp lời:

- Khả khả! Anh Tùng nói đúng. Hồi đó có ai biết mặc "xì níp" đâu. Hê hê!

- Tôi nói đến đâu rồi nhỉ? À, à... Phụ nữ nước ta xưa nay đa số vốn nổi tiếng là đoan trang, nét na thủy mị, ăn mặc kín đáo. Bỗng dưng cái "khô" nay "hót" lên đầu gối, thì họ ngượng ngùng, coi cũng khó chịu ha. Nhất là khi vua ngự giá đó đây, thì họ càng lo lắng sợ sệt, bẽn lẽn, run lập cập; vì sợ, vì đói, vì rét, hay vì e thẹn? Tôi chả biết. Họ cứ té lăn chiên đồ đèn, giơ hai cẳng chân khẳng khiu quơ quơ lên trời. Rồi thì ngọn gió vô tình lại tốc ngược chiếc "khô đụp" lên quá... bẹn. Tô hô tơ hơ "cái sự đời em" ra rõ mồn chẳng có xì líp xì lơ gì

Mặc các bạn cười chảy nước mắt, họ nghiêng ngả người trên thuyền. Vương Gia Tùng bác sĩ "đẹp giai" nhà ta thì tỉnh queo không cười. Nhìn ảnh không cười, họ càng mắc cười kinh khủng. Tùng ung dung và duyên dáng kể tiếp:

- Vua Lê là người khá hào hoa, thanh lịch, văn nhã và đầy nghệ thuật vị nhân sinh, ngài nhìn cảnh trái tai gai mắt đó nhiều lần, coi cũng dị hợm nhột nhột chương quá đi, nên vua đã xuống chiếu nghiêm cấm "liềng bà con cây" không được mặc "khô đụp". Không mặc váy! Á à... tôi quên. Ngài không dùng tiếng "khô" miệt thị, càng không nói tiếng "váy" văn chương tân thời, mà Ngài nói:

- Phải "mặc quần không có hai ống", (nghe văn nhã hơn).

- Thế là phụ nữ bắt đầu mặc quần không có hai ống dài xuống mặc cá chân.

Ngừng một lúc, anh Tùng liếc nhìn các bạn:

- Có yên đâu. Phải rồi! Chưa yên. Tôi nhớ có lẽ không lắm, đúng một trăm sáu mươi ba năm sau. Vua Minh Mạng thứ 9 đã ban một chiếu dụ khác, trái ngược lại là cấm chỉ "liềng bà con cấy" không được mặc "váy đụp" tồn hỗn tên hèn như thế. Mà phải mặc quần phải có hai ống hẳn hoi. Thế là "quần có hai ống" ra đời từ đó. Nào, bị chửi các cô thích mặc thứ gì? Mặc "khố", "quần có hai ống", hay là mặc "váy đụp"... Hì?

Hoài liếc liếc nhìn các anh chị, vui vẻ thảo luận:

- Về “Chuyện Áo Quần” đúng như thế đấy ạ! Dạ vâng! Ngày xưa phụ nữ trang phục như vậy, âu cũng là đài các quý phái lắm rồi. Thế mà sau này họa sĩ Cát Tường (Lemur) còn đề xướng ra một "mốt tân thời" khá hấp dẫn khác: (chiếc áo tứ thân, khăn mỏ quạ, váy xòli guốc mộc...) đã được thay vào những chiếc áo dài của phụ nữ, cho thêm phần duyên dáng hấp dẫn và xuất sắc hơn. Áo dài có đủ kiểu: áo dài cổ truyền có hai vạt, có nếp ôm vào thân, áo dài khi ngấn lên qua nửa ống quyển, khi dài chấm gót chân, lâu lâu có thay đổi xí. Áo dài hồi xưa may có bâu lót viền quanh cổ áo (nhưng bây giờ phụ nữ ít thấy ai mặc, còn áo dài dành cho ông già vẫn có bâu). Tà áo khi hẹp khi rộng, khi thấp khi cao theo thời trang. Thường là thay đổi cổ áo: kiểu tròn, cổ áo kiểu áo bà Nhu, cổ áo kiểu trái tim, cổ áo kiểu hở vai hơi xệ trước đầu ngực, hai vai phồng. Như bây giờ Hoài đang mặc đây là áo dài cổ cao đến nỗi quay qua quay về bị cản. Thợ may còn luồn một sợi dây nhỏ ở ngay eo, thắt rất chặt, để siết tà áo vô hông theo vòng eo, cho nhỏ xíu lại. Trên tà áo gắn kim tuyến, hay thêu đủ hình hoa hình phượng tuyệt đẹp. Kèm vào áo dài là chiếc quần dài màu trắng rộng loe dưới ống (hoặc màu đen, có hai ống hẳn hoi) loại vải quần mong mỏng, mịn màng.

Anh Đức (quân y) tùm tùm cười:

- Chuyện này hỏi Hoài thì rõ nha.

- Dạ thưa... Chuyện Áo Quần 1 nè (thời trang theo từng thập niên) thì: Trước tiên đã được du nhập vào Việt Nam từ thời Trung Hoa {(mà thuở ấy dân ta gọi là Tàu) đô hộ nước ta 1.000 năm}. Thưa, như quý vị đã thấy là: Chiếc áo Thượng Hải của Tàu dựa trên hình thức kiểu mẫu đã có từ lâu, thẳng thẳng trung thực mà nhìn, thì chúng ta thấy nó không khác gì tà áo dài Việt Nam là mấy ạ. Cũng kiểu cổ áo, kiểu nút gài từ giữa cổ, có vạt hò bên trong, có hàng nút thắt từ cổ chéo qua ngực và nách, rồi hàng nút ấy buông xuống một bên hông phải. Còn một bên hông trái không có hàng nút, thì họ may bít xuống tới dưới bắp đùi, quá đầu gối, hoặc xuống tận gót chân; phía dưới từ đầu gối trở xuống là áo xẻ cao một bên tà áo. Khác một vài điều là: áo Thượng Hải không có hai tà áo rời hẳn ra từ hông; (như hai tà áo dài của phụ nữ Việt Nam); mà họ may bít một bên hông, may bít từ bên hông trái xuống tận gót chân, na ná như áo đầm bó thân bên trời Tây. Nôm na gọi là "bên kín bên hở" hay là "nửa kín nửa hở"... Họ thường may các loại áo vải hơi dày như nhung, gấm, nỉ, nên kiểu áo Thượng Hải phụ nữ Tàu coi

cứng đơ. - Áo Thượng Hải có loại áo dài tay. Có loại áo sát nách (không có tay).

2.- Trong khi đó thì phụ nữ Việt Nam mặc áo dài có hai tà rời từ hai bên hông trở xuống. Thế nên mỗi cử động của phụ nữ Việt Nam đều nhịp nhàng uyển chuyển, tha thướt, duyên dáng, hấp dẫn theo từng bước chân; hai tà áo dài e ấp nép vào đôi ống quần mong mỏng nhẹ bay bay trong gió. Trông ai mặc áo dài cũng tha thướt, uyển chuyển, khả ái, xinh lịch và quyến rũ. Hình ảnh ấy tuyệt đẹp, phải không xin thưa quý vị?

3.- Vào thập niên 30 ở thế kỷ 20 – Người “An Nam” ông cha chúng ta còn hỡi hùng chìm đắm trong chế độ cai trị của Tàu. Sau đó họ sợ hãi bởi ách đô hộ của thực dân Pháp, do toàn quyền Đông Dương tên Pierre Pasquier cai trị. Trong bối cảnh lịch sử nói chung, đầu tiên nhờ có nhóm Tự Lực Văn Đoàn do Nhất Linh Nguyễn Tường Tam có tư tưởng cải cách tiên bộ, ông đã mạnh dạn đứng lên làm một cuộc cách mạng, bao gồm: Xã hội, giáo dục, nghệ thuật &... Le Romantisme Révolutionnaire (lãng mạn cách mạng, truyện của nhóm TLVĐ). Sau đó, nhóm TLVĐ xin giấy phép lập Hội Ánh Sáng, để thực hiện ước mơ “tân trang” một xã hội lành mạnh (nhưng vẫn lưu giữ những hình ảnh đẹp trong tinh hoa cổ truyền). Thế là họ thành công... & có họa sĩ Cát Tường: là họa sĩ đầu tiên vẽ đủ thứ kiểu: từ nhà cửa, bàn ghế, cho đến bópph, giày dép...v.v... Trong đó có kiểu áo dài Việt Nam.

Anh Tâm đã hát hàm hời anh Đức bên Quân-y:

- Dựa trên cái gì để vẽ mẫu, hoạ kiểu cho các mùa thời trang, anh Đức hỉ?

- Câu hỏi này thật là hóc búa xin thưa quý vị?! Theo thiện ý của tôi thì thế này: vẫn dựa theo sự chuyển mình tất yếu của lịch sử, sự tiến hóa không ngừng "cải cách", và sự giao mùa của từng dân tộc. (Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung). Theo đà tiến hóa không ngừng trên vũ trụ này, thì con người ở mỗi quốc gia ngày càng trở nên thông thái, phát huy, có óc sáng tạo tinh vi. Họ không ngừng tự nghĩ ra những “kiểu mẫu” để minh họa cho các mùa, thời trang tuyệt hảo phải phù hợp theo mỗi chu kỳ của quả đất, thích hợp cho dân tộc họ, có thể cho cả thế giới đấy ạ. Tôi tài hèn sức mọn, biết chút chút đến đâu thì xin chia sẻ cùng quý vị đến đó; ngó hầu học hỏi thêm. Ngoài ra không dám gì hơn ạ. Dầu sao thì tôi cũng có chút kinh nghiệm về chuyện này. Khách hàng may đồ bánh nhất là mấy bà sồn sồn hoặc có tuổi, họ dư dả tiền bạc, thích se sua chưng diện, mỗi lần họ may cả chục áo đủ kiểu, đủ màu. Hơn nữa thân hình của họ lại hơi “phì nhiêu”, nên áo dài mau chật, họ cũng hiếm khi may áo ôm sát (lời mỡ còn gì!!) nên thợ dễ cắt may, mà ăn tiền ngon lắm. Nhưng mấy cô nhí đâu có tiền dư, lâu lâu mới may được một vài cái áo dài. Vả lại trẻ tuổi eo eo, thích mặc ôm sát thân, ngực nở, lại độn thêm cái bra gọng thép chần dằn. Nếu thợ may cắt không khéo, là nhả áo. Đức tôi kể thêm một chuyện vui nghề này, hầu quý cụ nghe nhé: Có một khách hàng trẻ, dân Bắc đến may áo tiệm má tôi, cô đòi:

- Anh làm thế nào mà “ôm”, nhưng không “nhấn” cho em nhé? (nghĩa là áo ôm sát vào

thân, nhưng không nhấn ben eo...).

Đức tôi ồm ờ trả lời:

- “Ôm” mà không cho “nhấn”, thì làm sao làm ăn khớp được! Vậy ôm làm chi.

Các bạn trai khoái chí cười ha ha ha...

- Theo tôi nghĩ: thời trang là những gì thể hiện cái đẹp theo cách nhìn và cảm nhận của thời đại, vì thế có rất nhiều dòng thời trang khác nhau trên thế giới, tùy theo mỗi dân tộc, nhóm người, giống phái nam nữ, già trẻ... Tuy nhiên có khi sự cảm nhận, suy nghĩ lệch ra, khác đi, thì thời trang của họ thể hiện cũng khác đi. Ví như bây giờ đòi hỏi nam nữ bình đẳng, nên có thể do đó mà thời trang nam nữ gần giống nhau. Quan trọng khi chọn lựa thời trang là kiểu dáng, màu sắc, hoa văn... phù hợp lứa tuổi, vóc dáng của mình, và quan trọng là để mình mặc vào dịp nào? Ăn diện thì hợp nhất với ăn chơi, tiệc tùng, party, dancing, kéo theo các đồ phụ tùng khác cho thích hợp, rồi phấn son nước hoa... Về đề tài thời trang, quần áo thì mệnh mông, có chiều dài bằng lịch sử con người, cho nên Đức tôi chỉ xin nói về một ít mà tôi đã trải qua, cũng như sự suy nghĩ riêng. Theo tôi điểm chính yếu để tạo ra thời trang nói chung là để tăng thêm sự hấp dẫn, nét đẹp của trang phục thì người phụ nữ là nhiều nhất, cũng từ ý tưởng đó và tùy theo thời đại, xã hội... nếu ý thích của đa số là vẻ đẹp mong manh, liêu trai, mềm mại, thì thời trang áo quần, tóc tai, trang sức cũng theo chiều hướng đó. Nhưng vào lúc khác, cái đẹp là mạnh khỏe, sexy, nóng bỏng, thì thời trang ở trong thời gian đó cũng thay đổi như thế. Nói chung là quan điểm bây giờ về sự hấp dẫn, có thể là thiên về sex nhiều hơn, như bây giờ là các kiểu quần xê, áo hở vai, lưng, ngực... Nếu nhà tạo mẫu nào nắm bắt được xu hướng sắp tới, thì họ đi trước một bước, đưa ra kiểu, dáng, màu sắc, hoa văn... rồi tung ra quảng cáo là ăn chắc. Trong thời gian trước, hầu như thiết kế thời trang của Việt Nam đa số bị gò bó, cổ hủ, cứng nhắc, bất chước, lệ thuộc, hiếm có những nét đặc thù riêng cho người Việt mình.

Lan vui vui bắt chuyện hỏi anh Đức:

- Anh là quân y đã đành, bộ anh có học nghề may, hay sao, mà rành sáu câu quá vậy!?

- Hà hà... vì má tôi là chủ tiệm may. Đúng... Hồi ấy tôi cũng thích ngắm người đẹp, rảnh rỗi có theo học nghề với một ông thầy may đồ đầm từ thời Pháp là ông Ba Cao, ông có một câu nói cho đệ tử nhập môn là:

- “Muốn giỏi và tiến trong nghề đồ đầm phụ nữ, là phải có máu dê trong người, ai không dê, là không theo nghề được”! Lúc đầu tôi cho là ông nói giỡn chơi. Nhưng sau này nghĩ lại đúng như vậy, có máu dê, thì mới ưa thích nhìn ngắm, tìm hiểu về thân hình phụ nữ, thấy được cái xấu, đẹp, mới làm ra cái skirt, long dress, áo dài... phô trương cái đẹp và che bớt cái xấu của khách hàng. Nói chung là yêu nghề, nghề may và nghề Y giống nhau điểm này: hạ một mũi kéo, hay rạch một vết dao mổ bệnh nhân, thì phải biết dưới tay mình là gì, lơ mơ cắt trúng động mạch, nerve... là toi mạng. Cái giống thứ hai cắt may khác ngành y là: dùng cái kéo lớn, kéo nhỏ, phục vụ khách hàng khác

nhau. Tôi làm nghề Y là thấy thương bệnh binh mặt mày đau đớn nhăn nhó, lem luốt máu me, họ hy vọng tin tưởng và năn nỉ mình. Còn nghề may thì “khách” đẹp đẽ, thơm phức khiến mình ưa “dòm”, nhưng mình cầm kéo là chịu theo ý thích của họ! Một điều quan trọng nữa là môn cơ thể học cũng áp dụng được trong ngành may, nhờ đó mà tôi biết rõ “đối phương” là già, trẻ, người ấy là dân miền Nam hay miền Bắc. Từ đó tôi gia giảm rộng hẹp, vân vân... ăn tiền là ở chỗ đó, (cũng có khi tổ trác, ổng lo đi rờ mó chi chi, nhưng ít khi bị làm).

Hoài gật đầu tán thành:

- Anh nói rất chí lý. Bây giờ em thấy họ mặc áo dài mới mới raglan anh à.

Đức gật gù:

- Áo dài raglan may cho đẹp, ôm sát thẳng thớm đã khó, mà kiểu cổ thuyền (cổ áo bà Nhu) còn khó hơn, nhìn áo chung bày trên tượng đẹp vậy, mà mặc vào thì chưa chắc. Về áo dài Raglan: Theo tôi được biết thì người sáng chế ra kiểu áo dài này là do ông chủ tiệm may Dung ở vùng Dakao, Tân định, gần chỗ rạp Casino-Dakao). Thời thập niên 60, tiệm Dung nổi tiếng về cắt may y phục phụ nữ nổi tiếng cho tới bây giờ. Tôi thợ giáo nhiều nơi dành cho các chủ tiệm theo học, để up-grade nghề nghiệp. Có cô khách nhí may áo dài cổ thuyền, cô ta bảo làm giống như áo mẫu chung ở tủ. Tôi cắt cho thợ may đâu đó xong xuôi, cô nhí đem về nhà, không biết ở nhà cô ta có ý kiến ý cò sao đó. Hôm sau cô nhí ôm áo lại, chê sao khoét cổ rộng quá, mặc hở ngực ra coi kỳ. Tôi bảo mặc thử xem sao, thì đúng là hở hang, đưa ngực ra coi hấp dẫn lắm. Nhưng cổ áo đã khoét rồi, làm sao thu nhỏ hẹp lại, giống như đã hót tóc ngắn, cao, thì làm sao cho tóc dài ra liền được! Năn nỉ hoài mà “cô nhí” cứ làm khó dễ. Tôi đành liều nói:

- Cổ áo khoét rồi giờ đưa lên cao không được. Nhưng tôi có thể làm... cho ngực em xệ xuống được... ”Con gà mái ghe” của tôi nó trợn mắt xù lông lên liền... Ha ha ha... Nhưng thưa các bạn, trong ngành may cũng giống như nhiều ngành khác, người Việt mình giống như người Á Châu dấu nghề ghê lắm, tệ trạng này kéo dài tới bây giờ, cho nên các quảng cáo ghi là: (bí truyền, gia truyền!) đó là sự ích kỷ, không thể tiến bộ được. Nói về kinh nghiệm thì đa số có thể do kiến thức không cao, không phong phú, chỉ biết do làm lâu năm, thấy gia giảm như thế... là tốt đẹp, thì từ đó họ coi đó là kinh nghiệm gia truyền. Khác với sự suy luận, kinh nghiệm có thể 10-15 năm tạo thành. Nhưng suy luận có thể trong 15 phút, là biết tại sao và phải làm thế nào. Công thức cắt áo của bà già (má tôi) tôi sửa lại gần hết, vì má tôi dùng công thức xưa quá, theo lối cũ, rườm rà, khó hiểu, không thực dụng. Bây giờ nhìn những áo dài thời trang hiện nay tôi mê lắm, giới trẻ học trường lớp đầy đủ kiến thức, không như mình là “học đại”! Khi nào người mình không còn tính ích kỷ, gia truyền, bí truyền... thì người Việt mới tiến bộ như đám Tây, đám Mèo được.

-* Khi nhìn vào một người đẹp mặc áo dài, đầu tiên là phần ngực, chân cổ ôm sát, không nhăn, tới phần nách tay, phần eo và bên hông, hai tà áo úp vào, khoảng hở eo cao

thấp, nhìn hấp dẫn, rồi tới phần hoa tiết, hoa thêu... Quan trọng nhất vẫn là điểm hai đầu ngực cao thấp, khoảng cách, và xuôi vai... Người thợ chịu khó và chú ý, cẩn thận, thì làm cho khách hàng đẹp thêm, che dấu bớt những khuyết điểm, họ thoải mái tự tin khi mặc chiếc áo dài, là thợ may thành công.

-* Về áo dài nhưng, bạn may nên chú ý: chọn tuyệt nhưng (lông) ngược, khi ra nắng sáng óng ánh đẹp. Nhưng mau cũ và phai màu. Tuyệt nhưng xuôi thì giữ màu lâu, sờ tay vào thấy mịn màng mềm mại. “Nghề chơi” cũng lắm công phu, mà bàn thêm nữa... tôi bù trất, chỉ muốn xông vô mà “ôm nàng cho đã...”

Các cô quê xệ che mặt cười khúc khích. Còn các cậu thì khoái chí lêu lêu các cô và cười ha ha ha thả thuyền câu theo dòng nước. Các bạn chuyện trò vui vẻ, họ kể nào là chuyện Đại Đế Napoléon Bonaparte. Chuyện Ludwigvan Beethoven nhà soạn nhạc lừng danh; họ lại chuyển qua chuyện Michael Faraday, nhà bác học lỗi lạc. Kể cả những chuyện tiểu lâm khôi hài vui hết biết.

Hoài mím cười xin thăm hỏi:

- Chuyện áo quần “tiểu lâm” có thật, và chuyện đại đế Napoleon Bonaparte lừng danh như thế. Quý vị thích nghe chuyện nào. Thưa quý vị? Còn Hoài thì ... ỏn ẻn thử thử tự thú nhận: Em chả... “thích” đại đế đại đế chi cả; mà em chỉ thích mặc “quần không có hai ống” thôi đây ạ!!!

Lâm Thúy

Mưa chiều nhớ mẹ

Mẹ ơi! Chiều nay sóng vỗ
Con sông có trắng mưa dài...?
Biết ai chờ giùm nỗi nhớ
Mang về cho Mẹ, chiều nay....

Mấy ngày mưa như bão rớt
Trời buồn, tựa buổi đưa tang
Mưa ướt trong hồn ủ dột
Nhớ nhà. Sầu cũng mênh mang

Ở đây, lạc loài viễn xứ
Mưa chiều, sầu mấy ngả chia
Con đứng bên trời, ủ rũ
Nghe thèm khói ẩm chiều quê

Nhớ bữa cơm nghèo đậm bạc

Thuở còn đông đủ – quây quần
Nhớ hiên nhà xưa, gió tạt
Đói no, ảm lạnh, chung cùng.

Bây giờ: người xa, người khuất
Đau lòng Mẹ. Nghĩ mà thương
Con biết: Chiều quê tịch mịch
Mẹ ơi! Mưa, nắng cũng buồn

Tha hương. Chiều mưa, nhớ Mẹ
Nhớ mưa trắng xóa sông dài
Mẹ ơi! Mưa nguồn, chớp bể
Lòng riêng một hướng, trông hoài

Tạ ơn đời gìn giữ

Biết Mẹ vẫn chờ nơi quê cũ
Lòng con bất chợt rộn niềm vui
Ngước mắt. Tạ ơn đời gìn giữ
Hạnh phúc chờ con ở cuối trời
Nhưng rồi nghĩ lại tim đau xót
Một góc trời xa Mẹ vẫn mong,
Mà con nhớ Mẹ, sâu như nước
Sóng dồn lên sóng, lệ mênh mông...
Làm thân lữ thứ, đời lưu lạc
Cách nửa vòng quay cố quận xa
Nắng sớm cũng xui lòng tan nát
Đâu chỉ hoàng hôn mới nhớ nhà!
Thương Mẹ quê xa mòn mắt đợi
Đếm ngày, đếm tháng, ngóng tin về
Không dám cất lên lời kêu gọi
Sợ bận lòng con chốn cách chia!
Con tạ ơn đời: còn có Mẹ
Nhưng mà hạnh phúc quá mong manh
Lá vẫn cứ rơi, dù gió khẽ
Chỉ đành ơn nguyện: Mẹ trường sinh.

Dấu ấn trên vai

Nàng có hai con còn rất nhỏ

Đứa vừa hơn tuổi, đưa lên ba
Lũ trẻ như thiên thần: Hớn hờ
Đâu biết gì sinh tử, chia xa
Những lúc nàng ôm hai đứa trẻ
Nước mắt dường như nuốt tận lòng
Nàng gục đầu vào vai nhỏ bé
Niềm đau – Tôi nghĩ – Chắc vô cùng!
Nàng rất yêu chồng – Tình thâm đượm
Quyết sống cùng nhau đến bạc đầu
Mà lại phải tìm người rộng lượng
Thay mình, đi hết đoạn đời sau!
Con bệnh nan y như tiếng sét
Tử thần nung nấu ẩn trên vai
Quá trẻ để nói về cái chết
Đời nàng còn cả một tương lai
Vô cùng rục rỡ và duyên dáng
Nàng như hoa mới nở, xinh tươi
Nào ai nghĩ thời xuân quá ngắn
Cuộc đời chưa quá tuổi ba mươi!
Nàng đau. Tôi biết. Nhưng không hỏi
Không biết làm sao để sót chia
Tuyệt vọng lời cầu xin cứu rồi
Chúa. Phật. Xin đưa tay độ trì!
Nàng can đảm sống, không than thở
Chuẩn bị âm thầm một chuyến đi
Tôi biết: Trong tim nàng, máu nhỏ
Từng giờ, từng phút sợ phân ly.
Cái câu tử biệt đau thương ấy
Nàng không muốn nói, chẳng cam lòng
Nhưng có một điều tôi cảm thấy
Nàng sẵn sàng cho phút mệnh chung!
Và tôi là Mẹ. Trời ơi! Mẹ
Cứ mỗi ngày trông con mỗi xa
Lời nguyện cầu chìm trong tuổi lệ
Ruột thắt từng cơn – Không nói ra!

Lê Nhiên Hạo

Tờ giấy nhăn

Đôi khi tôi gục trên trang giấy. Đó, một câu đầu, viết, đã lem! Em nói em đi vài tiếng gọi. Trưa rồi. Rồi xế. Chuông không reng...

Đôi khi tôi biết thơ-như-vậy, đâu phải thơ, mà, tại xót xa! Nhưng nếu ngồi im tôi cũng gục. Tàn đời người Lính cuộc can qua!

Tàn đời, mà ngộ, sao tôi lại thả chút hồn thơ ấu rất xưa? Thả chút hồn thơ sương khói quện, cái duyên còn sót chắc duyên thừa?

Em ơi bắt chợt em mà đọc được nhĩ bài thơ rất vụng về, em sẽ làm sao? Cười khúc khích? Hay là nheo mắt, nói: Em chê!

Em chê, đâu phải đây lần trước, cũng chẳng lần sau, chẳng một lần! Chữ nghĩa của anh toàn đá sỏi để vào sàng sảy rớt ra sân!

Tôi chỉ làm thơ lúc một mình. Lúc không ai cả hiện chung quanh. Một em-duy-nhất còn xa vắng. Tôi thả hồn bay khắp biển xanh...

Ôi biển! Biển, em chìm mất xác. Biển, con trăng lặn cuối cù lao. Câu em hứa hẹn tôi hồi nãy để tối khuya này nhấp nháy sao...

Đôi khi tôi gục trên trang giấy, ngủ thiếp, nhàu, nhăn, nát trái tim. Non nước và Em: từng mảnh vỡ, thức tôi ngồi nhặt sợ mai quên...

Bài thơ này cũng là trang ký, giữ mãi như lòng tôi nhớ ai...

Phan Xuân Sinh

Tình đã ngủ say

Khi người đụng trái tim ta
là bao nhiêu mộng vỡ òa theo nhau
khi tình ta mãi lún sâu
là lòng người nhạt sắc màu yêu thương
PXS

Từ khi chúng tôi chia tay nhau cho đến bây giờ đã gần 40 năm rồi, hơn một nửa đời người. Nhưng mỗi lần nghĩ tới Sách tôi đều cảm thấy đau nhói, không phải vì tôi còn “yêu” Sách, mọi chuyện đối với tôi nó đã chết theo thời gian. Không ai còn chung tình với vẫn như vậy, tất cả chúng tôi mỗi người đều có một cuộc sống riêng, con cháu đầy

đàn, hôn ai nấy giữ. Thế nhưng mỗi lần gặp lại tự nhiên tôi cảm thấy ray rứt, nhìn Sách thật tội nghiệp với một cuộc sống kham khổ, hạnh phúc bị tước đoạt, con người héo hon trong u uất. Tôi tự hỏi Sách chịu đựng một hoàn cảnh sống như thế này cho đến bao giờ? Chúng tôi đã từng đến với nhau, đã từng gặp gỡ sau những ngày dài khi chia tay. Chúng tôi vẫn giữ với nhau ở một vị thế mà không bị xé rào hay sự đòi hỏi làm chúng tôi mờ mắt. Chúng tôi quý mến nhân cách của nhau mặc dù không cần thiết như vậy. Thế nhưng cái đó đã thể hiện ý thức tôn trọng, một rào cản chắc chắn chúng tôi không nên vượt qua để vi phạm. Cuộc đời của đứa nào cũng te tua bầm giập, còn gì đâu để còn phải giữ gìn.

Tôi nhớ năm 1976, sau khi tôi lấy vợ được vài tháng thì Sách từ Đà Nẵng vào Sài Gòn thăm tôi. Lúc này người chồng đầu tiên của Sách vừa mới mất (tại mặt trận Pleiku 1975) trước ngày hòa bình chừng hai tháng. Tôi ngạc nhiên là Sách cùng đi với Ngọc Bích, người bạn gái của tôi sau này. Ngọc Bích có một người anh trai là bạn cùng khóa Không Quân với chồng của Sách. Vì thế Ngọc Bích và Sách quen nhau bởi dây mơ rễ má như vậy, chứ một người ở Đà Nẵng và một người ở Sài Gòn làm sao quen nhau. Tôi mời hai người ra ngoài quán café để dễ dàng nói chuyện, vì trong sở làm việc của tôi ồn ào, người ra kẻ vào nhiều gây trở ngại trò chuyện của chúng tôi. Đây là lần đầu tiên tôi gặp lại Sách kể từ ngày Sách đến thăm tôi tại Tổng Y Viện Duy Tân Đà Nẵng mùa hè 1972, khi tôi bị thương từ mặt trận được trực thăng chở về.

Trong suốt câu chuyện tôi không hỏi gì về cái chết chồng của Sách, vì tôi không muốn cho Sách hiểu lầm rằng tôi quan tâm vì để thỏa mãn lòng tự ái. Tôi chỉ ngồi nghe hết chuyện này tới chuyện khác mà trong những câu chuyện, Sách tin tưởng rằng người chồng vẫn còn sống, có thể bị bắt học tập cải tạo đâu đó, hoặc đang sống tại nước ngoài chưa tiện liên lạc được với vợ con. Tôi cũng mừng thầm mong rằng sự tin tưởng của Sách là sự thật, một ngày nào đó gia đình Sách được đoàn tụ dù ở bên này hay bên kia đất nước. Ngồi nói chuyện, tôi chú ý từng hành động, từng cử chỉ của Sách. Sách không còn như xưa. Cái liên thoáng lạnh lẽo, cái trì chiết đanh đá mà sau khi có chồng, va chạm với cuộc sống thật ngoài đời, đã dạy cho Sách những kinh nghiệm chống chọi. Tôi không ngạc nhiên điều đó, cái ngạc nhiên nhất của tôi là được Sách dài dòng kể lể về cái hạnh phúc trước đây đã sống với chồng con, cái hạnh phúc ngắn ngủi nhưng rất tuyệt vời này đã làm vết thương cũ của tôi dậy lên và cảm thấy nhức nhối. Cũng bắt đầu từ đó tôi khinh Sách, nhìn Sách với con mắt không mấy thiện cảm. Đứng ra khi gặp lại tôi, một người tình đầu đời của Sách, Sách phải tỏ ra có một chút hối tiếc, một chút đau đớn, vì khi chia tay nhau, tôi không có một lầm lỗi nào với Sách, thì không lẽ gì Sách kể những chuyện hạnh phúc để trả thù tôi. Cái ấn tượng gặp gỡ lúc ban đầu, đã làm cho tôi có thái độ phũ tay lánh mặt. Không cần phải nhớ đến trước đây mình có một con “bò” đang sống trong kham khổ hiện thời, Có ai đó bên quê nhà nhắc tới Sách, tôi tìm cách tâng lờ như không biết. Bởi vì tôi không thể chấp nhận một người tình trước đây

đi lấy chồng, và khi gặp lại nhau không có một câu hỏi han nào về cuộc sống của tôi, chỉ ba hoa kể về cái hạnh phúc đã trôi qua của mình. Đó là một loại người vong tình, không có đầu óc và tôi không cần phải nhớ tới làm gì cho uổng công.

Có một năm vợ chồng tôi về Đà Nẵng ăn Tết, khi tôi đến thăm cậu mợ bà con bên ngoại thì mợ Tâm khuyên tôi cố gắng đến thăm Sách. Mùng ba Tết để vợ ở nhà, tôi một mình đến thăm Sách theo sự yêu cầu của bà mợ. Trong câu chuyện trao đổi tôi có nói với Sách là nếu có tái giá hãy tìm một người đàn ông rộng lượng, vững vàng trong cuộc sống có thể cưu mang thêm hai đứa con, để chúng nó có cơ hội học hành. Tôi bảo với Sách là bây giờ phải hy sinh cuộc đời mình cho con, hãy gạt ra ngoài tai những lời tán tỉnh bóng bẩy, phải tìm một người đàn ông biết thương yêu con của vợ như con ruột của mình. Còn nếu không thì nên sống độc thân buôn bán nuôi con. Thế nhưng vài năm sau tôi nghe Sách tái giá, lấy một người chồng nghèo. Mang hai đứa con về quê ở Túy Loan giao cho bên nội. Tự nhiên trong lòng tôi thấy xót xa, một việc làm điên rồ, mờ mắt thiếu suy xét. Cái ấn tượng không tốt về con người nông nổi của Sách lại càng làm cho tôi thất vọng. Tôi nghiệp cho hai đứa bé đã mất cha, bây giờ coi như thêm một lần mất mẹ. Từ câu chuyện này tôi suy luận viễn vông, một con người như vậy thì làm sao đòi hỏi họ chung tình với ai. Mang đầu óc không thiện cảm, tôi nhìn Sách cay nghiệt hơn và thú thật trong lòng tôi càng khinh Sách hơn.

Tôi nhớ một lần ở Huế, Sách từ Đà Nẵng ra thăm tôi. Chúng tôi ở với nhau trong một căn phòng nhỏ hơn một tuần lễ. Tôi có hỏi Sách lý do tại sao ra thăm tôi mà không báo trước, Sách làm thinh không nói dù tôi đã gặng hỏi nhiều lần. Sau đó thì Thê (vợ của Đức, bạn tôi) là bà con với Sách ra Huế tìm, tôi mới biết Sách giận gia đình nên bỏ nhà ra đi. Giận về chuyện gì thì tôi cũng chưa hề nghe Sách nói. Tôi bảo là Sách nên ra về với Thê, vì tôi không muốn mang tiếng dụ dỗ con gái gây ra sự hiểu lầm cho gia đình Sách, mặc dù chúng tôi chưa hề vi phạm, giữ sự trong trắng, tôi tôn trọng đời con gái của Sách. Nhưng có ai biết điều đó, khi mà đôi tình nhân sống chung với nhau ngày này qua ngày khác, mà không xảy ra điều đáng tiếc? Cái khát khe giáo dục của gia đình, cái ý thức trách nhiệm nặng nề về tinh thần, đã thắng sự đòi hỏi nhục dục của tôi. Tôi trở thành một người thánh thiện.

Sách về Đà Nẵng chừng vài tháng thì tôi nghe tin Sách sắp lấy chồng. Thú thật nghe tin này tôi rất bàng hoàng, tôi muốn gặp Sách để hỏi cho ra lẽ. Và khi đó tôi tiếc là không phá đời con gái của Sách cho thỏa mãn lòng tự ái của tôi. Lạy trời, cũng may mà tôi không làm điều đó, chứ nếu đã xảy ra thì chắc tôi ân hận suốt đời. Cho đến bây giờ Sách vẫn còn kính trong tôi về chuyện này, hơn ai hết Sách biết tôi không muốn phá hoại đời con gái của Sách. Khi về Đà Nẵng tôi gặp Sách vài lần, tôi không thèm hỏi về chuyện lấy chồng của Sách. Tôi xem như đó là một chuyện không đáng cho tôi quan tâm, và từ đó tôi tránh gặp mặt dù tôi đã nhiều lần về lại Đà Nẵng thăm nhà. Tôi một mình đi uống café thiếu Sách bên cạnh, tôi cũng cảm thấy buồn và cô đơn, nhưng tôi

không thể làm gì hơn khi người ta muốn quên đi dĩ vãng, muốn quên sự hiện diện của tôi. Trong lúc này ở Huế tôi cũng có một người bạn gái cao ráo và đẹp hơn Sách, học trường Bồ Đề Thành Nội. Lúc đó tôi nghĩ có một ngày nào đó tôi phải đứng trước một sự chọn lựa giữa Sách và Nguyễn, thế nhưng không ngờ rằng chính tôi là người bị gạt ra trước cuộc sống tình cảm của Sách. Tôi rất bức bối nhưng nghĩ cho cùng, cũng giúp cho tôi một lối thoát mà không mang tiếng phụ tình với Sách. Sau này, tôi cũng quyết định chia tay với Nguyễn.

Ngày tôi bị thương nằm điều trị ở Tổng Y Viện Duy Tân thì Sách có đến thăm. Lúc đó Sách vừa mới sinh đứa con đầu lòng. Tôi thấy Sách khóc mà ngược lại tôi rất dửng dưng. Tôi cho rằng giọt nước mắt của Sách là vui mừng đã tránh được một tai họa. Nhiều đêm nằm nghĩ về Sách, tôi tự hỏi tại sao tôi nặng nợ với Sách nhiều vậy. Về phương diện thẩm mỹ thì nhan sắc của Sách không so bằng những cô bạn gái của tôi trước hoặc sau Sách, về phương diện tình cảm thì Sách là người hời hợt, không thâm trầm và phụ tình một cách trắng trợn, thế nhưng để lại trong đời tôi nhiều vết chém nhất mà vết sẹo nào cũng sâu và đau. Mỗi khi nghĩ lại thấy nó nhức nhối khó chịu nhất. Có lẽ Sách và tôi đến với nhau lâu dài, có nhiều kỷ niệm khó quên. Chính vì lẽ này nên gây ra chấn động âm ỹ trong lòng tôi mỗi khi nghĩ tới. Tôi chuẩn bị đi Sài Gòn, thì Đức đến nhà cho tôi biết là chồng của Sách bị tử thương trên mặt trận Pleiku, và Sách chuẩn bị mang hai đứa con nhỏ về Đà Nẵng. Nghe tin này, thú thật lòng tôi không có chút xúc động vì từ bao nhiêu năm nay tôi gạt Sách ra hẳn mọi suy nghĩ của tôi. Tôi cho đây là chuyện thị phi không cần phải quan tâm tới. Thế nhưng khi ngồi trên máy bay tự nhiên hình ảnh Sách hiện lên trong đầu: Một người đàn bà góa bụa còn rất trẻ với hai đứa con thơ, nhào ra cuộc đời đầy sóng gió, đầy nhiều nhương như vậy, thì làm sao chen lấn trong cuộc sống này cho nổi.

Tôi quên đi sự phản bội của Sách, quên đi sự lọc lừa và trí trá thuở nào. Tự nhiên những thứ này xóa mất trong tiềm thức của tôi. Động lại trong lòng tôi là sự thương hại, tôi thậm chí cầu nguyện cho Sách vượt qua tất cả để sống trong bình yên, ổn định tâm hồn để nuôi con khôn lớn. Tôi không còn trách móc ai cả, tôi cho đây là một sự nhầm lẫn của tuổi trẻ mà không ai biết trước được. Tôi và Sách cũng chỉ là nạn nhân của chiến tranh, tôi bị thương trong cuộc chiến và vẫn còn hiện diện trên đời, mặc dù mất một phần thân thể. Còn chồng của Sách xem như xóa sổ vĩnh viễn trong cuộc sống. Hơn ai hết tôi hoàn toàn thông cảm cho cái đau rưng rức trong người của Sách phải gánh chịu. Cho đến bây giờ, khi tôi ngồi viết lại dòng hồi ký này, tôi xem Sách vẫn là người tình thuở nào, một người bạn thân thiết và là một người em gái đáng thương nhất của tôi.

Vài năm sau đó, tôi có dịp về Đà Nẵng thăm nhà. Tôi nhờ Đức, một người bạn cùng xóm thân thiết nhau từ nhỏ, chở tôi bằng xe honda lên Nam Ô thăm gia đình Sách. Chúng tôi đến bất thần vào bữa cơm trưa, bữa cơm thật đậm bạc. Cơm ghế khoai, một tô canh rau và vài con cá mặn. Vợ chồng con cái ngồi quanh mâm cơm hì hục thật tôi

nghiệp. Tôi nhìn Châu, người chồng của Sách sau này, thua tôi chừng vài tuổi, một thanh niên dễ coi và hiền hậu. Tôi yên tâm là Sách có thêm một gia đình cũng tạm ổn, mặc dù sự hối tiếc và trách móc của tôi về Sách vẫn còn mang trong đầu, chưa xóa được. Vài ngày sau, tôi có mời vợ chồng Sách ra nhà hàng dùng cơm, tôi thấy họ xứng đôi và tôi nghĩ chắc họ được hạnh phúc. Nhưng khi dùng cơm ngồi đối diện với Châu, tôi nhận ra một điều là Châu mang một mặc cảm vì nghèo, vì thua thiệt. Chính vì cái nghèo, cái thua thiệt đó mà phải lấy một người đàn bà có con, vợ mình là gái “nạ dòng”. Những điều này thì làm sao Sách biết được, Sách là một loại người chỉ biết hình thức, suy nghĩ hời hợt, không biết sâu thẳm trong lòng của chồng mình. Trong đầu óc của Châu khi sống với vợ có tôn trọng vợ không? Mà vợ chồng sống với nhau lâu dài, chỉ giây phút nào đó nhá lên ý nghĩ thua thiệt của mình, tại sao mình là thằng con trai lớn lên lại lấy một người đàn bà có con. Ngồi nói chuyện nhưng tôi nghĩ miên man, tôi nghiệp cho hai người sống trong một hoàn cảnh u uất, không ai chịu bày tỏ sự thật của lòng mình. Tôi là đàn ông nên tôi hiểu tâm trạng của Châu, cái u uẩn trong lòng mà không ai biết được. Đến một lúc nào đó không còn chịu đựng được, sợi dây tình lặn dần kia sẽ bung ra. Khi còn ở Sài Gòn, tôi có gặp Thanh (em gái của Sách), có kể cho tôi nghe về chuyện gia đình Thanh không thích người chồng trước của Sách, chính Sách chọn lựa chứ không có gia đình xía vào chuyện này. Hình như trong ngày cưới có một chuyện gì đó xảy ra đáng tiếc cho Sách, (tôi chỉ nghe Thanh kể mà không chú ý lắm, một phần cũng lâu ngày quá rồi nên chỉ loáng thoáng nhớ lại). Và người chồng sau này cũng không được gia đình đồng ý, nhưng không có cách nào ngăn cản lại được. Hơn nữa con gái mình cũng lỡ thời, nên không còn con đường nào khác chọn lựa. Thanh có nói thêm (hình như là để an ủi tôi chăng?) gia đình em thích anh hơn.

Tôi qua California thăm người chị bà con mới từ Úc qua. Chị cho tôi biết là vừa rồi có về Việt Nam thăm nhà, chị mới nghe tin Sách đã ly dị với người chồng sau, chị hỏi tôi có biết tin này chưa? Tôi lắc đầu. Không biết tại sao tôi không ngạc nhiên về chuyện này. Từ lâu tôi nghĩ rằng Sách sẽ không được hạnh phúc với người chồng sau này. Tôi có cảm giác như vậy, còn lý do vì sao tôi mang ý nghĩ này thì quả thật khó giải thích. Tôi nghĩ trong đầu Sách sẽ khổ hơn, sẽ gặp rắc rối hơn khi tiếp tục sống với nhau. Thà như vậy, đừng ai nẩy đi để giải thoát những bế tắc cho nhau mà không nói ra được. Sách đúng là người đàn bà cao số. Sau khi nghe tin tức không may của Sách về chuyện gia đình, tự nhiên tôi thấy thương Sách hơn. Suốt một cuộc đời lao đao với chuyện chồng con, chỉ có nước mắt âm thầm trong đêm, khóc cho người chồng này rồi khóc cho người chồng khác. Gần cuối cuộc đời sống trong lẻ loi cô quạnh. Đời một người đàn bà chỉ có một lần có quyền được chọn lựa, sơ sẩy xem như đi đong không thể trở lại. Sách nằm trong trường hợp này. Nói thế không phải vì Sách không chọn tôi nên mới gặp những trường hợp đáng tiếc xảy ra. Biết đâu khi chọn tôi trường hợp xảy ra còn thê thảm hơn thì sao? Cuộc đời dài lắm và cũng ngắn ngủi lắm, làm sao biết được

chuyện gì sẽ xảy ra.

Tôi đi Mỹ (1990) không có cơ hội gặp được Sách. Hình như tôi có gửi cho Sách một vài lần tiền nhờ người quen mang về. Nhưng sau đó thì bất tin, tôi không liên lạc được do mất địa chỉ vì tôi dọn nhà đi nhiều lần. Gần hai mươi năm sau tôi mới có dịp gặp lại Sách khi tôi trở về Việt Nam thăm nhà vào dịp tết 2008. Không biết ai báo tin cho Sách tôi mới về. Một buổi tối sau khi dùng cơm với gia đình xong, tôi ngồi ở phòng khách xem tivi, thì đứa em vào báo có một chị bạn tìm tôi. Tôi nhìn ra ngoài hiên, ánh đèn mờ quá tôi không nhận ra Sách, mà thú thật Sách đổi khác nhiều quá. Bao nhiêu tai ương ụp xuống đời một người đàn bà, cộng với sự nghèo khổ, chăm lo cho gia đình và các con, đã làm cho Sách héo hon, tiều tụy. Sách khép nép nhìn tôi, trong một giây phút bất thần tôi không nhận ra được. Sau đó thì Sách cười tôi mới nhận ra. Nụ cười của Sách rạng rỡ tôi không bao giờ quên được. Vì mới gặp nhau chúng tôi chỉ trao đổi những thăm hỏi, khi đụng tới chuyện gia đình thì Sách bảo là buồn lắm để khi khác sẽ kể cho tôi nghe. Quả thật Sách không biết ở Mỹ, tôi đã biết về chuyện ly dị của Sách trước đây mấy năm.

Trong thời gian vào dịp Tết, tôi cũng bận rộn nhiều chuyện. Lâu ngày mới về nên phải đi thăm bà con chỗ này chỗ kia, đi thăm bạn bè. Thì giờ đi thăm thì không tồn mấy, nhưng sau khi gặp nhau thì uống với nhau vài ly rượu, sa đà vào chuyện này không còn thì giờ đâu để làm chuyện khác. Tôi có gặp Sách vài lần ngắn ngủi, những lần gặp nhau tôi chú ý tới một điều là Sách đã thay đổi tính tình rất nhiều. Đăm chiêu và nói chuyện cay đắng hơn. Có lẽ những đau đớn về chuyện đổ vỡ gia đình, đã cho Sách những bài học muộn màng về tình người, sâu sắc trong cuộc sống, thận trọng trong giao tiếp. Đúng ra bài học này Sách phải biết trước đây vài chục năm, thì chắc rằng đã cứu vớt cuộc đời của Sách sau này. Không bị lún sâu trong những quyết định bông bột, non nớt, để phải trượt chân trên đường đời một cách thê thảm như vậy. Mà cũng chính sự đau khổ này cho Sách ném qua cái mùi “bội bạc” của người khác dán lên đầu mình, nặng hơn ngàn cân mà mình phải gánh chịu. Cái gì của Sách đối đãi với tôi ngày trước, bây giờ Sách nhận lấy cái hậu quả đau đớn gấp trăm lần mà tôi đã chịu. Những lọc lừa, dối trá, mà trước đây Sách đã dùng để đối xử với tôi, bây giờ người ta cũng dùng “chiêu” này để đối xử với Sách mà tàn nhẫn hơn, khốc liệt hơn. Ngày đó tôi yêu Sách thật, nhưng song song với Sách tôi cũng có người yêu khác. Mất Sách tôi cũng buồn nhưng tôi có Nguyễn. Tuổi trẻ chuyện bồ bịch đến hay đi cũng bình thường, buồn một thời gian rồi quên ngay.

Một buổi tối tôi mời vợ chồng Đức và Sách đi ăn cơm và sau đó đi uống cà phê. Tôi ngồi nghe Sách kể về lý do ly dị với người chồng sau. Một lý do đơn giản là Châu đi chơi đâu đó, gặp một người đàn bà khác. Sau một thời gian ngắn thì Châu tuyên bố chia tay với Sách, về sống với người đàn bà kia. Sách nói với tôi là rất ngạc nhiên về chuyện này vì vội vàng và nhanh chóng quá. Thế nhưng khi nghe xong chuyện, tôi không ngạc

nhiên. Chuyện Châu quyết định bỏ Sách cho đến thời điểm đó thì đã quá muộn, đúng ra chuyện này đã xảy ra sớm hơn. Sách không nhìn rõ để thấy chuyện này. Lấy Sách nhưng lòng của Châu bao giờ cũng nhìn đi nơi khác, trông chờ có cơ hội sẽ buông tay với Sách ngay. Từ lâu nhìn Châu tôi đã thấy được chuyện này. Nhưng thôi đây chỉ là dự đoán của tôi, tôi mong rằng không đúng. Tuy nhiên Sách phải hiểu rõ một điều thực tế. Một người con trai khi lớn lên lấy vợ, ai cũng mong rằng người vợ của mình còn trong trắng. Nếu người vợ không dành cho chồng cánh hoa tươi rói đó thì người chồng có cảm giác mình bị cầm sừng. Huống gì đây người vợ đã có vài mặt con thì trong lòng họ cảm thấy bị thiệt thòi biết mấy. Châu ở vùng quê mùa, đầu óc không thoáng lăm, còn quan niệm lỗi thời và còn bị ràng buộc bởi gia đình cổ hủ. Tôi nghĩ khi Sách về làm dâu nhà này đã nghe tiếng chì tiếng bác về chuyện này. Sở dĩ hai người có con với nhau nên nhẹ bót đi cái chuyện xỉa xói của gia đình.

Đúng ra Châu nên có tấm lòng bao dung, hiểu được hoàn cảnh đau thương của vợ, mình lấy họ tức là mình đã cứu vớt cuộc đời của họ, phải sống với nhau bằng tình thương yêu. Nếu thấy rằng lòng mình không rộng lượng như vậy, thì từ đầu mình nên rút lui, để đừng gây thêm đau khổ cho mình và cho người khác. Sách thì không chịu hiểu cái điều thâm sâu bí hiểm đó, nên đau khổ và trách móc đủ thứ.

Trước khi tôi rời Đà Nẵng, Sách đến thăm tôi lần cuối. Có lẽ là lần đầu tiên tôi mới nghe Sách nhận xét về tôi. Sách nói trong nghẹn ngào: “Cuối cùng rồi em mới thấy được, không có ai yêu thương em bằng anh”. Tôi nhìn Sách và thầm nghĩ rằng: “Anh cũng không được như vậy, chỉ có chính em mới thương em”. Đến một cái tuổi nhìn cuộc đời trải qua những bon chen, danh lợi. Những tranh giành, hơn thua. Rồi đến một lúc nào đó ta thấy tất cả chỉ là trò hề. Chỉ còn đọng lại chút tình còn sống lại trong lòng. Hãy sống với nhau bằng thủy chung, chân thật. Tôi biết Sách cay đắng với đoạn đường đã trải qua, những nghiệt ngã giáng xuống đời một cách cay nghiệt, cũng bởi vì khi còn trẻ không trân trọng sự chân thật, chạy đua để nắm bắt được danh lợi, nên phải trả một giá rất đắt bằng chính cuộc đời của mình. Không ai có đủ quyền năng can thiệp được những chuyện này, nên khi nhận thức được thì đã muộn màng. Trước khi lên taxi ra về, Sách chạy đến ôm tôi, tôi cúi xuống hôn lên trán Sách rồi Sách lầm lũi lên xe. Đức và Thê đứng nhìn cảnh này cũng ngậm ngùi, rung nước mắt. Tôi biết Sách khi lên xe sẽ khóc, nhưng biết làm sao hơn khi chính mình định đoạt cuộc sống của mình, thì mình phải lãnh hậu quả của sự quyết định đó.

Phạm Tương Như

Biển đêm

Có mối giao tình giữa biển êm

Da em trắng ngọc ánh trăng mềm
Thoảng mùi hương tóc thơm trong gió
Bàng bạc mù sương rót nửa đêm
Ai nhót sao trời trong mắt xinh
Cho anh lạc hướng ngõ tìm mình
Em như triền sóng theo cơn gió
Anh thả thuyền trôi giữa lặng thinh
Em thủy triều lên giữa biển khơi
Có hay bèo giạt cánh hoa trôi
Bóng mây tan nát chìm theo sóng
Bọt sóng trùng dương tận bên trời
Có phải tình em, hải đảo hoang
Tìm em thiên sứ giữa mây ngàn
Anh mãi thì thâm bao sóng vỗ
Vách đá vô tình bọt nước tan
Biển lặng hồn anh đêm sáng trăng
Tình yêu lai láng khắp mây giăng
Em như biển vắng xa xôi quá
Có giữ hồn anh bóng nguyệt tan?
Anh sẽ là sao lặng lẽ rơi.
Hồng dương tỉnh mộng ở chân trời
Đêm mãi luân hồi muôn vạn kiếp
Tình tự dạt dào tựa biển khơi

Quán rượu tương phùng

Chiều buồn tàn úa đóa phù dung.
Chén giao bôi mừng phút tương phùng.
Ta và em, một trời luân lạc.
Em lạc đời, ta lạc tình chung.
Đêm chưa tàn sao nhạt phần hương.
Rượu chưa say sao nát ý thường.
Ly thứ nhất chào em nhan sắc.
Rượu đời em đắng những tan thương.
Cụng ly đây hay cụng chân không.
Em mời ta uống cạn biển lòng.
Rượu em rót có pha nước mắt.
Và nụ cười đục bên nước trong.

Phà khói thuốc thả vòng mây trắng.
Làm sao em cột chặt đời mình
Lời em hát, chuyện tình cay đắng.
Bài ca buồn giọt lệ lung linh.
Đêm tương kiến cũng là tương biệt.
Rót đầy ly cụng chén hồng nhan.
Uống cho cạn mảnh đời hơn thiệt.
Rượu quên sầu hay nát tim gan.
Tay em lạnh ngả màu trăng lạnh.
Lời hát buồn khóc cuộc tình xa.
Ta hôn em trốn đời hiu quạnh.
Hay trốn chính mình một đêm qua

Điểm tình

Anh gửi thương qua tầng mây nhưng nhớ.
Khi mây về anh thương nhớ em thêm.
Gió cứ miên man, mộng寐 êm đêm.
Đời rất đẹp, nhưng hồn thơ bơ ngỡ.
Anh nhớ em qua khung trời phiêu lãng.
Biển mây trôi như lượn sóng vỗ bờ.
Vùng tóc em, mây tóc thoáng bơ vơ.
Trong sâu thẳm mắt em trời xanh biếc.
Tâm thương nhớ không có đời sinh diệt.
Nên nhớ thương tuổi lớn cả ngàn năm.
Nhớ khôn nguôi vì cách trở xa xăm.
Ngoài nỗi nhớ chắc là anh sẽ khóc.
Muốn trả em phần hồn thơ cô cút.
Những điểm tình, duyên đáng giữ bao lâu.
Sợ hồn thơ không kham nỗi niềm đau.
Sợ tim vỡ những bờ trắng tan tác.
Anh yêu em bỗng thấy đời thơm ngát.
Dù trái ngang là chuyện của đời thường.
Dung nhan tình là điểm lệ yêu thương.
Điểm tình ấy là hồn thơ sinh diệt.
Anh nhớ em với tấm lòng tha thiết.
Ngày sắp tàn đưa tiễn bóng chiều phai.
Dòng thời gian anh ôm giữa đôi tay.

Đời giao động những nhịp tim rất lạ.

Dương Quân

Thư viết trong mưa

Trời làm mưa gió sục sùi
Nhớ em mấy bữa ngủ vùi trong chăn
Mưa buồn từng giọt miên man
Vẳng nghe tiếng gọi tiền căn vọng về
Hỏi lòng đang tỉnh hay mê?
Sao nghe đau nhức bốn bề không gian
Lối nào lên được thiên đàng
Mà chân rồi mãi muôn ngàn tơ vương
Trầm luân hết cõi vô thường
Rã rời tim óc, bi thương xác phàm
Bao giờ huệ nhãn, huệ tâm
Hẹn nhau về chốn cao thâm cõi Thiên
Xét mình nghiệp chướng còn nguyên
Câu kinh nào giải nhân duyên luân hồi
Mưa chan tội, phúc đầy vơi
Giọt vào tiềm thức, giọt rơi vũng sâu
Giọt nào rửa sạch cơn đau
Giọt nào hóa đá ngàn sau vĩnh hằng?
Cuộn tròn nỗi nhớ trong chăn
Gởi em thơ viết mấy hàng trong mưa
Ví dầu mưa tạnh hay chưa
Cội tình cũng đã xác xơ nhánh buồn.

Nguyễn Tôn Nhan

Chiều chiều

Sáng hôm nay mặt trời xanh
Nàng giữ trên môi bông tuyết nhỏ
Lá trong vườn từng lưỡi dao găm
Nàng giữ trên tay bông tuyết đỏ
Chim không bay đến mái hôn tôi

Nơi cô đơn rêu ngàn năm đã phủ
Nơi vinh diệu của những kẻ u buồn
Nơi sáng hôm nay của tôi của nàng
Của hai kẻ đem phơi hồn ủ rũ
Chiều tôi trở về trên đồi cây
Dưới cành khô có bóng nàng treo cổ.

Một chùm bông

Nắng nằm trên nóc nhà ga
Chim có kính rơi giọt máu nhỏ
Bay về đâu bay về đâu tôi chiều nay
Chim có kính suốt mùa thu ngủ
Tôi nằm trên nóc nhà ga
Tôi chụp bông nắng khô vỡ
Con chuồn chuồn
Tôi ngạt thở
Tôi nằm thu hiện nóc nhà ga
Chim bơi trong chùm bông nắng khô
Chiều để tôi ngạt thở.

Yên Sơn

Những khởi đầu

của một gã tha hương

Hắn cứ sống với sức sống vươn lên trong cái ảo tưởng, mơ hồ như một người khách lạ. Hắn luyến tiếc quá tuổi thanh xuân cho nên rất ít khi hắn công nhận là hắn đã đứng bên kia một nửa cuộc đời! Hắn không sợ già nhưng hắn không muốn chấp nhận. Chưa làm được việc gì nên trò nên trống mà đã già rồi nghe thê thảm lắm! Hắn vẫn thường nói đùa với bạn bè, người quen là hắn sẽ không bao giờ quá 50 tuổi! Ai nghe qua cũng ngỡ ngác trước khi hắn cười hiền giải thích: “kể tiếp 50 sẽ là 49 đến 48, 47... 40 rồi quành lại 41, 42... và cứ thế!

Có thể trong chiến tranh khốc liệt xưa kia, hắn đã không thể sống hết mình, sống buông thả như bao nhiêu người khác. Hắn đã sống một cuộc sống mà người đời thường cho là mẫu mực, nề nếp vì hắn tự nguyện đánh ván bài “được ăn cả, ngã về không”, có nghĩa là nếu số phận an bài cho hắn sẽ làm được gì trong đời thì nhất định không thể chết bất tử được. Hắn lo xây dựng tương lai trước sự ra đi vội vã của bạn bè hàng ngày; hắn cố

bồi đắp cho tương lai trong những hoang tàn, đổ nát, khốc liệt của chiến tranh...

Hắn đã nghĩ “nếu có chết cũng nên chọn cái chết oai hùng trong sự thanh bạch bản thân để trả ơn tác tạo của mẹ cha, và để lại cho những người thân yêu niềm thương mến và hãnh diện”. Thế nên ở đơn vị nào, bay loại máy bay nào hắn cũng xông pha, cũng tình nguyện. Hắn không bao giờ từ chối khi có bạn bè nhờ đi bay thể khi bận chuyện riêng tư, chuyện gia đình... dù ở đâu, lúc nào hắn cũng nghe khát là “đi bay thể rất dễ lên bàn thờ”.

Rất điển hình, có thằng bạn cùng tên khác họ với hắn, ngày xưa cùng chung đơn vị, đang ở gần đây. Bạn bè lâu lâu tụ tập lại với nhau để biết là còn có nhau. Bao giờ cũng thế, chuyện mới chỉ là chuyện áo cơm, rất ít; chuyện cũ ai cũng thuộc lòng, nói hoài vẫn như mới! Người bạn bao giờ cũng tìm dịp nhắc lại cho người chung quanh biết là ngày xưa, ngày xưa, khi nó mê đắm vợ nó bây giờ thường hay nhờ vả hắn bay thể... Và cứ thế, tuổi thanh xuân của hắn cứ ngày một ngày hai phiêu bồng với mây, với gió, với nắng, với mưa trên khắp vùng trời miền Nam nước Việt...

Ôi những toan tính rút cuộc cũng bắt chợt chạy bạt mạng theo đoàn người di tản buồn, không một lời từ giã; không biết mình đi đâu, về đâu vào buổi trưa ngày 29 tháng 4 năm 1975 giữa tiếng bom đạn vang rền, giữa những hỗn loạn cùng cực! Bắt chợt đến nỗi không kịp mang theo người yêu dấu chỉ ở cách phi trường 45 phút chạy Honda! Cũng may là “ngã nhưng chưa về không” mà “ngã” cho hắn thêm nhiều cay đắng, đau thương hơn khi nhận ra mình phải sống đời tha hương, viễn xứ, để lại sau lưng một quê hương nghiệt ngã, rách nát; để lại sau lưng bao tình thâm, nghĩa trọng, bao ơn nợ bạn bè! Những chặng đường hắn đã đi qua từ khi tan đàn sảy nghé thật lắm gian truân. Hắn may mắn một cách nhiệm màu bốc theo được hai đứa em trai đang theo học ở Saigon – hai đứa rủ nhau chạy tìm anh ở khu cư xá độc thân, trong phi trường, từ chiều hôm trước – mà tiếng Anh của cả hai khi giao thiệp lại rất mỗi tay!

Sau vài tuần lễ trong trại tỵ nạn Eglin AFB ở Florida, anh em hắn được bà già nuôi người Mỹ, ở San Antonio, bảo lãnh ra khỏi trại tỵ nạn vào một trưa thứ Bảy cuối tháng 5/1975.

Bà già nuôi là vợ của một cố Trung Tá Không Quân Mỹ thời đệ nhị thế chiến. Bà chia sẻ tuổi già với đứa con trai trung niên, ly dị vợ con, trong một căn nhà gạch cũ. Lợi tức của hai mẹ con là tiền cho thuê mấy mẫu nông trại cộng với tiền hưu bổng ít ỏi! Ở bà, hắn thấy bà giàu nhất ở tấm lòng quý hiếm. Hắn đã gặp và thân quen với bà từ những ngày vỗ cánh tập bay trên đất nước này vào mùa Thu năm 1969, giữa những hào hức tuổi trẻ và bầu nhiệt huyết tràn đầy mà tương lai và mộng ước ngập tầm tay, với niềm tự hào là một trong những đứa con tuyển chọn của đất nước Việt Nam. Tình cảnh bây giờ hoàn toàn trái ngược! Gặp lại bà trong thân phận một gã tỵ nạn, một thằng chiến bại với những ước mơ cùn lệt, lụi tàn!

Hắn đã cúi đầu rơi nước mắt với những dòng suy tư hệt hẫng đó. Hắn là người cứng

cỏi, hay ít nhất cũng làm ra vẽ, rất ít khi rơi nước mắt vô nghĩa; thế mà từ dạo cuối tháng tư đến nay, nước mắt ở đâu cứ chực tuôn trào! Hắn nhìn bà đầy mặc cảm pha trộn quý mến, cùng lúc thoáng trong tâm tư muôn phần của hắn có chút cay đắng nghĩ về những người bạn đồng minh đã đành lòng ngoảnh mặt, quay lưng với dân tộc hắn! Trên đường từ phi trường về, hắn nhận ra những lối cũ thân quen, cũng những xa lộ trông treó lên nhau, với I.10 chạy mịt mù về miền viễn tây nước Mỹ xa xăm như cuộc đời vô định của anh em hắn mở ra trước mắt! Chốc chốc hắn lại thở dài, vũng buồn trào dâng menh mang như những đại dương bao la dưới cánh phi cơ trên những chặng đường ty nạn! Hắn ao ước có cái cớ gì để hắn có thể bật khóc cho vơi bớt những u uất trĩu nặng trong tâm hồn!

Sáng Chủ Nhật, anh em hắn theo chân bà già đi lễ nhà thờ! Bà bảo sẽ giới thiệu với người trong họ đạo có thể sẽ được mướn đi làm! Mặc dù hắn đã chuẩn bị tinh thần để bắt đầu cho cuộc sống mới từ trong trại, nhưng vẫn ngỡ ngàng khi nghe bà nói ba chữ “mướn đi làm”. Từ hồi nào tới giờ hắn chỉ quen với các cụm chữ “đi chơi, đi học, đi lính, đi bay”. Bây giờ cũng là chữ “đi” quen thuộc nhưng chữ “mướn” ở trước và chữ “làm” theo sau! “Mướn đi làm”! Cụm chữ đối với hắn như là một xác nhận đau đớn! Trong thâm tâm hắn có cái gì lạ lẫm lẫn bâng hoàng! Hắn than thầm: “thế là hết thiệt rồi một đời ngang dọc!” Nước mắt hắn lại chực rơi! Ôi quê hương tổ quốc! Ôi những người thân thương! Suốt buổi lễ hắn ngồi nghiền ngẫm trận chiến nội tâm, thỉnh thoảng lẩm bẩm ba chữ “mướn đi làm” như một gã điên! Hai đứa em, bốn mắt nhìn lạc lõng!

Lễ đã xong mà sao anh em hắn vẫn ngồi yên một chỗ, dường như có nhiều cặp mắt bám chặt anh em hắn. Hắn triền miên chao đảo và không biết hai đứa em nghĩ gì! Cả ba lúng túng, vụng về chưa biết xoay trở làm sao thì bà già tiến đến với một trung niên da trắng, tóc vàng. Bà giới thiệu hai bên ngập ngừng bắt tay bắt để cuối cùng biết rằng, kể từ sáng mai, Mike sẽ tới nhà bà đón hắn đi phụ việc bảo trì nhà cửa.

Mike bảo hắn yên tâm, chỉ làm thợ vịn và học được chút gì hay chút đó; hắn chỉ làm part time và được trả \$2/giờ! Bà già mừng ríu rít, còn hắn thì lí nhí cảm ơn, bộ điệu ngập ngừng không ra thể thống nào cả! Số là trong đầu óc máy móc của hắn những con số đang chạy rì rào: “\$2/giờ vị chi \$16/ngày, hay ít nhất cũng \$320/tháng nhân cho khoảng 1.000 tiền Việt Nam cho mỗi đô la... whoa! Con số hắn chưa từng có suốt đời học trò cũng như lương sĩ quan phi công Việt Nam một trời ngang dọc!” Hắn thấy chất đắng trong miệng, mắt chột mờ cam! Nhìn lại các em và chính bản thân hắn với bộ áo quần duy nhất của mỗi người đã mặc theo trong lúc chạy loạn, dường như chỉ một thoáng thời niềm vui chột đến rồi vội đi!

Ở trại ty nạn người ta cũng phát đồ cũ, anh em hắn cũng lựa được vài ba bộ khả dĩ nhưng vẫn thùng thình; thế nên khi nào có dịp cho bánh bao thì vẫn phải mặc bộ đồ Việt Nam duy nhất, dù đã cũ nhưng vô cùng thân thiết! Bà già thấy hắn lúng túng vội đỡ lời, nói với Mike chắc là hắn “shy” (mắc cỡ) và vốn dĩ ít nói!

7 giờ sáng hôm sau là một ngày mới, một cuộc đời mới của hắn. Hắn ngoan ngoãn làm tất cả những gì thằng Mike biểu làm; hắn làm ngon lành, mau lẹ dù có lúc hắn thật sự rơi nước mắt – Chỉ một tháng thôi mà đã nghìn trùng xa cách, mà đã voi chó đổi đời! – Từ quét rác, lau cầu tiêu, cắt ráp kính cửa sổ đến sơn quét... đủ cả! Cái gì nó chỉ là hắn làm được ngay, nó có vẻ hài lòng lắm!

Buổi chiều trên đường về, thằng Mike đưa ngón tay cái lên trước mặt hắn rồi nói: “you are good, you are number one!” (mày hay quá, mày số một!) Hắn gượng cười cảm ơn trả lễ nhưng trong thâm tâm hắn, hắn sôi nổi nghĩ rằng: “máy bay mà tao còn lái đủ loại sá chi công việc không cần đầu óc này!” Hắn xoay người ra cửa sổ như mãi mê với cảnh vật chung quanh nhưng cốt để dấu đôi mắt đỏ mọng nước! Hắn bắt đầu thấy giận hắn sao mau nước mắt, sao trở nên ủy mị quá chừng!

Để tránh buồn phiền, hắn bắt đầu tập võ ở vườn sau mỗi chiều đi làm về. Một hôm, John đề nghị đưa hắn đi thăm trường dạy võ gần nhà. Hắn hăng hái đi liền. Không biết John nói gì với ông thầy trong văn phòng mà hắn được ông ta tiếp đãi niềm nở. Ông ta là một huyền đai tam đẳng, Mỹ trắng, tên Guidry, khoảng hơn 30 tuổi, tính tình có vẻ hiền hòa. Trước khi ra về, ông ta ngỏ ý welcome hắn tới tập bất cứ lúc nào, ông sẽ tặng võ phục và không phải trả tiền gì cả. Được lời như cởi tấm lòng!

Thế là ngày đi làm vất vả, tối về đi bộ đến trường tập võ cho quên đời. Sau một tuần lễ siêng năng tập luyện, ông thầy đề nghị hắn giúp ông dạy hai lớp tối, cách ngày và mỗi lớp 1 tiếng 15 phút; mỗi tuần ông trả \$10 tiền mặt. Còn gì mừng hơn, vừa có cơ hội tập luyện, vừa được tiền!

Dạy được một tuần thì xảy ra chuyện! Số là có hai huấn luyện viên dạy ở đó đã lâu – một Mỹ đen 2 đẳng, Mễ bự con 1 đẳng – có lẽ thấy hắn là ma mới nên tính dần mặt, rủ hắn đấu giao hữu! Hắn đã thấy những ánh mắt không chút thiện cảm của hai đứa này từ lúc nhập trường.

Hắn nói nhỏ với hai đứa là hắn không thích các huấn luyện viên đấu nhau trước mặt võ sinh. Hai thằng cùng nói đâu có sao, ở đây thầy trò còn đấu nhau nữa huống chi chúng ta là huấn luyện viên; hơn nữa đây cũng là cách hướng dẫn cho võ sinh! Hắn tỏ ý không muốn nhưng hai thằng kia cứ ép buộc. Thiệt tình hắn đâu có sợ đấu bao giờ vì xưa kia đã là một trong bốn cột trụ của võ đường Thiếu Lâm Bắc phái Phú Nhuận, và đã một thời mưa gió trên các võ đài tự do từ Saigon ra Đà Nẵng, chưa kể hắn còn là một tuyển thủ Thái Cực Đạo có hạng của Không Quân Tân Sơn Nhất!

Hắn giao hẹn chỉ đấu giao hữu thôi sau khi được sự khuyến khích của ông chủ. (Hắn nghĩ chắc ông chủ cũng muốn thử tài hắn!) Đấu giao hữu là không cố tình gây thương tích nhau. Nhưng thằng Mễ mất dạy vừa ra tay đã muốn hạ độc thủ, cứ xông vào như con trâu cui, không có đòn thế gì cả, lại còn cứ mặt hắn mà đâm! Hắn mà không nhanh tay lẹ mắt thì lỗ mũi ăn trầu như chơi. Hắn chỉ dùng đôi chân nhanh lẹ né tránh dễ dàng. Cứ như mèo bỡn chuột khiến thằng Mễ tức giận sau một hồi đánh không khí. Hắn dùng

lại hỏi “mày đấu Thái Cực Đạo hay đấu Quyền Anh? Đấu Thái Cực Đạo không được đâm vô mặt!”... nhưng có lẽ thằng Mễ không hiểu tiếng Mỹ của hắn hay sao nên cứ cái mừng cũ tăn công hoài. Hắn đã nhường vì thấy khả năng của thằng giặc này không bằng võ sinh đai xanh đậm của Việt Nam, phần nữa nó lại thấp đẳng hơn; nhưng hoàn cảnh trước mắt hắn không thể kéo dài hơn được... tự nhủ nếu không nặng tay sợ nó không phục. Hắn dừng lại cảnh cáo thêm lần nữa như thế... phân bua với cả trường trước khi dạy cho nó bài học lễ độ! Chờ thằng con xông tới, hắn không né nữa mà co chân trái lên dùng đầu gối cản sức tới của nó, tay trái đánh như vô mặt địch thủ cùng lúc chân trái đặt xuống, chân phải nhanh như cắt quạt gót 360 độ... nếu hắn không lưu tình co bót chân, dùng mũi bàn chân thay gót, chắc thằng con đã đo ván. Dù vậy, lỗ mũi nó cũng đã ăn trâu! Cả lớp vỗ ta! Thằng Mễ chưa kịp lên tiếng thì thằng Mỹ đen đã la lên:

- Tại sao mày vừa nói đấu Thái Cực Đạo không được đâm vô mặt mà mày làm?
- Nó bị đòn chân của tao rõ ràng mà sao mày lại nói tao đâm!
- Tao thấy mày đâm trúng mặt nó trước khi mày quay gót!

Hắn quay hỏi ông chủ:

- Guidry, ông nghĩ sao?
- Có lẽ mày đánh lẹ quá nên tao cũng không chắc thấy!
- Mày đâm vô mũi tao! Thằng Mễ nói.
- Mày muốn xem lại đòn chân vừa rồi không?

Hắn cười hỏi.

Thằng Mễ chưa kịp trả lời thì thằng đen lên tiếng:

- Tao muốn thử đòn chân của mày!

Thấy tình hình căng thẳng, hắn có chút e ngại nhìn ông chủ, thấy ông ta gật đầu và nói:

- Đấu giao hữu với nhau đừng để mất hòa khí!
- Mày nghe không Larry! Hắn nói với thằng đen như cô tình chọc giận nó.

Thằng đen không nói thêm một lời, thủ bộ đợi chờ, hai con mắt tròn trắng nhiều hơn tròn đen ngó hắn không chớp. Hắn thủ bộ với tiếng hét “ki-ai” để thị oai làm mọi người giật mình. Thằng đen tức tốc ra đòn mạnh bạo. Đôi chân nó di chuyển khá nhuần nhuyễn. Hắn nhủ lòng phải cẩn thận hơn rồi lại dùng tài tránh né để thăm dò lối đánh của đối thủ.

Quái lạ, lũ này học Thái Cực Đạo mà dùng tay như quyền Anh, chân đá không cao hơn ngực! Dù vậy cú đá ngược chân phải của nó cũng khá thần tốc, còn chân trái rất giới hạn, chỉ đá phang ống yếu xiu! Nó hay xông vô đâm liên hoàn xong là đá ngược; còn mỗi lần phang ống thì lui lại thủ thế! Lúc thằng đen phang lần thứ ba, hắn đưa ống chân trái lên chịu, thằng con đau quá nhăn mặt, chưa kịp lùi thì đã lãnh trọn cú đá ngược thẳng vô ngực, ngã ngời ra đằng sau. Mọi người cùng ồ lên rồi vỗ tay tán thưởng. Cũng may là hắn đã giảm lực và thằng đen có mang áo giáp chứ không thì đã chết giắc! Hắn

đưa tay đỡ đối thủ dậy nhưng thằng đen đã làm lơ tay hắn, tự đứng lên. Hắn xin lỗi đã lơ chân! Guidry đứng dậy biểu cả ba người bắt tay và chấm dứt buổi tập. Thằng đen bắt tay lấy lệ mà mắt thì lườm dữ dần!

Tan lớp, Guidry giữ hắn lại. Hắn nghĩ là có chuyện rồi đây. Nhưng không, Guidry chỉ nói là ông ta rất thích lối đánh, nhất là thái độ của hắn. Dù vậy cũng nên cẩn thận. Guidry hỏi hắn dự thi đấu ở Houston vào cuối tuần tới. Ông ta nói sẽ cùng đi với võ đường và ông sẽ đóng tiền dự thi cho hắn, \$20 cho cả thi quyền và đấu. Lúc đó số tiền \$20 rất lớn đối với hắn (xăng 40 xu/gallon; thuốc lá 15 xu/gói). Hắn ngần ngại nhưng Guidry ép hắn nhận lời rồi cười nói sẽ không trừ tiền hàng tuần đâu mà lo. Hắn cảm ơn Guidry rồi ra về.

5:30 giờ sáng sớm thứ Bảy mọi người lục tục lên xe 15 chỗ ngồi, khởi hành ngay cho kịp 10 giờ sáng khai mạc! Từ San Antonio tới Houston với hơn chục võ sinh các cấp, có cả hai thằng ông nội. Suốt chặng đường ba người không trao đổi với nhau một lời!

Lần đầu tiên tham dự đấu võ bên Mỹ, hắn không sợ nhưng cảm thấy hồi hộp! Trên xe, Guidry giảng giải cho hắn và mọi người biết thể lệ thi cử. Xe chỉ dừng lại đổ xăng và cho mọi người đi xả bầu tâm sự, vậy mà đến nơi cũng hơn 9 giờ! Guidry bảo mọi người tự túc mua đồ ăn tại chỗ, hắn thấy giá đắt quá không ăn và đi ra một góc ôn quyền.

Thi quyền buổi sáng. Vận động trường là một sân đấu bóng rổ của trường Đại học Houston, vậy mà đầy nghẹt người thi đấu. Rất đông người về từ các thành phố và tiểu bang lân cận. Nhóm huyền đai của hắn có cả thằng Mỹ đen cùng trường! Chờ đến khi hắn thi quyền đã gần 1 giờ trưa. Giám khảo là hai ông thầy Đại Hàn và một Mỹ đen. Kết quả, Đại Hàn nhất, Mỹ trắng nhì, thằng đen hạng Ba, còn hắn... lọt sổ! Hắn vẫn thù tụi Đại Hàn bao giờ cũng ăn gian nên dù tức lắm cũng đành. Chú Mỹ đen nghiêng đầu, rùn vai, mắt nhướng lên mỉm cười nhìn hắn tuồng như hả hê nhưng hắn tới bắt tay nói lời chúc mừng khi nó ôm trophy đi xuống!

Gần 5 giờ chiều mới tới lượt hắn thi đấu. Nhóm hắn có 12 người, hạng cân 130 lbs-150 lbs, từ 1-3 đẳng. Thằng Mễ ở hạng cân khác nhưng thằng bạn Mỹ đen ở chung nhóm. Nhờ Guidry mua thức ăn đầy đủ nên hắn thắng vòng loại dễ dàng, hạ đối thủ 3-0; Ở vòng hai gặp một chú Mỹ đen khác. Thằng phải gió này cũng chỉ có tay. Chạy vòng vòng, lâu lâu lại xông vô chọc cú vô ngực xong thụt lùi, hắn chưa kịp phản ứng thì trọng tài đã dừng đấu và cho điểm thằng phải gió! Hắn thấy buồn cười quá, chưa biết xoay trở ra sao thì lại bị cú liên tiếp!

Trời ơi! Đánh với đám không ra sao cả! Chỉ cần một điểm nữa là ... tàn cuộc chiến! Không khéo thì cũng sẽ thua như đã chạy cuộc chiến vừa tàn, cũng oan uổng, cũng bất ngờ! Hắn nghĩ phải cấp tốc hành động! Để thua vớ vẫn như vậy sẽ mang nhục! Thằng khi gió tính ăn quen nhưng... nó vừa nhảy vô, hắn bước ngang chân trái qua, thằng con lơ đã chưa kịp rút lui đã lãnh đủ một cú quay gót vô đầu với tất cả sức mạnh, thằng khi ngã ra bất tỉnh! Hắn bị loại vì cố tình đánh trọng thương (uncontrolled contact). Guidry

phản đối dữ dội nhưng không được!

Trong khi chú đen phe ta vào được chung kết, đánh tam giác và lãnh hạng ba! Hấn cười buồn tới bắt tay chúc mừng chú đen (hấn thấy chú đen siết tay hấn chặt lắm), cùng lúc chú Mễ lãnh hạng nhì ở nhóm nặng cân. Tổng cộng võ đường mang về hơn 15 cúp lớn nhỏ trong khi hấn chỉ cười trừ! Chú Mễ và chú đen chịu nói chuyện làm thân với hấn trên suốt đường về. Hấn chỉ đơn giản nghĩ chắc chúng nó đang vui trên sự kém may mắn của mình! Cả xe vui vẻ, cười nói huyền thuyên. Guidry và mọi người cho hấn trúng lô an ủi!

Sau chuyến đi Houston trở về, cả hai chú Mễ và chú đen đều tỏ ra thân thiện với hấn. Chú đen nói với hấn rất chân thành rằng chú rất cảm ơn hấn đã không cho chú đo ván vào tuần trước như chú Mỹ đen ở tournament. Chú Mễ không nói gì nhưng hay hỏi hấn về kỹ thuật. Lốp hấn dạy đông hơn, thu hút thêm một số học trò con gái Mễ. Hấn tự nhủ “tuy thua trận nhưng thắng tình bạn bè cũng đáng”!

Và ngày tháng vô tình, vô định vẫn tiếp tục dù trường võ đã cho hấn chút niềm vui tạm thời!

Dương Thượng Trúc

Sao mùa đông đến vội

mùa đông chưa hẹn đến,
thu vội vã ra đi,
như cuộc tình rẽ bến,
không một lời biệt ly .

con đường xưa còn đó,
in dấu chân ta về,
tiếng cười vang trong gió,
khúc nhạc tình đê mê .

nụ hôn đầu vụng dại,
còn ấm nồng bờ môi,
trình nguyên ngàn hoa trái,
quần quýt ta một đời .

gió thu buồn hiu hắt,
lá thu vàng rơi rơi,
mùa thu chưa trở gót,
sao đông đến đây rồi?

Nỗi nhớ còn vương

(Tặng người ngày cũ Pleiku)

Bao năm rồi, lòng còn vương nỗi nhớ.
Ôi! Quê hương, một thuở đã mờ xa.
Có những đêm, lệ buồn đoanh mắt đỏ.
Nhớ làm sao những kỷ niệm ngọc ngà.

Bao năm rồi, lòng còn vương nỗi nhớ.
Con đường xưa, xào xạc lá me bay,
Lá tung tăng, lá cột đũa với gió,
Rồi nhẹ nhàng, lá hôn trộm tóc mây.

Bao năm rồi, lòng còn vương nỗi nhớ.
Những chiều vàng, ta đi bước nhau đi.
Đôi mắt nai ngại ngùng như mắc cỡ.
Áo học trò, quần quýt áo "trây di".

Bao năm rồi, lòng còn vương nỗi nhớ.
Nhớ để buồn, để thương tiếc... khôn nguôi.
Thật xa xăm mà hồn sao cứ ngỡ...
Nghe đâu đây, văng vẳng tiếng em cười...

Nguyễn Thị Thanh Dương

Chồng già vợ trẻ

Tôi vừa bước chân vào nhà, chồng tôi đã gọi:

- Em ơi, cạo gió cho anh...

- Lại cảm rồi hả? Gớm, gió đầu Đông cảm, gió cuối Đông cũng cảm. Mà lại cảm ngay vào ngày Valentine, ngày mùa tình yêu, người ta tung bừng hẹn hò hay đi chơi, còn anh thì ngồi đây ăn vạ.

- Đầu hay cuối gì cũng là gió lạnh cả.

Tôi ngao ngán:

- Anh thì dị ứng với cả bốn mùa, giữa mùa hè trời bỗng dưng đổ cơn mưa anh cũng ngây ngây người khó chịu, mùa Xuân anh không chịu nổi phấn hoa tha hồ sổ mũi hắt hơi, còn mùa Thu gió chuyển mùa hiu hiu, trong khi em muốn được đi theo gió đến tận chân mây cuối trời thì anh đã cảm vì lạnh, phải uống vài viên thuốc Tylenol và nằm nhà đắp chăn để ngủ, mặc cho mùa Thu mơ màng ngoài khung cửa.

- Thì anh khác, em khác. Anh đã 60 tuổi rồi còn gì! mà em thì mới 40, cái tuổi nồng nàn và rực rỡ.

- Em muốn lấy chồng lớn tuổi để nép bóng từng quân, để mãi mãi là người tình bé bỏng được nuông chiều, hóa ra em lại là người phải chiều anh và hầu anh đủ thứ.

Tôi nhìn anh đang ngồi trong ghế như đã chờ đợi tôi từ nãy giờ, mặc áo len dày, chân đi vớ, đầu còn đội cả mũ len nữa. Càng thêm ngao ngán:

- Trông anh lù đù như ông già trong nursing home ấy, trong nhà chứ có phải ngoài sân hay ngoài cánh đồng lộng gió đâu mà anh trang bị quần áo, mũ và vớ kỹ thế?

- Biết thế, nhưng thà thừa hơi ấm còn hơn là một chút lạnh vào người.

Tôi ra lệnh:

- Thôi đủ rồi, anh chuẩn bị cởi đồng quần áo len, áo khoác tổng cộng mười mấy pound của anh ra để em cạo gió. Từ ngày lấy anh em bỗng trở thành người đàn bà cạo gió thành thạo, tay nghề cao dần theo năm tháng.

Ông chồng tôi lê dép đứng lên đi lấy chai dầu gió xanh và dụng cụ cạo gió. Kể cũng lạ, mỗi lần cảm lạnh hay nhức mỏi hai vai và lưng, chỉ cần cạo gió cho người nóng ran lên anh thấy đỡ ngay.

Vừa ngửi mùi dầu xanh vừa cạo gió trên tấm lưng gầy của chồng, trong căn phòng này dường như chỉ là tuổi già và đau ốm. Trong khi cuộc sống bên ngoài luôn sống động xôn xao, lúc này tôi có ghé vào chợ đã thấy cửa hàng bán hoa tấp nập khách mua. Tôi đã dừng chân ngắm nhìn cái điều có lẽ chẳng còn đến với tôi nữa trong ngày Valentine, những bó hoa, những bình hoa đủ loại, đủ màu, bên cạnh những quả bóng hình trái tim cột dây bay lơ lửng đang chờ được mua và trao tặng.

Ngày tôi 20 tuổi, đời tôi là cả một rừng hoa mênh mông chứ chẳng phải một chợ hoa hạn hẹp. Tâm hồn tôi là cả triệu quả bóng bay lơ lửng giữa trời xanh, chứ chẳng phải chỉ vài quả bóng kia. Còn anh, là một người đàn ông từng trải vừa đúng 40, khỏe mạnh, đẹp trai, và tình tứ, anh làm con bé tôi chết mê chết mệt, yêu anh chớp nhoáng và lấy anh vội vàng. Mỗi mùa Valentine anh đều âu yếm mua hoa về tặng vợ, mối tình nồng ấm kéo dài được vài năm thì dấu hiệu tuổi già của anh xuất hiện, 45 tuổi tóc anh đã bạc khá nhiều, anh phải nhuộm cho khỏi chênh lệch với cô vợ trẻ, đến nay thì đầu anh đã hói, chỉ còn một nhúm tóc thưa thớt như rừng chưa thay lá. Không biết có phải vì tuổi già làm anh mệt mỏi hết hứng thú yêu đời hay vì cuộc sống vợ chồng lâu ngày thành cũ, nên anh “cúp” luôn chuyện mua hoa tặng vợ ngày lễ Tình Yêu, mà tôi cũng chẳng náo nức chờ mong như ngày xưa nữa.

Tôi đang say sưa cạo gió, bỗng anh rướn người lên và kêu thống thiết:

- Trời ơi, em cạo kiểu gì mà đau quá vậy?

- Hình như...em quên chưa bôi dầu xanh chỗ này...

Anh hỏi tội tôi:

- Em chưa già mà lơ đãng và xốn xác thế! Chưa bôi dầu mà cạo thì ai chịu nổi!

Tôi chanh chua:

- Em già trước tuổi đề bằng anh, tuổi già của anh như một loại vi khuẩn lây lan sang cả đời em. Anh biết chưa?

Anh nhăn mặt:

- Sao em lảm nhảm thế? Ngày xưa em ngây thơ hiền dịu bao nhiêu bây giờ em chanh chua đỏng đảnh bấy nhiêu. Nếu như được làm lại từ đầu thì...

Tôi gắt gỏng:

- Thì anh sẽ làm gì? Anh chê tôi chanh chua, anh sẽ không cưới tôi chứ gì?

- Thì... anh vẫn yêu em và cưới em, xưa yêu em hiền dịu, nay yêu em cả những chanh chua, cả khi đỏng đảnh.

- Thôi đừng có nịnh nọt. Còn anh, chàng hào hoa ngày xưa của em đã thay thế bằng một ông già dờ hơi rồi đây.

Không dám than đau nữa, anh hỏi sang chuyện khác:

- Nãy em đi đâu mà lâu thế?

- Đi đủ thứ, nhà băng này, ghé chợ này, và...nhân thể em ghé vào văn phòng bác sĩ thẩm mỹ hỏi thăm để cắt mí mắt, vì mắt em hơi bị sụp mí rồi.

Tầm lưng anh lại rướn lên, lần này để phản kháng:

- Thôi em ạ, vốn dĩ em đã trẻ hơn anh nhiều, mà lại sửa sắc đẹp thì càng trẻ hơn nữa, coi sao được?

- Biết làm sao bây giờ? chuyện em sửa sắc đẹp chẳng vì anh bao nhiêu tuổi cả, mà vì em thích.

Tôi than thở:

- Nếu anh không quá già, hay nói một cách khác nếu anh còn trẻ độ tuổi như em, thì giờ này anh không thể nằm đây bắt em cạo gió, mà đã ra tiệm chọn hoa tặng em và chiều nay sẽ mời em đi nhà hàng để làm ấm lại tình vợ chồng đã nhạt phai vì thời gian, vì bận rộn của cuộc đời. Em có bao nhiêu quần áo, giày dép thời trang để diện, có son phấn để điểm trang mà mấy khi dùng đến?

- Tình yêu là ở trong lòng, cái màn tặng hoa, tặng quà Valentine chỉ là hình thức phù phiếm, làm lợi cho giới kinh doanh. Năm nay kinh tế khó khăn, thất nghiệp lan tràn, càng giản tiện, tiết kiệm càng tốt, ở California có ông bị thất nghiệp đã giết chết vợ con và tự tử theo. Tình yêu đã cũ, hâm đi hâm lại như nồi nước phở cũng chẳng làm ngon thêm tí nào.

- Còn hơn là không hâm sẽ bị...thiu, sẽ tệ hại hơn nữa.

Anh vừa nói vừa thở vì vẫn còn đau mỗi khi tôi mạnh tay:

- Anh có muốn thế này đâu. Thật đại khờ khi người ta lấy nhau bất kể tuổi tác. Mà tại sao ngày ấy em cứ xông vào đời anh, đòi lấy anh trước khi anh ngỏ lời cưới em?

- Đây là lãng mạn một cách bốc đồng. Tại cuốn truyện “Tình Nghĩa Vợ Chồng” của Leon Tolstoi do Bảo Sơn dịch, cô Mai tuổi mới lớn đã yêu chú Sách, người đàn ông

hơn cô rất nhiều tuổi và là bạn của cha cô, tình yêu nồng nàn thiết tha và chú Sách thì tử tế bao dung tuyệt vời làm ảnh hưởng đến em. Lại thêm bản nhạc nào đó của ông Y Vân với những câu “Năm anh 20 em mới sinh ra đời, năm anh 40 em mới vừa 20...” thật sống động và lãng mạn. Cả hai thứ cộng lại làm hồi đó em chỉ mơ lấy một anh chồng già, đến nỗi mấy thằng cùng trang lứa tán em, em coi chúng như hàng ranh con không hề đếm xỉa đến.

- Còn anh háo thắng một cách bốc đồng! Vì anh không mãi mãi là thằng đàn ông 40 sung sức để yêu em, để mỗi lần em giận dỗi anh làm huề bết xúc em lên và ôm gọn trong vòng tay mình, ngược lại bây giờ một cú vung tay vùng vằng của em cũng làm anh loạng quạng suýt ngã. Thà anh lấy một người vợ ngang vai phải lứa, cả hai cùng già, cùng nay ốm mai đau, cuộc sống thoải mái biết bao! Bà ấy cạo gió cho anh, anh cạo gió cho bà ấy, chẳng có gì để phàn nàn cả.

- Nhưng sao anh già nhanh thế? người ta 70 còn cưới vợ, mà anh thì mới 60 đã ốm yếu ho hen thế này?

- Thì sức khỏe mỗi người mỗi khác. Mẹ anh kể ngày còn bé anh đau ốm quặt quẹo, vừa chữa bệnh bằng Tây y lẫn Đông y vừa cúng bái chùa chiền tứ phương anh mới lớn nổi. Tôi lên giọng kẻ lẻ:

- Tuy nhỏ tuổi hơn anh mà đôi lúc em như bà chị hai của anh, hay như một người mẹ chăm sóc đứa con thơ ấy.

- Phải nói rõ ra là như một bà chị hắc ám hay người mẹ...ghê em nhé, vì em hay gắt gỏng, mắng mỏ và hà hiếp anh lắm đấy.

- Vì anh lắm cảm quá ai mà chịu nổi? Lúc nào cũng than đau mình nhức mỏi và đòi cạo gió. Thôi xong rồi, anh nằm nghỉ đi cho khỏe để em đi nấu cơm.

Tôi kê gối, đắp chăn cho anh nằm êm ấm xong thì có tiếng chuông cửa reo. Người ta đến giao phát một bình hoa tươi làm tôi ngỡ ngàng cứ tưởng có sự làm lẫn gì chẳng? Nhưng đúng địa chỉ nhà này và tên người nhận là... con gái tôi, chứ không phải tôi. Con gái đã 19 tuổi rồi, vậy mà dưới mắt tôi nó vẫn chỉ là một đứa trẻ con. Thì ra đã có anh chàng nào để ý đến nó rồi.

Tôi thận trọng mang bình hoa để lên bàn và ngắm nghía, bình hoa bằng thủy tinh trong suốt, thắt nơ bằng sợi dây màu hồng, trong cắm đầy hoa Hồng, điểm tô bằng những cánh hoa cúc trắng nhỏ lấm tấm với những cành lá dương xỉ xanh tươi.. Lòng tôi bỗng rộn ràng ấm áp, sống lại những phút giây xa xưa .

Chồng tôi cũng tò mò từ trong phòng bước ra:

- Hoa của ai đấy em?

Tôi ra khỏi giấc mơ:

- Còn ai vào đâu nữa, ngoài con gái mình? không lẽ ai đó tặng hoa cho em, một mục đàn bà 40 có chồng lù lù bên cạnh?

- Nhưng sao mặt em băng khuôn thế kia?

- Em chạnh lòng nhớ thuở mới yêu anh, nhưng phút giây ngắn ngủi ấy qua rồi. Thực tế, em đang bực mình đây, con gái mình không thể quan hệ tình cảm yêu đương làm ảnh hưởng đến việc học hành của nó trong lúc này.

Chồng tôi bênh con gái:

- Em chỉ hơn nó 1 tuổi mà ngày xưa đã yêu anh thế nào? Lãng mạn đến thế nào? Em đã nói rằng nếu không lấy được anh thì tất cả đàn ông trên cõi đời này đều vô duyên, đều là những tượng đá không linh hồn.

- Thì đã nói ngày ấy em bốc đồng mà, nên phải rút kinh nghiệm cho con mình.

- Trái lại, em kh ông b ớc đ ông m à còn tỉnh táo và thông minh để chép những bài thơ tình rất hay trên báo tặng cho anh. Em đã từng bỏ học để đi chơi với anh. Còn con mình vẫn đi học nghiêm chỉnh và tử tế hơn em nhiều.

Tôi vùng vằng:

- Anh đánh giá tình yêu của em xuống cấp như thời buổi kinh tế khó khăn mọi thứ đều hạ giá hả?

Con gái chúng tôi về đến, chầm dứt sự cãi cọ thường ngày như cơm bữa của cha mẹ:

- Bình hoa này là quà tặng Valentine của con, một người bạn trai yêu con và con cũng yêu anh ấy. Chiều nay chúng con có hẹn .

Tôi lo xa:

- Chúng con yêu nhau thì được, nhưng chớ có đòi cưới nhau sớm nhé? phải lo học hành thành tài đã.

- Chuyện cưới nhau còn lâu mẹ ạ, phải tìm hiểu tính tình nhau nữa chứ. Ngày xưa bố mẹ có tìm hiểu nhau trước khi cưới không?

- Không! Chồng tôi đáp.

Tôi khẳng định thêm:

- Mẹ cũng không! Trăm lần không, ngàn lần không !

- Hèn gì bố mẹ xung khắc nhau, hay cãi cọ quá, vậy mà bố mẹ nói lấy nhau vì tình yêu

- Đúng là vì tình yêu con ạ, một tình yêu chớp nhoáng như một tia sấm sét lóe lên ngắn ngủi trong một đêm mưa gió u mê.

Con tôi an ủi:

- Nhưng tình yêu nào chẳng phai nhạt theo thời gian, lâu hay mau mà thôi, có lẽ chúng ta phải biết chấp nhận điều đó. Chuyện tình Romeo và Juliet cũng thế, cả hai đều chết sớm, nếu lấy nhau thì chắc gì có thiên tình sử cho chúng ta đọc.

Con gái chúng tôi ở lứa tuổi đôi mươi là hình ảnh tôi ngày xưa, nhưng suy luận chín chắn hơn tôi

nhiều.

Tôi nói với chồng trước khi lăn vào bếp để nấu nướng:

- Anh nằm yên đừng kêu réo gì em để em yên trí làm món thịt bò steak nhé. Thay vì mình đi nhà hàng như người ta trong ngày lễ Tình Yêu thì ăn tại nhà vậy.

Chồng tôi kêu lên:

- Thôi, thôi, anh mệt lắm, sức đâu mà nuốt món bò steak của em, chắc sẽ dai dẳng như những lần em cãi nhau với anh và không chịu ngừng nghỉ.
- Anh đừng bi quan hóa vấn đề sẽ làm anh nhanh suy sụp và già thêm đấy. Em sẽ nấu theo sách vở, sẽ ngon lành...
- Hai mươi năm qua không lẽ em mới giỏi nấu nướng đột xuất?
- Cứ coi như thế đi, cũng phải cho em cơ hội chứ. Hai chúng mình sẽ ăn bữa chiều nay với món bò steak và uống chút rượu cho ấm lòng và ấm tình anh nhé.

Anh vẫn cương quyết chối từ:

- Thú thật anh chỉ thèm...một tô cháo trắng nóng hổi ăn với thịt chà bông, có lẽ sẽ nhẹ nhàng và khỏe người hơn, và cũng dễ nấu cho em hơn là món bò steak.

Tôi thất vọng thở dài:

- Muốn ăn với anh một bữa chiều ấm cúng cũng không được, con gái thì hẹn hò đi ăn ngoài, chỉ còn hai vợ chồng mà hai khung trời khác biệt, chẳng lẽ anh ngồi húp cháo mà em ăn steak thì vui với ai?
- Thì em cùng ăn cháo với anh cho vui, nhân thể diet luôn.

Tôi chán nản dẹp bỏ bịch thịt bò trở vào ngăn tủ lạnh Vừa lúc đó con gái tôi đã trang điểm xong đi ra ngoài, con tôi thật đẹp với đôi mắt long lanh, nụ cười rạng rỡ và mái tóc mượt mà đang đưa.

- Mẹ ơi, con đi đây ...Chúc bố mẹ ở nhà bình thường, đừng cãi nhau nữa nhé..

Ngày lễ Tình yêu, mùa của những tình yêu đã cũ, đã phai nhạt, trong đó có vợ chồng tôi Nhưng vẫn là mùa tình yêu bắt đầu, mới tinh khôi cho bao nhiêu người khác, ở mọi lứa tuổi, đến với nhau bằng nhịp đập của con tim, trong đó có con gái tôi.

Tôi thần thờ nhìn con gái đi ra cửa, chợt tôi vội gọi lại, hoảng hốt lo âu:

- Con ơi, con sẽ đi hẹn với người yêu của con, mối tình đầu của con, phải không?
- Vâng, con đã vừa nói với mẹ rồi, chúng con sẽ hoàn toàn trong sáng và nghiêm chỉnh.
- Mẹ biết điều ấy rồi, vấn đề mẹ chưa biết và muốn hỏi con bây giờ là người yêu của con bao nhiêu tuổi?? bao nhiêu tuổi? bao nhiêu tuổi??
- Sao mẹ hỏi dồn dập và kinh hoàng thế? Anh ấy hơn con 3 tuổi .

Tôi thở phào nhẹ nhõm:

- May quá, mẹ chỉ sợ con cũng lãng mạn như mẹ ngày xưa mà yêu và lấy chồng già thì khổ vào thân,. Thôi con đi chơi vui vẻ nhé, còn mẹ đi nấu nồi cháo trắng và ăn với bố con cho hết buổi chiều nay.

Hương vị tình yêu

NTTD

Em đến với anh hương vị ngọt ngào,

Trong ly cà phê đen buổi sáng,
Em tỉnh khô như những thìa đường trắng,
Để cà phê không làm đắng môi anh.

Em sẽ là những giọt mật ong,
Nũng nịu màu vàng trong ống ả,
Ném em đi, vị ngọt ngào rất lạ,
Để quên đời có lắm lúc chua cay.

Em đến với anh hương vị nồng say,
Có thể làm anh quay cuồng chóng mặt,
Em sẽ là ly rượu đầy sóng sánh,
Uống em đi, cho hết cuộc vui này.

Em đến với anh như loài cỏ cây,
Rất hồn nhiên chờ bàn tay ấp ủ,
Vườn nhà anh chiều nay em mới nở,
Đóa hoa tình thơm ngát mãi trong anh.

Em sẽ là rạt rào biển xanh,
Những ngọn sóng không bao giờ ngừng lại,
Sóng vỗ bờ anh, tình em vụng dại,
Nhưng tình em biển mặn chẳng nhạt phai.

Hương vị tình yêu dành chỉ anh thôi,
Quán quýt bên anh từng giây từng phút,
Nếu một mai anh lìa đời nhắm mắt,
Tình theo anh về một cõi thiên thu.

Thái Bạch Vân

Trên đường thiên thu

Một chiều xe rong ruổi
Trời lát phát mưa mù
Êm đềm trong cửa ầm
Trên con đường thiên thu...

Cho ta quên phiền não
U buồn thoát ngục tù

Tình vương nào muôn kiếp
Hạnh phúc nào ta ru

Tim ai dường thôn thức
Bước chân về mộng du
Lời thì thâm dấu ái
Tình Thơ dài thiên thu

Đèn đương ngời tinh tú
Reo cười giữa màn đêm
Long lanh bóng hạnh phúc
Nguồn vui thật êm đêm

Trên con đường thiên thu
Tình thơ dài muôn thuở...

Bên nụ cười buồn

Lệ buồn ơi hãy cứ rơi mau
Tuôn trào đi trút bớt mạch sầu
Trong sâu lắng, trôi về cổ mộ
Để đàn ai vuốt dịu cơn đau

Đêm giá lạnh, đèn hiu hắt bóng
Tiếng gió ru nhạc khúc tiêu dao
Bên nụ cười buồn, Anh ,muôn thuở
Lời thì thâm ấm áp gửi trao

Anh ở đây chờ em suốt kiếp
Cứ về như thuở mới quen nhau
Dù dòng đời lắm điều nghiệt ngã
Gió quay chiều xoáy lốc lên cao

Nín đi em, cơn sầu bão nổi
Cho tình em tràn quý ngọt ngào
Và thời gian tròn xoay miên viễn
Hạnh phúc tràn cổ mộ xưa sau.

Dạ vãn vương

“Nhớ nhớ thương thương, thương nhớ thương” *

Thương thương nhớ nhớ ,nhớ thương thương
Bước đi... một bước nhìn non nước
Ngoảnh lại từng giây ngấm cổ hương
Bến mới cho dù tươi sắc mới
Bờ xưa sao mãi tím can trường
Gió ơi hãy níu hồn ta lại
Ôm lấy sơn hà dạ vấn vương

(*) Ta Đếm Sao Trời - Thơ Uyên Hạnh

Tuấn Đình

Như vừa chiêm bao

Đêm qua nổi nhớ còn đây
Sáng nay se lạnh trời mây chút buồn
Chớm thu cây cỏ mờ sương
Đưa nhè nhẹ ngọn gió mơn tiển hè

Bước chân đi, buổi thu về
Nghe nặng nặng mối tình quê mơ màng
Như lục bát ghép trọn vần
Thơ thôi dang dở mấy hàng về tìm

Chùm ký ức, sợi tơ tình
Ngày xanh dạo nọ dịu hiền nhớ mong
Dáng em vóc ngọc má hồng
Cây si sầu đợi mỗi mơn sớm trưa

Nghe như trời đã sang mùa
Có con bướm trắng cợt đùa hoa xinh
Cúc vàng khoe sắc hữu tình
Hình bóng cũ, chợt lung linh theo về

Gió đưa gió thổi sau hè
Thôi sắc biếc lá trở về cội xưa
Hồ trường đã cạn hay chưa
Ta hồn chợt tỉnh như vừa chiêm bao

Gót chân tình cờ

Trời thu mờ ảo không gian
Khai trường sách vở đường làng mây bay
Hoa phượng đỏ nở trên cây
Nhớ thương vụng dại đông đầy tình thơ

Ngày xưa khôn khổ dại khờ
Bướm hoa len lén ngẩn ngơ phượng gây
Ngoài cửa lớp gió heo may
Bài thơ tình ái còn hoài trong mơ

Thương em chỉ biết làm thơ
Gã khờ được mộng ước mơ bên người
Sân trường mấy lối hoa tươi
Dáng em hiền dịu nụ cười vẫn vương

Suối tóc huyền, khói trầm hương
Bay lên từ ánh yêu thương ngút ngàn
Trầm tư mờ cả không gian
Cõi si trần tục mơ màng tình xuân

Xa rồi cái thuở cái trâm
Cổ nhân đất khách gót chân tình cờ
Trời xanh mây trắng lững lờ
Tưởng rằng lắng đọng nào ngờ sóng xao

Viễn xứ mưa chiều

Cơn rét muộn, gió heo may
Rạt rào cành lá mưa bay giọt buồn
Đêm nằm nỗi nhớ niềm thương
Quê hương tù ngục vẫn vương dạ sầu

Xót chi kỷ niệm hồn đau
Quanh vườn rả rích dãi dầu cô liêu
Lối về quê mẹ hắt hiu
Nơi viễn xứ chợt mưa chiều lệ tuôn

Có hay hoang lạnh cội nguồn
Bên trời núi Ngự mây vương đỉnh sầu
Dòng Hương lờ lững nước sâu
Hai nguồn Tả Hữu (1) dạt dào mùi hương

Xuôi về phố thị ruộng vườn
Thạch xương bồ (2) nhẹ vương vương hương thâm
Huế đô đại nội cõi trần
Một thời rạng rỡ trăm năm hoàng triều

Ruột đau quê mẹ chín chiu
Bên tai vắng tiếng ru chiều giọng ngâm
Cho ta thương nhớ nào cầm
Trăng lồng bóng nước mênh mông Hương Bình

Trời quê non nước hữu tình
Người ơi! rẻo rất Nam Bình mà chi
Giọng hò xứ Huế lâm ly
Cho lòng đòi đoạn từ quy thêm buồn

GHI CHÚ:

1. Tả Trạch và Hữu Trạch, hai đầu nguồn của sông Hương
2. Loại cỏ thơm mọc khắp vùng trên đầu nguồn phát xuất từ sâu thẳm Trường sơn

Uyên Sơn

Mái Trường xưa

(Ký sự)

Thành phố Mỹ Tho, một trong những tỉnh lỵ lâu đời của Nam Kỳ Lục Tỉnh, nổi tiếng với trường trung học Lycée Le Myre de Villers xây cất vào năm 1889, lâu đời đứng hàng thứ hai sau trường trung học Pétrus Trương Vĩnh Ký tại Sài Gòn. Ấy vậy mà ngôi trường tiểu học chính thức và lớn nhất của tỉnh lỵ vào các thập niên 1940 và 1950, École d'Étude Primaire Provincial de My Tho ville, dù to lớn và rộng rãi với gần cả trăm lớp học, lại hoàn toàn được xây dựng bằng cây gỗ và lợp lá, nằm ngay đường ÔB Nguyễn Trung Long, kỷ niệm Ông Bà Quận Trưởng Châu Thành Mỹ Tho bị Việt cộng pháo kích chết vào năm 1960, cạnh cầu Bắc qua Rạch Miễu nên trường được gọi ngắn gọn là trường Tiểu Học Cầu Bắc.

Theo Ba tôi kể lại, ngôi trường được xây dựng bởi ông Hiệu Trưởng người Pháp tên là Toussin, chính ông là người đã phác họa và chọn vật liệu cây lá cho ngôi trường của mình, một ngôi trường độc đáo của Nam Kỳ Lục Tỉnh, dù ngân sách tỉnh thừa tiền để xây gạch ngói. Dù là cây lá nhưng được xây dựng theo lối tân kỳ vững chắc với cột, khung bằng cây dầu vuông, kể cả cửa sổ cửa cái của mỗi lớp, nên trông có vẻ kiểu cách riêng biệt, dù thoáng mát nhưng vẫn giữ được dáng vẻ uy nghi.

Không biết trường chắc chắn có bao nhiêu lớp học, chỉ biết trường có đủ các lớp, bắt đầu từ lớp Đồng Ấu (Cour Enfantaire) cho đến lớp Tiếp Liên (Cour Certifier). Có cả một dãy nhà dành cho “căng tin” để cho các học sinh ở xa ăn cơm trưa khi học sinh còn học ngày hai buổi.

Riêng văn phòng trường và phòng việc ông Hiệu Trưởng cũng cất bằng cây lá nhưng cao lớn đồ sộ hơn, rộng bằng hai lần lớp học bình thường, nền được lát gạch tàu đỏ hồng.

Trường được xây dựng gồm các dãy nhà tọa lạc thành một khuôn viên hình chữ nhật. Từ cổng trường nhìn thẳng vào là văn phòng Hiệu Trưởng nằm chính giữa một dãy dài của các lớp học, phía sau là một dãy khác nằm song song sát bờ giếng nước ngọt của tỉnh.

Bên trái và bên phải nằm thẳng góc với hai dãy này là hai dãy lớp học ngắn hơn. Khu bên trái được dùng làm phạm xá “căng tin” và nhà bếp một dãy và dãy còn lại là các lớp Nhất và Tiếp Liên, khu bên phải nguyên hai dãy dành cho nữ sinh. Ngoài ra cặp sát hàng rào cổng chính đường Trần Quốc Tuấn, còn có hai dãy lớp học nằm ngang che khuất sân trường bên trong.

Chính giữa sân trường bằng đất sét láng bóng là cột cờ bằng ciment cao vút, phần sân bên trái và bên phải là hai cây me tây thân lớn bằng cả người ôm, phủ tàn cây bóng mát hai khu vực rộng lớn (me tây còn gọi là cây còng, có hoa màu tím nhạt nở ra như những sợi tơ màu lông lánh, trái hơi giống trái me chua nhưng nhỏ và dài hơn, màu đen, khi chín bên trong có nhựa ngọt gắt như đường trắng kẹo lại).

Đặc biệt có ba lớp học sát phía tay phải của văn phòng Hiệu Trưởng được phá bỏ vách ăn thông ba lớp liền nhau, vách lá chung quanh được phủ vải đen. Ba lớp học này được dùng như một hội trường cho các giáo viên, hoặc sẽ được dùng như một rạp chiếu ciné cho học sinh mua vé vô cửa, hồi đó thường chiếu phim Tarzan hoặc Zoro, học trò tụi tôi mê chết bỏ.

Mùa tựu trường năm 1948, sau khi học hết nguyên một năm trường Mẫu Giáo của cô Bảy Kỳ có tên Việt là Ấu Xuân Học Đường và tên Tây là “École Maternel de Printemps” ở đường D’Arries, sau này là đường Lê Lợi gần chợ Mỹ Tho, tôi được Má tôi gửi tôi cho thầy Viễn - Lúc này Ba tôi đi kháng chiến chưa về - chở tôi bằng chiếc xe đạp “Alcyon” của thầy lên trường Tiểu Học Cầu Bắc giao cho thầy Huỳnh Văn Lai để trở thành học sinh lớp Đồng Ấu.

Ngồi lớp Đồng Ấu này thật sự tôi chẳng học được gì, vì sau nguyên một năm học trường cô Bảy Kỳ, dưới cọng roi mây của cô từ lớp “dưới”, học đánh vần a, b, c, đếm số “un - một”, “deux - hai”, tôi đã lên lớp “trên”, biết đọc chữ Việt-Pháp, viết “Dictée”, làm toán cho nên ngồi cùng với đám bạn học lớp Đồng Ấu mới bắt đầu học a, á, â... tôi ngủ gật hoài.

Chưa được tròn một tháng thì một hôm có một cô giáo vào lớp gọi tên tôi và dẫn lên

lớp Dự Bị của cô (Cour Préparatoire), tên cô là cô Hương, từ đó tôi trở thành học trò của cô cho đến hết năm học.

Năm kế lên lớp Sơ Đẳng hay lớp Ba (Cour Élémentaire) của thầy Tân. Thầy Tân da ngăm ngăm đen, hiền, ít đánh học trò nên học thoải mái, lúc đó anh tôi đang ngồi lớp Nhất của thầy Truyền, cuối năm đó tôi được lãnh phần thưởng. Ở đây, phải nói đến thành phần học trò của trường Tiểu Học Cầu Bắc này, phân nửa là học sinh cư ngụ tại tỉnh lỵ, phân nửa còn lại là học sinh cư ngụ tại ngoại ô hoặc ở dưới các quận như Chợ Gạo, Tân Hiệp hoặc bên Tân Thạch, An Hóa thuộc tỉnh Bến Tre.

Học sinh cư ngụ tại tỉnh lỵ, lúc còn học ngày hai buổi, sáng đi học trưa về nhà ăn cơm ngủ trưa, hai giờ trở lại trường học tiếp đến chiều. Số học sinh ở ngoại ô, nếu có đơn xin và đóng tiền sẽ được ở lại trường ăn cơm “căng tin”, nghỉ trưa tại trường để học tiếp buổi chiều.

Ngoài ra có một số học sinh con của đám lính trong thành lính tập - Garde Auxiliaire - đối diện phía bên trái của trường. Chung quanh thành lính này có hàng rào cao trồng dọc theo các cây bả đậu. Loại cây này có trái tròn có gai chung quanh, học trò kể cả thầy giáo đi bộ ngang qua bị tụi con lính đứng bên trong hàng rào lấy trái bả đậu chọi ra, nhiều người bị đổ máu đầu hoài.

Đám học sinh con lính này, một số lai Miên, quậy phá không ngán sợ ai hết mà học lại dở, hễ bị thầy cô đánh đòn thì về mét ba nó, hôm sau mặc đồ lính vô trường hăm he, riết rồi thầy cô mặc kệ không dám động tới bọn chúng.

Cuối năm đó, sau khi lãnh thưởng, tôi ôm phần thưởng tức tốc chạy như bay lên lớp Nhất của anh tôi để gởi, nếu không sẽ bị tụi con lính giật mất. Và năm đó tôi đậu bằng Sơ Đẳng Tiểu Học với Mention Francais, để rồi tựu trường tôi lên lớp Nhì (Cour Moyen). Ở lớp Nhì này, đầu tiên tôi học thầy Lai cao lêu nghêu chuyên môn mặc nguyên bộ đồ tây trắng, thường dùng ngón cái và ngón trỏ bấm vào trái tai (chỗ đàn bà con gái đeo bông tai) mấy đứa không thuộc bài. Vừa bấm móng tay cái vừa rề rà khuyên nhủ chậm chậm:

- Bữa nay sao hổng thuộc bài vậy con! Ba má con cho con vô đây học hay vô đây chơi vậy con?

- Dạ vô đây học!

- Học mà sao không thuộc bài vậy con?

- Dạ con quên!

- Lần sau đừng quên nữa nghe con!

- Dạ con hổng dám quên nữa!

Dần dần một hồi buông hai ngón tay ra khỏi lỗ tai thì trái tai thẳng học trò đã bấm tím sưng lên bằng trái chanh.

---o0o---

Thời gian này Pháp và Việt Minh đều mở những mặt trận đánh lớn khắp nơi, báo chí hằng ngày ba tôi mua về đều đăng những tin tức nóng sốt về chiến trận. Ngoài Bắc, quân Pháp rầm rộ mở các chiến dịch Navarre, Hòa Bình để cố gắng bình định vùng châu thổ sông Hồng Hà; trong Nam, liên quân Việt Pháp tấn công vào vùng Đồng Tháp Mười.

Nguyên nhà gia đình tôi lúc đó ở bên kia cầu Quay gần bót số 2 (sau này là rạp hát Viễn Trường). Một đêm nọ Việt Minh núp trong xóm nhà khu tôi bắn súng phóng lựu và súng trường “cắc bùm-cắc bùm” vào trong bót, lính trong bót bắn trả ra xối xả, kẻ cả đạn “tromblon” làm mấy căn nhà lá phía sau nhà ba má tôi suýt cháy nếu lối xóm không liều mạng chạy ra dưới làn đạn để tưới nước dập tắt ngọn lửa.

Sáng sớm thức dậy, lính Marocain, Sénégalais trong bót túa ra lục soát các xóm nhà chung quanh bót từ chợ Cũ lên tới cầu Quay, nhà nào cũng bị đập phá đồ đạc bên trong tan nát.

Riêng nhà ba má tôi dù có mặt đủ mọi người trong nhà chúng cũng vào lục lạo đập bể nát đĩa hát, máy hát Pathé Pono hiệu Con chó thối kèn, chén bát ly tách, lấy lưới lê rách nát bộ da cạp treo trên tường. Cũng may lúc đó có một ông Trung úy Tây dẫn toán lính khác đi ngang qua, ba tôi chạy ra nhờ ông can thiệp nên toán lính Lê dương này mới ngừng tay.

Ngay ngày hôm đó, ba tôi dẫn toàn bộ gia đình qua tá túc tại phòng ngủ Định Tường đối diện nhà ga xe lửa Mỹ Tho, đồng thời cho dân thợ tức tốc dựng một căn nhà trên lô đất đã mua từ lâu tại đường Delfosse (sau này là đường Lý Thường Kiệt), độ hai tuần sau thì cả gia đình tôi dọn tới căn nhà mới này, còn căn nhà bên cầu Quay gần bót số 2 thì Bà Ngoại và Cậu Mợ tôi tiếp tục ở.

Để hỗ trợ ngoài mặt trận, lúc này Việt Minh gia tăng khủng bố phá hoại trong thành phố. Từ bên kia cầu Quay chạy dài xuống chợ Cũ coi như là vùng bất an ninh, lính Tây trong thành bót số 2 đêm đêm rút vào bót, ngoại trừ các toán “Patrouille” đi tuần tiểu bên ngoài.

Chợ Mỹ Tho hai lần bị quăng lựu đạn, kẻ chết người bị thương đồ ruột nằm la liệt, riêng lần thả lựu đạn tại khu chợ cá, Má tôi suýt chết, sau lần đó, Ba Má tôi không cho anh em chúng tôi leo hánh đến bất kỳ chỗ nào đông đúc như chợ búa, rạp hát.

Một lần khác, Việt Minh đặt chất nổ bên trong rạp hát Trung Quốc, tức rạp hát Thầy Năm Tú khi trước, sau này mang tên mới là rạp Vĩnh Lợi. Vì là xuất hát buổi chiều - ban đêm giới nghiêm - do đoàn Hoa Sen trình diễn vở tuồng “Đêm Lạnh Trong Tủ”, nên có mời một số người tai mắt trong tỉnh. Riêng đoàn ca kịch Hoa Sen có lẽ là đoàn hát cải lương duy nhất tại Việt Nam phối hợp sự ca diễn trên sân khấu với kỹ thuật điện ảnh để chiếu ngoại cảnh nên được khán giả rất ngưỡng mộ. Lần đặt chất nổ này làm hàng trăm người chết và bị thương, trong số đó có gia đình Luật sư Nguyễn Văn Huyền

- Sau này là chủ tịch Thượng viện Việt Nam Cộng Hòa - nhà bên dãy phố nóc bằng.

Sau vụ đặt chất nổ tàn bạo khủng khiếp này, dân chúng trong tỉnh lỵ căm thù những người Việt Minh, kể cả những người từng có thời tham gia kháng chiến như Ba tôi và các bạn của ông.

Riêng trong đầu bọn trẻ chúng tôi cứ hình dung Việt Minh như những bóng ma bóng quỷ chập chờn, lúc nào cũng rình rập đe dọa mạng sống của mọi người, nhất là sau những lần ám sát các sĩ quan Tây hoặc các nhân viên công an cảnh sát, thành phố Mỹ Tho vắng tanh kể cả ban ngày không còn giờ giới nghiêm.

Căn nhà mới của gia đình chúng tôi ở đường Delfosse gần phòng mạch của các ông bác sĩ Tây, đầu tiên là ông Bourlais, sau khi ông này bị bệnh mất, ông Bertrand Capmas từ Sài Gòn về thay thế.

Đối diện khu nhà tôi bên kia đường, là một biệt thự to lớn có hàng rào song sắt chung quanh của dược sĩ Trần Văn Khánh, bị quân đội Pháp trưng dụng và làm nơi đặt Bộ Chỉ huy Tiểu khu Mỹ Tho (Secteur du Mytho), phía sau biệt thự này là mấy dãy nhà ngang bằng tôn, hậu cứ của một Tiểu Đoàn Khinh Quân Việt Nam.

Cứ mỗi Chủ nhật đầu tháng là có lễ chào cờ Việt Pháp và gắn huy chương trọng thưởng cho các quân nhân Việt Pháp. Những lúc đó, lũ trẻ chúng tôi đeo cứng hàng rào song sắt nhìn vào cảnh cờ xí rợp trời, lính tráng súng ống rầm rập đi bên trong mà mê mết.

Nhưng cũng có khi chứng kiến cảnh lính tráng đi hành quân về, vợ con túa ra kẻ mừng rỡ người còn sống, kẻ bị chồng con chết thì kêu la khóc lóc thảm thiết, dù tuổi còn nhỏ nhưng lũ nhóc chúng tôi cũng xúc động trước những cảnh bi thương đó lắm.

Dù cảm nhận được không khí chiến tranh và bất ổn của cuộc sống, lũ trẻ chúng tôi vẫn dễ dàng trở lại trạng thái vô tư hồn nhiên.

Tôi vẫn thường trốn ngủ trưa cùng với một thằng bạn học cùng lớp tên là Khánh, ba nó là Thượng sĩ chỉ huy hậu cứ của Tiểu đoàn Khinh Quân Việt Nam trong thành lính ở bên kia đường. Thằng bạn này mấy năm sau đậu vô trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định và trở thành họa sĩ Phan Khánh, tôi với nó cùng đi bắt chim bằng ná thung trên những cây đa rễ chằng chịt, có trái nhỏ chín đỏ giống như trái trứng cá, vì rất ngọt nên chim thích ăn. Thằng Khánh bắn rất giỏi, sau mỗi buổi trưa đi bắn hai đứa xách về cả chục con chim sẻ.

Vì năm học lớp Nhì không có thi cử gì nên Ba Má tôi không kiểm soát gắt gao cho lắm, anh tôi thì vô Trung học rồi, đứa em trai kế thì mới học lớp Dự Bị, một mình tôi ở giữa mặc sức tung hoành. Ngoài việc mỗi chiều ra công viên “Cầu Tàu Ông Chánh” trước dinh Tỉnh trưởng tắm sông, Chủ nhật cuối tuần còn cùng với mấy người bạn của anh tôi tổ chức lội băng sông qua Cồn Ròng nhét tiền vô ống thuốc Aspirin bỏ vô quần sì líp, qua cồn mua mía, mua trái cây ăn đã đời, chiều lội về. Có lần bị vộp bẻ vì bị nước chảy ngược suýt chết, nếu không có anh tôi lội cặp theo kéo vô bờ.

Còn một chuyện phá phách nữa là đêm Giáng Sinh chở thằng bạn học tên Paul, cùng

mấy cặp khác nữa dùng ná thun đi bắn lồng đèn. Nhà bị bắn lồng đèn tan nát là nhà của thầy Phùng Nhon, ông vừa làm văn phòng vừa lo tập thể dục cho toàn trường Tiểu Học Cầu Bắc cùng với thầy Mân. Thỉnh thoảng ông cũng đi dạy thể các lớp có các cô thầy bị bệnh nghỉ. Tôi “thù” ở ông vì một lần cả trường Tiểu Học tụi tôi tập trung trước khán đài đại lộ Bourdais để đón thủ tướng Nguyễn Văn Tâm. Xếp hàng từ sáng sớm đến gần mười một giờ trưa giữa trời nắng chang chang, tôi với một thằng bạn lén tẻ hàng ra mua nước uống, bị thầy Nhon bắt được túm cổ áo bạt tai mấy cái nháng lửa cho nên cái lồng đèn hình ngôi sao chổi lớn bằng chiếc xe hơi đặt trên “balcon” lầu nhà thầy Nhon đẹp rực rỡ với hàng trăm bóng đèn màu chớp tắt là mục tiêu chọn lựa số một của tụi tôi.

Mấy chiếc xe đạp chạy tà tà ngang nhà thầy Nhon trong khu chợ Mỹ Tho lúc chạng vạng tối, mấy đứa ngồi sau cứ đưa giàn ná thun lên nhắm sao chổi bắn nhẹ vài phát “bụp, bụp, bụp” rách vài lỗ! Cứ qua lại bốn năm lần cái lồng đèn sao chổi của thầy Nhon rách toét tả. Vì những viên đạn làm bằng giấy nhựt báo quần bên trong là cát to bằng ngón chân cái. Khi viên đạn chạm ngôi sao vừa xuyên thủng giấy màu thì giấy báo quần viên đạn cũng bể, chỉ có cát văng tung tóe nên không gây nên tiếng động. Sáng hôm sau đạp xe đi quan sát chiến trường, thấy cái sao chổi của thầy Nhon lưng lỗ rách te tua phát phơ trước gió, đứa nào đứa nấy khoái chí quá chừng!

---o0o---

Thầy Lai dạy được vài tháng thì đổi lên dạy lớp Nhất, lớp được thầy Hợi thay thế. Thầy Hợi đáng dấp lớn con, ăn nói rồn rảng, học trò tụi tôi ớn lắm nên đứa nào đứa nấy chăm chỉ học sợ bị đòn.

Năm sau tôi lên lớp Nhất (Cour Supérieur) với thầy Nguyễn Văn Qua, thầy Qua là bạn thân với ba tôi hồi mấy năm vô bung theo kháng chiến. Tướng người thấp, mặt ông lúc nào cũng tỏ vẻ tiểu lâm, chuyên môn mặc áo bành tô bốn túi ngắn tay bỏ ngoài. Ông có hai người con trai, người lớn tên Nguyễn Tự Do học chung lớp với anh tôi đã vô trường Nguyễn Đình Chiểu, đứa em tên Nguyễn Tự Hùng học chung lớp Nhất với tôi, Hùng trắng trẻo, ngoan ngoãn, hiền lành.

Là bạn với Ba tôi, nên thầy Qua thường đùa với cả lớp:

- Tụi bay không được xài chữ học trò nữa nghe, phải gọi là huột trò, không thằng Sơn nó kiện tụi bay đó! (vì Ba tôi tên là Học). Lúc đó lớp Nhất của tôi nằm đầu dãy sát hàng rào đường Trần Quốc Tuấn, nên giờ ra chơi muốn đi mua đồ ăn khỏi cần ra cổng chánh, chỉ cần vạch hàng rào kẽm gai là tha hồ mua đồ ăn được bày bán la liệt như cái chợ chòm hóm bên ngoài.

Thầy Qua của lớp tôi có nhiều cái đặc biệt lắm, thứ nhất là ông hút thuốc vắn gọi là thuốc rê ông Tề, vắn điều nào điều nấy bự bằng ngón tay cái như điều xì gà, bập bập

hút chừng hơn nửa điếu thì điếu thuốc tắt ngấm nhựa ra thắm vàng khè điếu thuốc, thay vì quăng bỏ, ông dán mí điếu thuốc còn lại đó vào cây cột vuông phía sau ghế ngồi của ông như các con ve sầu trên các cành cây, lâu lâu ông bắt học trò tụi tôi gỡ những điếu thuốc cháy dở đó xuống xé bỏ giấy vắn bên ngoài, lấy phần thuốc rê nặng mùi khét lẹt bên trong bỏ vào hộp cho ông.

Cái đặc biệt thứ hai của thầy Quạ là ông ăn sáng rất trễ và ăn tại lớp học, thường thì khoảng chín giờ trong lúc học trò tụi tôi làm toán hoặc bài tập, thì ông ngoắc thẳng đê tử ruột - là tôi - lên bàn ông rồi nói gọn tên món ăn mà ông muốn ăn ngày hôm đó để tôi chui rào ra ngoài mua cho ông. Khi thì cháo lòng, khi thì xôi bắp, cũng có khi ông đổi món như cơm tấm hay cháo đậu. Nhưng món mà ông thích nhất là chuối nướng chan nước cốt dừa.

Sau khi nhận được lệnh, tôi ra khỏi lớp vòng ra phía hàng rào dỡ giầy kẽm gai móc lên sợi nằm trên rồi nghiêng mình lách nhẹ ra ngoài. mấy người bán hàng quen mặt tôi quá rồi, đi ngang qua mỗi gánh bán hàng ai cũng hỏi:

- Bữa nay thầy ăn gì vậy con?

Vui vui tôi còn trả lời, buồn tôi đi thẳng đến gánh hàng thầy dặn mua. Mua xong đem vô thầy tôi ngồi ăn tại bàn, học trò tụi tôi ngồi dưới nhìn lên thẳng nào cũng thèm chảy nước miếng, nhất là mấy món bốc hơi thơm ngát như cháo lòng hay hủ tiếu.

Tất cả các đồ ăn đó thầy tôi đều mua... ghi sổ, cuối tháng tính tiền, mấy bà bán hàng không biết vì khoái ông thầy Quạ của tôi hay vì cuối tháng được trả tiền hậu hĩ sòng phẳng, mà đua nhau mời mọc bán đồ ăn cho thầy tôi.

Ông ít khi đánh học trò, đứa nào không thuộc bài bị ông mắng:

- Nhỏ mà không chịu học, lớn lên đi làm “Service de Sethung” ghen con!

Lần đầu tiên nghe chữ Tây đó, học trò tụi tôi không biết là cái nghề gì vậy, sau đó được ông cười giải thích:

- Service de Sethung là Sở thùng đó, tụi bay không biết hả?

Đầu năm học của lớp Nhất, Hiệu trưởng trường Cầu Bắc là thầy Diều gọi là ông Đốc Diều, Ba tôi thường trêu chọc anh em tụi tôi:

- Trường Cầu Bắc của tụi bay ngộ quá, Hiệu trưởng thì tên Diều, còn thầy giáo thì tên Quạ, chỉ thiếu có ai tên kên kên nữa thì đủ bộ.

Dạy được nửa năm thì thầy Đạt dạy lớp Tiếp Liên được lên làm Hiệu Trưởng, còn thầy Diều lên chức Thanh Tra Tiểu Học. Trường lá Cầu Bắc đến thời kỳ này thì có nhiều thay đổi. Cổng trường được xây lại bằng gạch, với tấm bảng hoàn toàn bằng tiếng Việt “Trường Tiểu Học Châu Thành Mỹ Tho”, không còn tiếng Tây nữa. Học sinh phải mang phù hiệu ở ngực hoặc túi áo, phía trên có hình Quốc kỳ Quốc gia Việt Nam nền vàng ba sọc đỏ, phần dưới đóng dấu mộc tròn của trường.

Riêng mỗi lớp phải có một lá cờ hình chữ nhật màu xanh lá cây đậm với chữ màu vàng đề tên lớp học phía trên, khẩu hiệu lớp học phía dưới. Cờ được cắm xéo trước mỗi lớp

đồng góc độ với nhau. Lớp tôi, không biết vì ảnh hưởng của phong trào kháng chiến hay Thanh Niên Tiên Phong gì đó, mà thầy Qua của tụi tôi đặt tên lớp là Cần Lao, với khẩu hiệu là Cố Gắng, trong khi các lớp khác đa số đều lấy tên của các danh nhân lịch sử. Mỗi lần thầy cô hay khách bước vào lớp, học sinh trưởng lớp hô lớn tên lớp, học sinh cả lớp đồng loạt đứng dậy hô to khẩu hiệu.

Một hôm tôi đi rỉ tai cả lớp - trừ anh trưởng lớp, vì chắc chắn anh sẽ không chịu nghe lời mà có thể còn đi méc thầy nữa - tôi bảo:

- Ê tụi bây, bữa nay sau khi hết giờ chơi thầy trở vô lớp, khi anh trưởng lớp hô to “Cần Lao”, lúc đứng dậy tụi bây la to “chuối nường” nghe!

Mấy thằng bạn khoái chí quá, thằng nào cũng gật đầu hưởng ứng.

Trống đánh “thùng thùng” chấm dứt giờ ra chơi, cả lớp vô học lại. Thầy Qua của tụi tôi từ từ bước vô lớp. Y chang như dự tính, khi trưởng lớp hô to:

- Cần Lao!

Tụi tôi đồng thanh đứng dậy la lớn hơn mọi khi:

- Chuối nường!

Thầy Qua khựng lại muốn bật ngựa, rồi cố nhịn cười:

- Tiên tổ cha tụi bây! thằng nào bày đặt vậy?

Cả lớp tụi tôi cùng nín khe không đưa nào dám cười. Rồi ông từ từ đi lại bàn viết với lấy cái thước bằng dài cả thước tây nhịp nhịp xuống bàn:

- Bữa nay tụi bây lộng hành quá rồi! Cả lớp quỳ gối lên bàn cho tao! Dám đổi khẩu hiệu cố gắng thành chuối nường hén!

Tuân lệnh thầy, cả lớp tụi tôi gom bài vở tập sách trên bàn đút vô ngăn dưới để dọn chỗ... quỳ gối. Khổ nỗi, mặt bàn học trò nghiêng xéo xuống chớ không phẳng ngang như băng ngồi. Quỳ gối trên băng ngồi dễ ẹt vì phẳng và bắp đùi tựa vô cạnh bàn, chưa kể còn lén để vài cuốn tập dưới đầu gối nên quỳ êm re. Còn quỳ trên mặt bàn nghiêng không có chỗ tựa mà còn phải khoanh tay nên tụi tôi đưa nào đưa nấy té lên té xuống lụp cụp.

Đã vậy thầy Qua tụi tôi còn đứng trên bục chúm chím cười cầm thước nhịp nhịp:

- Quỳ thẳng lên! Cho tụi bây bày đặt chuối nường ghen!

Có lẽ tối đó thằng Nguyễn Tự Hùng về nhà khai ra hết, nên sáng hôm sau vô lớp, thầy kêu tôi lên bảng:

- Hôm qua mày bày đầu phải không?

Tôi gãi đầu:

- Thừa thầy con nói giỡn chơi, ai dè tụi nó làm thiệt.

- Tao méc thằng Học quánh thấy cha mày ghen con!

Khoảng hơn chín giờ, thầy ngoắc tôi lên biểu đi mua đồ ăn, bữa nay thầy đổi món cháo lòng!

---o0o---

Cuối năm đó tôi thi đậu bằng Tiểu Học, tháng sau thì thi tiếp vào trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu. Thường thì học trò lớp Nhất ít có đứa nào đậu thẳng vào lớp Đệ Thất lắm, tôi cũng vậy, dù bài vở làm cũng khá nhưng vì thi “concourt” xếp hạng nên khó lọt vô được. Rớt Đệ Thất, mà còn tới gần hai tháng nữa mới có cuộc thi tuyển vào lớp Tiếp Liên nên Ba tôi cho vào học lớp Đệ Thất trường Trung Học Tư Thực Vĩnh Tường do thầy Nguyễn Văn Tiểu làm Hiệu Trưởng, còn gọi là ông Bảy Tiểu. Trường Vĩnh Tường năm trước nằm trong khuôn viên chùa Phật Ân ở đường Ngô Quyền, năm nay được dời ra phía sau một villa rộng lớn nằm gần cuối đường Hùng Vương. Học phí cho mỗi tháng lớp Đệ Thất là 120 đồng. Tôi còn nhớ học trò lớp Đệ Thất trường Vĩnh Tường thường có hai câu về nhái theo bài thơ khóc ông Phủ Vĩnh Tường:

- Thôi thôi ông Bảy Vĩnh Tường ôi,
Cái nợ trăm hai đã trả rồi!

Hai tháng sau trường Tiểu Học Cầu Bắc mở cuộc thi tuyển vào các lớp Tiếp Liên, tôi nạp đơn và thi đậu. Lớp Tiếp Liên của tôi do cô Lý Ảnh dạy, chị cô là cô Lý Hoa cũng dạy lớp Tiếp Liên kế bên, giữa năm cô Lý Hoa thi đậu vào nhóm I Quốc Gia Hành Chánh, nghe nói sau này cô Lý Hoa làm Đồng Lý Văn Phòng của một Bộ nào đó.

Cả hai chị em cô Lý Hoa và cô Lý Ảnh lúc đó còn độc thân, mà học trò thì đứa nào đứa này lớn sộ. Một hôm, anh học trò trưởng lớp tôi đứng dậy:

- Thừa cô ngày mai cho em nghỉ luôn ở nhà!

- Em nghỉ chi vậy?

- Thừa cô, ngày mai em... cưới vợ!

Cô Lý Ảnh mắc cỡ mặt đỏ rần.

Cô Lý Ảnh của tụi tôi hiền, chăm chỉ dạy tụi tôi, nhưng thỉnh thoảng cũng bắt vài đứa xòe tay cho cô khẻ đau điếng vì tụi tôi không thuộc bài hay phá phách.

Riêng tôi, được Ba tôi - hay bị - ra hai điều kiện:

- Nếu tôi đậu vào Đệ Thất Nguyễn Đình Chiểu năm nay, tôi sẽ được thưởng một chiếc xe đạp nhôm mới tinh.

- Ngược lại, nếu tôi rớt, sẽ bị gởi vô trường Thiếu Sinh Quân (lúc đó trường Thiếu Sinh Quân Quân Đội Quốc Gia Việt Nam nằm tại mấy dãy nhà lâu xưa đối diện trường Nguyễn Đình Chiểu trên đường Boulevard Bourdais, sau này là Hùng Vương; mấy năm sau khi trường Thiếu Sinh Quân dời đi Vũng Tàu, khu này trở thành trường Tiểu Học Trương Công Định).

Thật ra, cả hai điều kiện đó tôi đều... khoái cả. Dĩ nhiên thi đậu vào trường Nguyễn Đình Chiểu thì khỏe rồi, nhưng nếu thi rớt, tôi cũng đâu có ngán... trường Thiếu Sinh Quân, vì cứ mỗi Chúa Nhật, nhìn đám học sinh Thiếu Sinh Quân mặc đồ đồng phục sọt trắng, mang vớ ống đi giày da cùng với bê rê đỏ đi dạo phố Mỹ Tho trông cũng...

“ngầu” lắm.

Nhưng tôi nghiệp Má tôi, cứ cần nắn Ba tôi:

- Ông làm gì dữ vậy! Để con nó từ từ học chó hăm he hoài làm sao thằng nhỏ học được! Cũng may, cuối năm đó tôi đậu vào trường Nguyễn Đình Chiểu, mà lại đậu cao suýt được học bổng, và dĩ nhiên là tôi nhận được phần thưởng chiếc xe nhôm bóng loáng hiệu “Mercier” mới cắt chỉ ráp tại tiệm xe đạp Lê Hương của bác Sáu Bê dưới dốc cầu Quay kế bên nhà thuốc tây Trần Văn Khánh.

Tôi chính thức từ giã ngôi trường Lá Cầu Bắc thân yêu sau năm năm “dồi mài kinh sử” để trở thành học sinh trường “Cô Lê” Nguyễn Đình Chiểu Mỹ Tho. Từ giã những buổi tiệc tất niên đãi thầy đãi cô bằng bánh kẹo với nước xá xị con cộp BGI, con nai Phương Toàn, với lớp học được trang trí bằng lá cây dừa lá cây đũa đinh kết hoa kết tui như ngày đám cưới. Từ giã những ngày mưa gió, guốc dép xỏ sâu máng cần cổ đi chân không, mấy ngón chân bấm mạnh xuống sân trường bằng đất sét trơn láng như có thoa mỡ bò, chỉ sợ té xuống “bắt ếch” để đám học sinh con gái cười rần thì có nước độn thổ. Từ giã những lần đeo theo đầu xe lửa đang lăn bánh chậm chậm trên đường rầy cạnh trường, khi xe lửa chạy lên tận Đồng Xanh rồi trở đầu lúi về nhà ga Mỹ Tho, mỗi lần như vậy về nhà bị đòn mà vẫn khoái, lén lén đi hoài. Hơn nửa thế kỷ trôi qua với biết bao vật đổi sao dời, riêng ngôi trường Lá Cầu Bắc vẫn còn in đậm nét trong ký ức đã bắt đầu nhòe nhoẹt của tôi.

(Trích tuyển tập Cái Chết Của Một Dòng Sông - Xuất bản tại Hoa Kỳ năm 2009)

Song An Châu

Khung trời kỷ niệm

Em có nhớ, khung trời kỷ niệm
Của chúng mình lúc mới yêu nhau
Bên hiên trường mưa gió dạt dào
Mình trú chân sau giờ tan học.

Mưa không dứt từng cơn gió lốc
Đứng bên em anh thấy ấm lòng
Dù bên ngoài gió bão mưa dông
Anh vẫn thấy trong lòng ấm áp.

Ngày hôm đó tiết trời tháng chạp
Anh chỉ quàng chiếc áo mong manh
Tay trong tay anh không thấy lạnh
Truyền cho nhau hơi ấm từ lòng.

Lâu lắm rồi em có nhớ không ?
Kỷ niệm xưa khi mới yêu nhau
Giờ nhớ lại tưởng như hôm nào
Đôi tay nắm vẫn còn hơi ấm.

Nay xa cách biển trời xa thăm
Nơi xứ người anh vẫn nhớ em
Và nhớ mãi kỷ niệm êm đềm
Dù thời gian nhuộm màu tóc bạc.

Em như

ngọn gió vô tình

Heo may
gió thoảng thu sang
ai đem màu nhuộm
lá vàng đầu thu.
Để tôi
buồn cả đêm thâu
gói tròn trong mộng
tình đầu người ơi!
Bao năm
phiêu bạt phương trời
nhưng hình bóng cũ
chưa vơi trong lòng.

Xuân qua
rồi lại Đông sang
thu tàn lá rụng
vẫn mang bóng hình.
Ngày xưa
em nói... chung tình
sao nay như gió vô tình bay xa...

Cát bụi tình xa

Giờ đây em xa rồi
Nghe sầu lên chơi vơi
Ngõ hồn sao hoang vắng

Bơ vơ bên góc đời.

Nay em xa anh rồi
Anh buồn như biển khơi
Hoàng hôn chiều dần xuống
Đời anh như mây trôi.

Em tiếc chi những lời
Hay chỉ đôi lời thôi
Chia tay em không nói
Em buồn chi em ơi ?

Nay đã xa nhau rồi
Anh gọi em đôi lời
Tình chỉ là ảo mộng
Đời, mộng ảo em ơi !

Chúng mình là cát bụi
Tình đời cũng thế thôi.
Mai này không còn nữa
Cát-bụi-tình-xa rồi !

Dư hương ngày cũ

Chỉ vì một chút hương thừa
Mà sao tôi lại say sưa cuối đời
Say tình say nghĩa mà thôi
Tôi đâu say rượu cho đời lên đèn.

Rượu say không thấy buồn tênh
Say tình tôi lại ... buồn mênh mông buồn
Khi tình phai lạt mùi hương
Chút gì để lại còn vương vấn hoài.

Dư hương phảng phất đêm nay
Nghe đời rụng xuống... mắt cay giọt sầu !

Niềm Đau Quê Mẹ

Song An Châu

Nơi tôi ở nắng vàng tràn khắp lối. Thương quê hương tôi nắng đã úa màu. Tôi bỏ nước

ra đi với vạn niềm đau. Nỗi âu lo xoáy vào lòng như lửa đỏ. Nào mẹ già, con nhỏ buộc cẳng, níu chân. Mắt rung rung nhìn lên bàn thờ cha ngày đó. Hương khói quyện tròn như nhấn nhủ người đi. Buổi từ ly không đem theo một chút gì, khi tâm hồn chứa quá nhiều đau khổ.

Quê hương ơi! Lãng miếu đền xưa còn đó, u buồn bóng dáng tiêu điều. Ngôi từ đường dòng họ tường mọc xanh rêu. Cánh đồng lúa xanh đã vàng bông vào mùa gặt. Lòng càng quặn thắt khi đi qua ngõ trường xưa. Bước qua cầu dừa nhớ người yêu cũ. Bè bạn đâu rồi, đứa còn đứa mất. Đứa đi vào lòng đất, đứa vất vưởng trại tù, đứa bỏ nước vượt biên tìm đường để sống. Bà mẹ già trông ngóng tin con, mắt mờ tóc bạc, lòng đau dạ xót, khi hay tin người quen nhấn về, con đã chết ở biển khơi.

Tàu ra khơi, nhìn lại đất trời, tiếc thương quê hương, thương từng tấc đất. Huống chi là dải giang sơn từ Nam chí Bắc, sông núi đã liền, nhưng lòng người chưa thắt chặt, hận thù còn đông đặc chưa tan. Hàng triệu người ra đi bỏ nước xa làng, tìm tự do nơi xứ lạ. Thân vùi biển cả. Hải tặc hiếp dâm. Nhục nhã. Bà cụ già đâm đầu xuống biển.

Trên con tàu ọp ẹp, cũ xì, chật đầy người bỏ nước ra đi. Không mai, bỏ thân ngoài biển cả làm mồi cho cá. Kẻ băng rừng người lội suối bắt chập rùng thiêng nước độc, cướp đường, đĩa vắt, đối mặt với tử thần. Nhưng bắt cần, miễn sao rồi được quê hương cò máu, ngăn rào từ tấc đất, ngọn rau.

Nỗi đau, oan khiêng này ai tạo, ai gây hại cho dân tôi? Dân tôi ngàn năm đau khổ rồi cũng vì kẻ thù phương Bắc. Đồng bào ơi! Hãy vùng lên chống giặc. Kẻ thù ngàn năm phương Bắc.

Lê Hữu Minh Toán

Chấm hết

Năm sáu nỗi buồn
Xâu xé nhau loạn xạ
Tranh ngôi thứ
Tiềm thức ung thư
Rỉ máu
Giọt
Đen ngòm

Gã trung niên
Tàng tàng cù lủ

Ngồi phạch trên lưng trời
Cười hăng hắc
Ngịch ngợm
Xé toạc tim mình vọc chơi
Lục lọi tìm kiếm
Chiếc bóng đời mình trong gương
Rồn rợn hắt hiu
Chập chờn ảo ảnh
Trắng đen
Xanh đỏ
Vàng tím

Từng ngăn từng ngăn
Khép
Mở
Khởi bầy nhầy
Chấm hết!!!

Thơ điên

Chữ nào là chữ người ta
Cõi nào là cõi ta bà nữa đây
Thôi đừng hí lộng múa may
Buông câu lục bát như say như cuồng.

Houston mưa nắng thất thường
Có ta điên tỉnh vui buồn từng cơn
Khi điên làm Tôn Ngộ Không
Tỉnh ra mới biết mình còn dương gian.

Điên mà tỉnh, tỉnh mà điên
Điên điên tỉnh tỉnh có phiền ai đâu
Tỉnh điên gió tạt qua cầu
Có điên có tỉnh có rầu mới vui.

Thưa Ông Thi sĩ Giáng Bù
Ông điên rất tỉnh ngâm ngùi thế nhân
Rượu thơ một túi lâng lâng
Bảy mươi năm cuộc tẩy trần hiểm hoi.

Chuồn chuồn phận mỏng thân tôi

Bay ngang bay dọc lồi thoi vài lời
Rằng trăm năm mấy cuộc chơi
Vòng vây hệ lụy khóc cười nhân gian.

Chui vô động chui vô hang
Lặng nghe tiếng thở tối quàng vào đêm
Sáng thành điều quạ kên kên
Chơi trò sắp ngựa ai điên ai khùng.

Túy Hà

Thủ hành thiền.

Ngửa tay hứng lấy chữ đời
Viết thêm chữ đất thành lời dễ thương
Treo cao tặng khách thập phương
Đất trời muôn thuở ngát hương tuyệt vời.

Buông tay thả chữ giỡn chơi
Giật mình níu lại, kịp thời ăn năn
Cho tâm sáng như trăng rằm
Cho sương xuống thấp ăn nằm cùng hoa.

Nắm tay giữ ngọn kim thoa
Kéo phai màu tóc, nhạt nhòa sắc em
Tâm không tịnh lòng sao êm
Hắt hiu ngọn gió đèn đêm mờ dần.

Vỗ tay vang khắp hồng trần
Gọi hồn thơ lại gieo vãi trầm hương
Thơm đời tâm sáng như gương
Soi lòng nhân thế, ghét thương cũng đành.

Chấp tay xin chút an lành
Vái thêm một vái tâm thành liên hoa
Như Phật xưa bước thật thà
Trên bông sen trắng nở ra đạo đường.

Vung tay xòe cánh hướng dương
Vai trần nhật nguyệt mười phương gánh dùm

Ổn chuông cổ tự còn rung
Cho ta ngộ được chữ trung dung đời.

Mê chấp

Từ bi ngã Phật chính ta
Ba ngàn thế giới cũng là sắc không
Đời có đẹp như hoa hồng
Sắc màu sẽ nhạt, gai chông thêm nhiều.

Đừng say hoa thắm mỹ miều
Đừng lo tính toán ít nhiều, thiệt hơn
Hãy nhìn từng hạt mưa vòn
Tự vô căn thủy hết voi lại đây.

Hãy nhìn từng áng mây bay
Xem tranh vân cầu xưa nay vẫn là
Tranh danh đoạt lợi tâm tà
Thủy triều lên xuống cũng tà dương thôi.

Thiện tâm ngã Phật bồi hồi
Nhìn hình lại thấy bóng tôi tôi tàn
Hỡi em lập dùm trai đàn
Để tôi nhất bộ bách tam kinh cầu.

Liên hoa kinh có nhiệm màu
Khai tâm mở lối đôi sầu thành vui
Tiếc thay ngã Phật ngủ vùi
Nên tôi vẫn mãi ngậm ngùi nhớ em.

Luân Tâm

Một chú thơ ngây

Bỗng dưng đau chuyện nghìn sau
Câu thơ ngây tặng ngọt ngào còn không
Đường thương trắng ngõ nhớ hồng
Dáng nằm áo ngủ tiên bông về đâu...
Ca dao lục bát qua cầu
Để cho chú rể ví dầu ầu ơ

Nhện buồn sao hết giăng tơ
Ve sầu sao hết khóc thơ phượng tình...
Chiều tàn hôn bóng bình minh
Hay là không bóng không hình không hương
Còn mưa ruộng gọi nắng vườn
Hay là chớp bể mưa nguồn tương tư...
Còn hàn sĩ mộng tiểu thư
Hay là cát bụi không dư hương cười
Còn nhón gót còn cong môi
Hay là bèo giạt hoa trôi ngược dòng...
Còn đưa chim sáo sang sông
Đa đa tức tưởi lấy chồng quá xa
Chim quyên cu đất thương ca
Hay là không tổ không nhà không quê...
Lia thia quen chậu đi về
Rau răm đắng đất chịu bẽ khổ qua
Cải trời gần điên điên xa
Bầu non rụng rún trăng già còn rặng...
Còn chú Cuội yêu chị Hằng
Vì sao cô Tấm không bằng nàng Hương
Canh rau muống cà dầm tương
Thương Cha nhớ Mẹ đoạn trường dẫu yêu...
Hay không không biết bao nhiêu
Không hoa không bướm không tiêu không trầu
Không đèn không lửa không dầu
Không thơ không nhạc không đào không mai...
Bây giờ may gặp nhau đây
Xin em thơ chút thơ ngây gọi là
Hoa hồng ân hương phù sa
Dù trong dù đục ao nhà vẫn thơm...
Một mai biết có gì hơn...
Biết hôn...
Em ơi...

Hồn tử

Thương nhớ mỗi mòn thân xác xơ
Tha hương hồn tử lạnh hồn thơ

Bao đêm mộng viếng làng quê cũ
Nhà trống vườn hoang bướm dật dờ!
Ngày nắng ngày mưa ngày tuyết rơi
Đường xa xứ lạ quá lạ đời
Ngựa xe áo mào thành mây khói
Buồn đến buồn đi đứng lại ngời!
Muốn vẽ dáng đi vẽ tiếng cười
Cho lòng xao xuyến thuở đôi mươi
Cho hồn thơ chút tình mê đắm
Chỉ thấy màu hoa áo không người...
Gậy trúc gậy mây gậy thép gang
Gậy nào giữ được chút bình an
Đường trơn giông bão không chừa lối
Cuối nẻo chùn chân lạnh suối vàng!
Gửi lại cháu con bút mực nào
Hay là một thoáng đẹp chiêm bao
Con đường hy vọng như sương tuyết
Rồi cũng mờ tan cũng... nghẹn ngào!
Nói mãi mây xanh với nắng vàng
Đất trời vẫn đẹp sao khóc than
Hay niềm đau nhuộm hồn cây cỏ
Từ thuở tình yêu bỏ thiên đàng?
Nếp nhớ ăn năn nếp trán nhăn
Răng không còn nữa để thềm ăn
Trầu xưa cau cũ duyên ngang trái
Ai nợ ai mà phải trời trần?
Đất lạnh vô tình đá vô tri
Mưa buồn không giữ bóng người đi
Tan dần theo khói nhang hư ảo
Chiếc lá khô rơi có nghĩa gì...

Song Quang

Trả lại

Trả em món nợ trần ai ,
Anh vay từ thuở hình hài mẹ cho
Trả em lối nhỏ quanh co

Anh vay từ lúc hẹn hò yêu em.

Trả em suối tóc vương mềm
Anh e ấp vuốt bên thềm năm xưa
Trả em những buổi chiều mưa
Ta chung nhau bước, đong đưa sóng tình

Trả em những nụ hôn xinh
Mâm trầu cánh phượng chúng mình nên đôi
Trả em ánh mắt, vành môi
Nụ cười tươi thắm trao lời yêu thương

Trả em phần bằng, sân trường
Một thời ngã nón trên đường về quen
Trả em cánh thiệp chung tên
Trả em tất cả để quên chuyện lòng.

Em về có viết thiệp hồng
Cho tôi nhắn gửi đôi dòng thơ yêu.

Ngăn tình trong ký ức

Tôi về gom hết yêu thương,
Để vào ký ức, vẩn vương cõi lòng.
Ngày mai người có theo chồng,
Thì tôi còn chút môi hồng buâng khuâng.

Thời gian huyền ảo mộng lung,
Vắng người như thấy trống không tình buồn.
Thôi quên những lúc giận hờn
Những ngày cúi mặt, bồn chồn nhớ nhau.

Để rồi chôn kín niềm đau,
Nổi riêng mình dễ lạc nhau nghìn trùng.
Làm sao nói chuyện tương phùng?
Chia tay là hết, ngại ngừng mà chi

Thà rằng: cũng một lần đi,
Để người đừng lỡ xuân thì trôi qua
Tim mình có chút xót xa,
Nhớ người năm củ mặn mà vì đâu

Hình như ngày tháng trôi mau,
Còn đâu một mấc buổi đầu hờ em?

Xuân Du

Lá Thu

Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô
Luu Trọng Lư

Trời ui ui. Gió nhẹ. Một vài chiếc lá màu vàng nhạt theo gió là đà rơi xuống nằm chờ vơ trên thảm cỏ xanh. Ngó đồng nhất diệp lạc, thiên hạ cộng tri thu, tôi ngâm nho nhỏ hai câu thơ cổ với một nỗi buồn mông lung vời vợi.

“Này em, mùa Thu lại trở về phải không em?”

“Thì tất nhiên, hết Hạ rồi tới Thu. Cái vòng lẩn quẩn này đã có từ thời khai thiên lập địa rồi cơ mà, có gì lạ đâu!”

Tôi cụt hứng. Thì ra trong cái ngõ ngách sâu thẳm của tâm hồn một thi nhân nó chứa đựng một cái gì đó mà đôi khi người thường không thể nào cảm nhận được.

“Đồng ý, nhưng khi nhìn lá Thu rơi sao anh cảm thấy nó vừa dễ thương vừa buồn buồn làm sao ấy!”

“Lại nữa. Không biết tại sao mấy ông Thi sĩ lại có cái nhìn kỳ cục như vậy. Xuân thì cỏ cây đâm chồi nảy lộc, đơm hoa kết trái. Động vật thì cảm thấy hứng thú muốn làm cái... chuyện đó để sinh sôi nảy nở bảo tồn nòi giống mà người ta thường gọi là nhip mùa”.

“Đơn giản vậy sao?”

“Thì chứ còn gì nữa. À quên, còn nữa, mỗi lần tới mùa Xuân thì anh rủ ông Sáu Ngõ đi câu, bỏ em ở nhà một mình buồn thấy mò”

“Còn mùa Hạ thì sao?”

“Thì nóng chớ sao. Ôi chao! Nói đến Mùa Hạ, em thấy ghét cái tiểu bang Tết Xìt này quá chừng. Nóng ơi là nóng! Mỗi lần đến mùa Hạ là em muốn điên người lên. À này, anh còn nhớ cái bài hát gì mà có câu mùa hè năm nay anh sẽ đưa em vòng khắp cả... Thấy hôn? Mùa hè người ta đưa bà xã đi du lịch tùm lum, còn anh, nhiều lắm là dẫn em đi hồ câu cá, còn bày đặt nói đây là cái thú tao nhã, có lợi cho sức khỏe. Nào là... nào là... Báo hại làm người ta bị kiến cắn cái đít sưng chù vù (!). Còn mùa Đông thì...”

“Thôi được rồi! không cần nói, cái mùa Đông của em anh biết quá rồi, nào là nó lạnh! nó đông đá, nó... nó...”

“Chứ em nói vậy không đúng à?”

“Ừ! Thì đúng... mà này em! Em có biết ông Lưu Trọng Lư không vậy?”

“Ừa, sao tự nhiên anh lại hỏi sang đâu vậy? Ông Lưu Trọng Lư nào? Ông có ở gần đây không? Trong số bạn của anh, em đâu có nghe cái tên Lưu Trọng Lư? Chắc ông câu nghề lắm hả anh?”

“Em ơi là em ơi! Ông Lưu Trọng Lư là một Thi sĩ tiên chiến. Ông ta làm bài thơ “Tiếng Thu” rất nổi tiếng, ai mà không biết. Này anh hỏi thiệt nghe, hồi đó em có học Việt Văn không vậy?”

“Có chứ. Thầy em là Giáo sư Trần Văn, ông ấy dạy tụi em cả một đống nhà thơ, nhà văn nhưng... hề... hề... bây giờ em quên hết rồi.

“Trời đất! Nói chuyện với em một hồi chắc anh điên mất”. Tôi nổi cáo nguây nguây bỏ vào nhà giống như một cô gái nhõng nhẽo, giận hờn người yêu!

Một hôm, đang cắm cúi ngồi “gõ” cho xong cái truyện ngắn chợt nghe có tiếng rào rào ở vườn sau. Tôi mở cửa bước ra thì thấy vợ tôi đang cào... lá Thu!

Bà nhìn tôi ra vẻ ân cần:

“Này anh, nghe nói Thi sĩ chỉ cần một lá Thu thôi cũng làm được một bài thơ. Em nhường cái sân lá này để anh làm... thơ nhé! Chắc nó đủ cho anh cảm hứng làm hàng ngàn, hàng vạn bài thơ đó”

“Em à! Lá Thu thường gợi cảm hứng cho người làm thơ thật. Nhưng Thi sĩ chỉ cần một lá cũng đủ... gây cảm hứng rồi.

Một chiếc lá vàng óng-a-óng-ánh-nhẹ-nhàng-lả-lướt-lượn-quả-lượn-lại như hồi em mới gặp anh thì mới có đủ sức gợi hứng cho người ta làm thơ chứ. Còn cái đống rác... úi quên, cái đống lá Thu này, ối chao!... Thôi thì em giúp anh tạo nên một hình ảnh thật thơ mộng để anh làm một bài thơ “tuyệt tác” hay gấp trăm ngàn lần bài Tiếng Thu của Lưu Trọng Lư để mấy ông Thi sĩ nhà ta lóc mắt chơi, em chịu hôn?

“Mà làm cảnh thế nào?”

“Này nhé, Lưu Trọng Lư tả cảnh trong rừng Thu là con nai vàng ngơ ngác. Đạp trên lá vàng khô. Nói thiệt nghe, hai câu thơ này dở ẹc (!), con nai đạp trên lá vàng khô thì làm sao đẹp và thơ mộng bằng một người đàn bà đẹp cào rác, úi quên, cào lá Thu. Cái dáng dấp của một người đàn bà, tay cầm cào cỏ, thân hình uốn qua, ẹo lại bước tới bước lui; Nếu là một người bình thường thì hình ảnh này không có gì lạ đâu, nhưng đối với anh nó gợi lên một hình tượng thơ mộng vô cùng. Anh sẽ ngồi đây nhâm nhi cà phê rồi tưởng tượng em đang cùng anh bước đi từng bước nhịp nhàng theo điệu nhạc tăng gõ trên lá... Ồi chao, anh bảo đảm sẽ làm một bài thơ tuyệt vời để... tặng em!”

“Này ông bạn già của tôi ơi! Chịu khó cầm cây cào lên dùm đi. Cào cho hết cái sân lá Thu này rồi tha hồ mà nói dóc. Tha hồ mà tán hươu tán vượn”

“Này này, em bỏ đi đâu vậy? Còn cái sân lá?... Cái sân lá?...”

“Cái sân lá... Thu đầy thơ mộng... em nhường lại cho anh thưởng thức đấy. À này, sao

trông anh nó giống cái con khi già ngo ngác đập trên lá vàng khô dữ vậy hề?!”

lục bát 4 câu

mái tóc

thôi đừng soi nữa lược gương
thôi đừng rẽ nữa con đường phù du
đẹp như con nước mùa thu
trăm năm rồi cũng rồi bù em ơi!

gặp đàn bà...xui!

sáng nay vô chợ đông người
gặp em ta chỉ...cười...cười...vậy thôi!
nào ngờ nhớ mãi khôn nguôi
chết cha! ta lại gặp... “xui” nữa rồi!

cầm nhầm

em về phố xá reo cười
tưởng đâu em đã thành người phương xa
nhớ mùa mạn mới đơm hoa
em quên cài cổng bị ta cầm nhầm!

hình như

sáu mươi ừ cũng hơi già
cho nên ta cứ nhìn ta - lắc đầu
sáng nay tĩa lại bộ râu
hình như ta vẫn còn ngầu như xưa !

tắm sông

bọn tôi hai đứa già nua
ngược xuôi đời đã te tua lắm rồi
lên bờ phui đít ngồi chơi
mặc cho lũ nhỏ còn bơi giữa dòng!

tiếng đàn

trên sông hương

trăng tàn, bến Ngự mù sương

nửa đêm nghe tiếng dòng Hương trở mình
bao nhiêu nước, bao nhiêu tình
đàn ai, trôi khúc Nam Bình nỉ non!

lục bát 3 câu

1.

hình như quả đất này tròn
cho nên ta với em còn gặp nhau
thì mình làm lại chớ sao!

2.

hay là có tật giật mình
hay là có kẻ đang rình đâu đây
ôi chao chết chắc trận này!

3.

nghĩ ra cũng thật nhiệm màu
hôm nay ta lại giấu đầu lòi đuôi
thôi đành kiếm chỗ nào chui!

4.

chiều buồn xạo xạo vô mall (1)
kiếm đàn bà đẹp... chào cho đỡ ghiền
bà nào cũng tưởng mình điên!

5.

ta là hạt bụi cù bơ
một đời cù bác, làm thơ cù nhầy
vậy mà nhỏ cũng khen hay!

6.

long môn lở đứt đầu vào
quậy cho nổi trận ba đào mới cam
Quá nhi, cô tưởng em làm! (2)

7.

dã tràng xe cát biển đông
đụng con sóng dữ thành Công Dã Tràng
vậy mà cũng khoái bò ngang!

8.

hành tǎng một buổi độ đường
còng lưng cõng cái vô thường sang sông
chắc gì sắc tất thị không!

9.

chân trời nào có bao xa
mà lão Tề lộn đến ba bốn vòng
mới hay mình lọt vào tròng!

1. Thương xá

2. Tiểu Long Nữ gọi Dương Quá là Quá nhi.

Tam Quỳnh

Gửi người viễn xứ

Thuở ấu thơ cuộn tròn trong tay mẹ
Thương làm sao, chú mèo nhỏ dễ thương
Thao thức cùng con, những lúc đêm trường
Tim lặng lẽ, lắng nghe từng nhịp thở

Rồi một ngày, con tung tăng chân thỏ
Sách cầm tay, con hớn hờ đến trường
Đôi mắt nhìn theo, lòng mẹ thêm thương
Thương biết mấy, mẹ mừng vui khôn tả

Thời gian trôi, bao khó khăn vất vả
Tuổi lớn khôn, con càng lúc càng xa
Còn lại đây, cha yếu với mẹ già
Con dần bước, tha hương đời viễn xứ

Rồi một phút chạnh lòng, con có nhớ
Cha mẹ già trông đợi, chốn quê xưa
Yêu bao nhiêu, thương biết mấy cho vừa
Con có nhớ, tình cha cùng nghĩa mẹ...

Miên Du Đà Lạt

Rồi mai đây!

Rồi mai đây, lạnh về trên bờ đá
Biển đập vùi, vách núi phủ rêu phong
Lá rời cành, lìa đời không tiếng gọi
Ta vùi chôn tình lỡ chẳng nhớ nhung!

Rồi mai đây, ta đi vào quên lãng
Có ai còn tìm lại dấu chân xưa!?
Những nhánh sầu chia buồn trên lối cỏ
Những cuộc đời lặng lẽ chẳng ai đưa

Rồi mai đây, ta đi về cát bụi!
Đời băng khuâng chỉ một thoáng ngậm ngùi
Vàng trắng sầu kể chuyện tình cổ tích
Trong sương đêm, ta yên giấc ngủ vùi!

Rồi mai đây, ai tìm về dĩ vãng!?
Thấp nắn buồn soi lại chuyện trăm năm
Mở trang sách, dòng tình thơ vàng úa
Sầu dâng lên rơi những giọt âm thầm!

Thâm lặng

Thâm lặng suy tư giữa cuộc đời,
Nghĩa là cung Thánh của hồn tôi
Nghĩa là hạnh phúc tôi suy gẫm
Là bước khôn ngoan của một đời

Đá quý vòng vàng tôi chẳng đếm
Chẳng tìm danh phận, bởi vô thường
Chẳng tham một bước hơn thiên hạ
Chẳng muốn tình tôi vướng bụi đường.

Tôi tìm chân lý trong im lặng
Tìm khối ân tình đã vỡ đôi
Tư tưởng mỗi ngày tôi thấp sáng
Trái tim sầu khổ lạnh băng rồi!

Chậm

Ta chậm lại, nên đời không bước vội
Tháng năm tàn thời gian chuyển qua nhanh
Bao gút thắt ta gỡ hoài không thoát
Bao muộn phiền mờ ánh mắt tinh anh

Ta dừng lại, bởi không còn bước kịp
Gối mỗi rồi, chân cũng chẳng khoan thai
Tay chới với chụp bắt đời vô vọng
Gánh một đời sầu nặng cả hai vai

bán thơ!

làm thơ! ừ nhỉ! đem rao bán!?
biết có ai mua giữa chợ đời?
biết có ai cùng chung nhịp điệu?
mua dùm ta dăm chữ thơ rơi!

làm thơ! buồn nhỉ! sao đem bán!?
có phải trần gian hết chữ rồi!?
có phải người đời thôi đọc sách!?
ta về treo vách ngắm thơ chơi!

Trần Văn Lương

Giọt buồn cuối nẻo

Mây héo quắt như mặt người luống tuổi,
Lợn khới chiều vờn đuôi muỗi vườn sau,
Lớp rêu xưa đã mấy độ thay màu,
Chim mất tổ mổ sầu trong nắng muộn.

Sương hôm cuộn cuộn,
Cỏ băng đường, luống cuống chạy quanh.
Cơn gió bắc lạnh tanh,
Mưa lá vỡ tan tành trên mộ chí.

Đường thiên lý người miệt mài quên nghỉ,
Có dừng chân thì cũng chỉ phút giây,
Nhưng rồi khi bóng tối át màu mây,
Lại lê lét chốn đọa đày quen thuộc.

Đời giong ruổi dẫu trăm ngàn trôi buộc,
Chẳng còn chi khi hết cuộc chơi này.
Phút quay về, cay đắng vốc tràn tay,
Đôi mắt trũng ứa đầy men tiếc nuối.

Lối vô định, chỉ riêng mình lặn lội,
Gói hành trang là một chuỗi nhớ thương.
Máu oan khiên rơi rớt đỏ bụi đường,
Trên sỏi đá, đóa đoạn trường rộ nở.

Những khuôn mặt giữa hành trình gặp gỡ,
Cũng chỉ là ảo ảnh ở trong tim,
Những nỗi vui lòng hao hức kiếm tìm,
Thành bọt sóng nổi chìm trong trí nhớ.

Mên mang chiều phố chợ,
Giày thủng vớ lang thang.
Trông mắt đục hoang mang,
Lỡ làng kinh cứu độ.

Cổng Thiên đàng xiêu đổ,
Người hết chỗ quay về.
Bóng đêm dài dai dẳng lê thê,
Nghe thương nhớ tái tê ngày tháng cũ.

Nhớ tiếng hát mẹ ru từng giấc ngủ,
Nhớ giọng cười của lũ trẻ trong thôn,
Nhớ những chiều lặng ngắm nắng hoàng hôn,
Rồi chợt thấy lòng buồn không duyên cớ.

Nhớ sân trường phượng nở,
Chân ngại ngần, ôm sách vở theo nhau,
Nắng hè trưa như rót lửa trên đầu,
Môi lắp bắp mãi nửa câu hò hẹn.

Nào ngờ mây đen sức đến,
Cánh bèo mất bến ra khơi.
Gió đông về, lá rách tả tơi,
Trôi trôi mãi trên dốc đời trơn tuột.

Đất lạ âm sao lòng nghe giá buốt,
Một kiếp người đà mấy cuộc ra đi.

Gập ghềnh nẻo chia ly,
Chân lữ thứ biết khi nào quay lại.

Trăm năm nữa, ánh mặt trời vẫn mãi
Về đùa chơi cùng cỏ dại nơi đây,
Nhớ hay chẳng có một kẻ lưu đây,
Đã vĩnh viễn vùi thây trong bóng tối.

Gót lữ hành mệt mỏi,
Đường đời một lối loanh quanh.
Khi nắng chiều bỏ ngỏ trời xanh,
Hương lá thắm cũng đành phai dưới cội.

Hành trang cũ vơi dần theo bước vội,
Chốn quê nhà vẫn vời vợi quan san.
Đàn chim xưa nay đã cánh tan đàn,
Vườn vĩnh cửu ngút ngàn bia mộ mới.

Trời cao thăm, tiếng kêu cầu chẳng tới,
Người cuối đường chơi với khóc vu vơ,
Đáy mắt sâu tắt ngúm lửa mong chờ,
Ve áo bản, mờ mờ dăm dấu lệ.

Hết Trầm Hương 3